



CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP — GIÁO DỤC — VĂN HỌC PHẬT GIÁO — TIN TỨC PHẬT SỰ

Email: baivochanhphap@gmail.com

Website: chanhphap.us | chanhphap.org | chanhphap.net

Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Siêu**

Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**

Chủ bút: **Vĩnh Hào**

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tân đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**

Hình bìa: **121clicks.com**

LIÊN LẠC:

• Bài vở: baivochanhphap@gmail.com

• Quảng cáo / Phát hành:
(714) 266-4171

• Chi phiếu ủng hộ xin ghi:
CHANH PHAP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840
hoặc Zelle số phone: **714.266.4171**
(Memo ghi "Ủng hộ CP" -
xin gọi hoặc nhắn tin trước khi zelle)

*

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thế hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chi còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp màu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

Nguyệt san Chánh Pháp là báo biểu, không trả nhuận bút cho bài vở gửi đăng. Quý văn thi hữu nào muốn có nhuận bút xin ghi rõ "có nhuận bút" và địa chỉ liên lạc để tòa soạn quyết định. Bài gửi đăng xin đánh máy sẵn và gửi bằng electronic file qua email:

baivochanhphap@gmail.com

Trân trọng cảm ơn.

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 3
- **CHIẾC VÒNG THIÊNG** (thơ HT Thích Thắng Hoan), trang 6
- **NHỮNG ĐÓNG GÓP TO LỚN CỦA CÁC HỌC GIẢ ANH QUỐC CHO NỀN PHẬT GIÁO ẬU-MỸ**, t.t. (HT. Thích Trí Chơn), trang 7
- **CHẴNG THƯỜNG, VỮNG THÂN TÙNG** (thơ Minh Đạo), trang 9
- **VÔ MINH, BÀN TÁNH CỦA TÂM, VÀ BỒ TÁT** (Nguyễn Thế Đăng), trang 10
- **GIÁO DỤC TINH THẦN TỰ CHỦ, PHỤNG SỰ THA NHÂN, KHÔNG HẠN THỦ** (Nguyễn Siêu), trang 12
- **THIÊN LÝ ĐỘC HÀNH - 8** (thơ Tuệ Sỹ), trang 13
- **BÁT CHÁNH ĐẠO VỚI NĂM GIỚI QUÝ BẦU** (HT. Thích Thái Hòa), tr. 14
- **THÔNG BÁO SỐ 2 VỀ ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN PL.2569** (TK Thích Chúc Đại), trang 16
- **TỬ CÚ LỤC BÁT "NGÀY MAI"** (thơ Vĩnh Hữu Tâm Không), trang 18
- **THÔNG BÁO AN CƯ KIẾT HẠ VÀ ĐẠI HỘI THƯỜNG NIÊN 2025** (TK Thích Nguyên Siêu), trang 19
- **CÁI THẤY CHÍNH DUYÊN** (Khánh Hoàng), trang 20
- **10 BÀI HAIKU** (thơ Pháp Hoan), tr. 23
- **THÔNG BÁO SỐ 2: KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN 12** (HT. Thích Nguyên Siêu), trang 24
- **BỆNH VÀ TÂM PHẬT** (Thiền sư Bankei - NS Trí Hải dịch), trang 26
- **THƯ CUNG THỈNH NGÀY VỀ NGUỒN LẦN 14** (HT. Thích Thông Hải), tr. 27
- **BẠC HIỀN TRÍ** (Nhóm Áo Lam) tr. 30
- **TRIẾT HỌC LUẬT TÔNG VÀ TINH THẦN THƯỢNG TÔN GIỚI LUẬT** (Thích Tâm Nhân), trang 31
- **NHỮNG MÙA HOA VẠN THỌ...** (thơ Tôn Nữ Mỹ Hạnh), trang 33
- **GIỮ GIỚI NHƯ GIỮ RỄ CHO CÂY** (Quảng Tánh), trang 34
- **"QUÁN PHÁP TRÊN CÁC PHÁP..."** (TN. Hằng Như), trang 39
- **XUÂN VÀ THƠ, TÂM** (thơ Diệu Viên), trang 42
- **ĐỨC PHẬT: NÓI, NGHE, ĐỌC VÀ VIẾT ĐÚNG PHÁP** (Nguyên Giác), trang 43
- **NHỮNG BÀI THƠ BUỒN, NHỮNG BÀI THƠ VUI** (thơ Thy An), trang 45
- **CHÙM TRUYỆN CỰC NGẮN HOÀNG LONG**, trang 45
- **TRƯỚC PHẬT ĐÀI** (thơ Trần Toàn), trang 47
- **ĐUI MẮT** (thơ TM Ngô Tăng Giao), trang 48
- **TRUYỆN CỰC NGẮN** (Steven N), tr. 49
- **ĐẤT TRỜI NGOẠI PHƯƠNG** (thơ Thanh Nguyễn), trang 50
- **TẠO PHƯỚC BẰNG TÂM LÒNG VÀ HỌC ĐỨC KHIÊM TỐN** (TL Đào Mạnh Xuân), trang 51
- **GIÀN THIÊN LÝ HIỆN XUÂN...** (thơ Tịnh Bình), trang 52
- **HẢI AN NI TỰ ĐẤT ĐÀO BANG** (Tiểu Lục Thần Phong), trang 53
- **CON VÊ THÂM THẦY, THẦY ĐÃ RA BIỂN** (Kiều Mỹ Duyên), trang 50
- **MÂY MƯA** (thơ Thương Tử Tâm), tr. 58
- **ẢM ẪN SỢ XÃ HỘI** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 59
- **MÙA XUÂN GIỮA CỘI VÔ THƯỜNG** (thơ Du Tâm Lăng Từ), trang 60
- **CỜ TRÓI tập 2 - chương 14**, t.t. (truyện dài Vĩnh Hào), tr. 61
- **CON BÒ TÓT RỪNG AMAZON** (thơ Lý Thừa Nghiệp), trang 65
- **NẤU CHAY: SÚP NGŨ MỊN THUẦN CHAY** (Hồng Hương), trang 66
- **STORY OF THERA SARIPUTTA** (Daw Tin), trang 67
- **NIỆM PHẬT** (Truyện cổ Phật giáo), trang 68

Báo Chánh Pháp số 160, tháng 03.2025, do Chùa Bát Nhã (California) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Tòa soạn xin thành tâm cảm tạ. Kính nguyện quý tự và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa soạn

XUÂN MUỘN

Sau những ngày dài bị hỏa hoạn tàn phá, mưa mới rơi xuống đất này trong vòng một tuần lễ, rì rả, lâm râm. Người ta nói quá muộn; và cũng nói, muộn còn hơn không. Mưa sau không cản được lửa trước, nhưng cũng ngăn được lửa sau. Quá khứ sai lầm, hối hận không kịp; nhưng vẫn còn hôm nay, ngay nơi hiện tại này, có thể khởi lại từ đầu.

Có những chọn lựa trong đời không như ý. Chọn lựa sai có thể đẩy đi thật xa, khỏi ước vọng và mục tiêu ban đầu.

Có những chọn lựa trong đời tưởng là như ý, mà thực ra đã bị dẫn dắt bởi những sự đối trá to lớn, để rồi đi mãi trên con đường giả ngụy, không tưởng... Sai lầm sẽ không nắm bắt được gì trái lại chỉ chuốc lấy những mất mát thương đau, giao tình với thân nhân bằng hữu trở nên lạt lẽo, lý tưởng cao xa hầu như chỉ còn là bóng mờ hư ảo quá khứ.

Làm thế nào mà chí nguyện siêu xuất một thời, được thể hiện từng ngày từng giờ trong đời sống suốt nhiều năm lại có thể bị phủ lấp, bị thay thế bởi những ý tưởng điên rồ hoang tưởng, những lời nói điều ngoa giả dối, những hành động tàn ác phi nhân!

Lẽ chân biến mất nơi đâu để rồi đêm ngày chỉ thấy những điều hư ngụy gian dối!

Lẽ thiện cất giấu nơi nào mà bây giờ chỉ thấy những hành vi phá hoại tàn ác, bất lương!

Đâu là biểu tượng thanh khiết siêu luân, sao không tâm tâm niệm niệm quán tưởng lại chỉ nghĩ, nói và làm theo những hình ma bóng quỷ vô đạo vô luân!

Đâu là lời kinh tụng, kinh cầu, tán dương bậc đại giác, nâng chí nguyện và đời sống lên cung bậc cao với siêu xuất, sao không miên mật tụng đọc thực hành, mà lại dùng bao giờ nhàn rỗi để tụng ca những kẻ bạo ngược, vị kỷ, bất nhân!

Làm thế nào mà ra nông nổi như thế! Chánh kiến để đâu, trí tuệ để đâu, mà không phân biệt được chân-ngụy, chánh-tà!

Chợt nhớ câu thơ của một thiền sư: "*Anh chiến đấu nhọc nhằn như cỏ dại...*" (*) Một đời chiến đấu để thánh hóa đời mình. Một đời chiến đấu cho sự an bình phúc lạc của số đông. Một đời chiến đấu cho sự thật: sự thật cuộc đời (khổ đế); sự thật về con đường chuyển hóa (đạo đế). Chiến đấu nhọc nhằn bằng tử bi và trí tuệ. Chiến đấu nhọc nhằn nơi trần gian và giữa những con người vô minh đáng thương.

Xuân đã đến và xuân sắp đi qua. Lòng buồn với vợ theo tiếng chim kêu. Nắng ấm đổi ngày rồi lại có mưa phùn. Hàng cây trước sân tuôn những đợt hoa trắng, bàng bạc rơi theo gió, như mưa tuyết. Nhớ nhà, nhớ quê, nhớ những người bạn hiền một thời chia sẻ bao kỷ niệm buồn-vui bên cử trà hôm-sớm. Thân nay lão-bệnh mà tâm tư hầy còn đau đáu nỗi niềm. Đã làm gì. Chưa làm gì. Bao việc ngổn ngang dồn đống chờ đợi nhân duyên. Nhìn lại quãng đường đã qua, dường như chưa từng làm gì.

Trong thư phòng những ngày cuối xuân, cũng có thể là những ngày cuối cùng của cuộc đời. Nào ai biết. Dù đóng cửa hay mở cửa, quanh năm không người thăm viếng. Chỉ có con sóc mỗi sáng ghé trước thềm hiên. Và bầy chim sẻ hiện lảnh, chiu chít nơi hàng rào. Bên ngoài gió vẫn lay động. Lá lao xao trên những hàng cây sum suê. Lặng lẽ đọc sách. Âm thầm làm việc. Đôi khi cảm thấy mệt mỏi, nhọc nhằn. Nhưng nhọc nhằn, âu cũng là thú vui tao nhã một đời.

(*) Thơ Tuệ Sỹ (bài *Ác mộng rừng khuya*)



TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

ISRAEL: Tu sĩ Phật giáo đến thăm những công dân Thái Lan được thả khỏi nơi giam cầm ở Gaza

Ngày 5-2-2025, một tu sĩ Phật giáo đã đến thăm 5 công dân Thái Lan được thả khỏi nơi giam cầm ở Gaza vào tuần trước.

Những con tin được thả, hiện đang ở Trung tâm Y tế Shamir tại Be'er Yaakov, đã tham gia một buổi lễ tâm linh cùng với các nhà sư, gia đình và nhân viên của đại sứ quán Thái Lan tại Israel.

Vào đầu tuần này, 5 người nói trên đã đoàn tụ với gia đình.

Họ được thả cùng với các con tin người Israel vào ngày 30-1.

Năm người Thái Lan này đã bị bắt cóc khỏi khu vực biên giới Gaza vào ngày 7-10-2024 khi đang làm việc trong ngành nông nghiệp tại đó.

(JERUSALEM POST – February 6, 2025)



Tu sĩ Phật giáo và những công dân Thái Lan trong một buổi lễ tại Trung tâm Y tế Shamir ngày 5.2.2025



Photos: Shabtai Yitzhak Idan

NHẬT BẢN: Phát hiện tàn tích nhà ăn tại địa điểm của ngôi cổ tự ở Kyoto

KYOTO, Nhật Bản - Các nhà nghiên cứu có thể đã phát hiện ra tàn tích của một trong những nhà ăn cổ xưa lớn nhất của một ngôi chùa Phật giáo Thời Nara (710-784).

Hội đồng giáo dục tỉnh Kyoto đã công bố phát hiện về tàn tích này vào ngày 4-2-2025.

Nơi ban đầu là khu chuẩn bị thức ăn và nơi chừa tăng ăn uống hiện nằm tại di tích của ngôi chùa Yamashiro Kokubunji thời đó.

Khuôn viên của chùa rất rộng, dài khoảng 275 mét từ đông sang tây và khoảng 330 mét từ bắc xuống nam. Những tàn tích của các công trình khác của chùa này, chẳng hạn như sảnh đường và tháp, đã được phát hiện trong quá khứ.

Địa điểm mới tìm thấy nói trên có khả năng là tàn tích của nhà ăn thuộc chùa Yamashiro Kokubunji - các ngôi chùa Todaiji và Saidaiji ở Nara cũng có nhà ăn và các công trình khác kết nối theo hướng bắc-nam tương tự.

Những tàn tích mới nhất được tìm thấy có khả năng là các tòa nhà từng được sử dụng làm bếp hoặc nhà kho.

(Asahi Shimbun – February 5, 2025)



Tàn tích của nơi có thể là nhà ăn tại chùa Yamashiro Kokubunji ở Kizugawa, Tỉnh Kyoto

Photo: Kenji Shimizu

ẤN ĐỘ: Cuốn sách mới về Tu viện Phật giáo Na Lan Đà được ra mắt tại Lễ hội Văn học Jaipur

Jaipur, Ấn Độ - Cuốn sách mới nhất của tác giả Abhay K có tựa đề 'Na Lan Đà đã làm thay đổi thế giới như thế nào' đã được ra mắt tại Lễ hội Văn học Jaipur vào ngày 30-1-2025.

Cuốn sách giải mã bí ẩn liên quan đến nguồn gốc, sự trỗi dậy và suy tàn của Đại Tịnh xá Na Lan Đà. Thông qua quá trình nghiên cứu sâu rộng, cuốn sách khám phá những đóng góp của Na Lan Đà trong các lĩnh vực như khoa học, toán học, thiên văn học, triết học, nghệ thuật, kiến trúc, tôn giáo, thơ ca và y học cùng nhiều ngành khác, lập bản đồ tác động toàn cầu của nó.

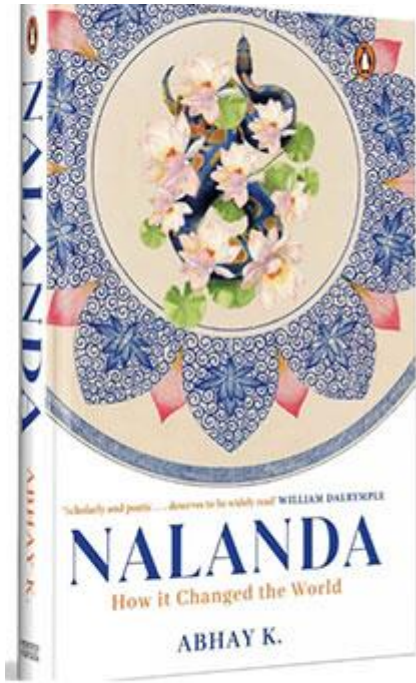
Cuốn sách cũng nêu bật những nhà sáng lập vĩ đại đã nâng cao danh tiếng vô song của Na Lan Đà như là nơi tri thức hàng đầu, cũng như các học giả nước ngoài đã đến thăm tu viện nổi tiếng này.

Buổi ra mắt và thảo luận về cuốn sách nói trên có sự tham dự của các nhà văn, học giả và du khách từ khắp nơi trên thế giới.

(Big News Network – February 4, 2025)



Buổi ra mắt và thảo luận về cuốn sách 'Na Lan Đà đã làm thay đổi thế giới như thế nào' của tác giả Abhay K



Photos: ANI

NHẬT BẢN: Phòng cao cấp sang trọng trên núi Koya thu hút khách du lịch với giá 1,200 đô la một đêm

KOYA, Wakayama -- Một phòng cao cấp sang trọng tại một cơ sở lưu trú của chùa trên núi Koya đã thu hút đông đảo khách ngoại quốc đặt phòng, mặc dù giá phòng lên tới 200,000 yên (khoảng 1,290 đô la) một đêm.

Cơ sở lưu trú này, có tên là Ekoin, nằm gần chùa Okunoin, nơi có lăng mộ của nhà sư Phật giáo Kukai (774-835), người được gọi là Kobo Đại sư sau khi ngài viên tịch.

Khi bước vào phòng cao cấp "Gachirin" của Ekoin, du khách sẽ được chào đón bằng một tác phẩm nghệ thuật lớn, mô tả một vòng xoáy của chiếc lá vàng, lấy cảm hứng từ phương pháp thiền "Gachirinkan" của Phật giáo Mật tông Shingon. Toàn bộ căn phòng mang lại ấn tượng về sự lộng lẫy xa hoa, trong khi tác phẩm nghệ thuật này khiến nhiều du khách phải thốt lên kinh ngạc. Phòng nghỉ rộng 100 mét vuông có một khu vườn Nhật Bản riêng, một phòng tắm ngù rộng rãi, tất cả đều thu hút sự chú ý. Vị sư trụ trì Sesshu Kondo, 42 tuổi, đã nói rằng, "Nếu chúng ta định làm điều đó, chúng ta muốn dốc toàn lực để

tạo ra một căn phòng thực sự tốt", đó là triết lý được thể hiện trong phòng cao cấp này.

(Mainichi Japan - February 5, 2025)



Nhà sư người Đức Gunnar Hutz, bên trái, hướng dẫn du khách nước ngoài tại cơ sở lưu trú của chùa Ekoin ở thị trấn Koya, Tỉnh Wakayama, vào ngày 4.12.2024



Sesshu Kondo, sư trụ trì của chùa Ekoin



Tác phẩm nghệ thuật lớn tại phòng cao cấp "Gachirin" của chùa Ekoin

Photos: Mainichi Japan

BHUTAN: Chatbot AI Phật giáo do Nhật Bản sản xuất sẽ ra mắt tại Bhutan

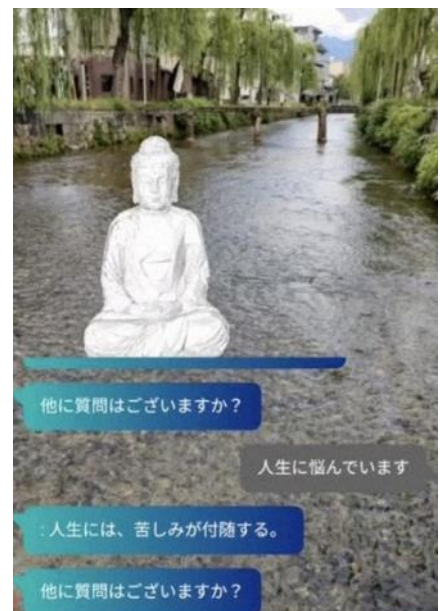
Một chatbot (chương trình máy tính đối thoại) dựa trên trí tuệ nhân tạo (AI) sẽ bắt đầu trả lời các câu hỏi từ quan điểm của Phật giáo bằng tiếng Anh tại Bhutan - các nhà phát triển của nó bao gồm một giáo sư của Đại học Kyoto cho biết vào ngày 3-2-2025.

Nhóm nghiên cứu của trường đại học Kyoto và một công ty khởi nghiệp ban đầu đã phát triển một chatbot có tên là Buddhobot vào năm 2021 với bản dịch tiếng Nhật của Sutta Nipata, được xem là bộ sưu tập kinh điển lâu đời nhất của Đức Phật. Sau đó dữ liệu về các bộ sưu tập kinh điển khác cũng được đưa vào AI Buddhobot.

Theo nhóm nghiên cứu, khoảng 100 đến 200 nhà sư ở Bhutan - nơi có quốc giáo là Phật giáo Tây Tạng - sẽ sử dụng chatbot nói trên để thử nghiệm nhằm cải thiện thêm các chức năng của chatbot và tạo ra các hướng dẫn về cách sử dụng chatbot.

Sớm nhất là vào tháng 3-2027, công nghệ này sẽ khả dụng cho tất cả các nhà sư, và Bhutan sẽ xem xét liệu có nên mở chatbot nói trên cho những công dân bình thường (vốn hầu hết đều có thể hiểu tiếng Anh) hay không, trong bối cảnh sự quan tâm đến Phật giáo đang giảm sút ở các thế hệ trẻ.

(Jiji Press - February 3, 2025)



Buddhobot do trường đại học Kyoto phát triển vào năm 2021
Photo: Mainichi Japan

HÀN QUỐC: Phật phái Jogye đẩy mạnh hoạt động Lưu trú tại chùa và Đồ ăn chay

Ban quảng bá của Phật phái Hàn Quốc Jogye cho biết họ sẽ bắt đầu các chương trình lưu trú tại chùa chuyên về “thiền seon” của bản phái vào tháng 3 tại 30 trong số 158 ngôi chùa trên khắp cả nước.

Tông phái Jogye cũng sẽ giới thiệu hoạt động lưu trú tại chùa cho những người tham dự hội nghị thực dưỡng định Hợp tác Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương vào tháng 11 - vốn quy tụ hơn 6,000 người bao gồm các nhà lãnh đạo toàn cầu và giám đốc điều hành doanh nghiệp.



Hình ảnh về chương trình Lưu trú tại chùa và Đồ ăn chay của Phật phái Jogye—Photos: jokb.org

Một ưu tiên khác sẽ là nâng cao nhận thức về thực phẩm chùa, sự đa dạng và lợi ích sức khỏe của đồ ăn chay.

Vào tháng 8, Tông phái Jogye sẽ tổ chức một diễn đàn quốc tế về thực phẩm chay, với khách mời là các chuyên gia về thực phẩm từ Viện Âm thực Hoa Kỳ có trụ sở tại New York và Đại học

Oxford ở Anh.

(koreaherald.com - February 11, 2025)

BRAZIL: Hội Phật giáo Khyentse vinh danh Chagdud Khadro với Học bổng Khyentse năm 2024

Hội Khyentse, một tổ chức phi lợi nhuận do Lạt ma Dzongsar Jamyang Khyentse Rinpoche - nhà làm phim và là tác giả người Bhutan đáng kính - thành lập, thông báo rằng họ đã trao Học bổng Khyentse năm 2024 cho Chagdud Khadro, vị giám đốc tinh thần của Chagdud Gonpa (Tịnh xá Chagdud) Brasil, Uruguay và Chile.

Học bổng Khyentse là giải thưởng cao nhất trong 4 giải thưởng hàng năm của hội này dành cho cá nhân. Hội trao 4 giải thưởng mỗi năm: Học thuật xuất sắc trong nghiên cứu Phật giáo; Giải thưởng cho bản dịch xuất sắc; Giải thưởng cho luận án tiến sĩ xuất sắc trong nghiên cứu Phật giáo, Âu châu và Á châu; và Học bổng Khyentse.

“Là giám đốc tinh thần của Chagdud Gonpa Brasil, Uruguay và Chile và là cố vấn của Hội Khyentse, Chagdud Khadro làm việc không biết mệt mỏi vì lợi ích của chúng sinh”, Hội Khyentse phát biểu. “Để ghi nhận những đóng góp và cam kết của bà đối với Phật pháp, Hội Khyentse đã trao tặng Khadro Học bổng Khyentse năm 2024”.

Xuất thân từ Hoa Kỳ, Khadro, người đã kỷ niệm sinh nhật lần thứ 79 của mình vào tháng 1, hiện đang sống tại Khadro Ling, ngôi chùa theo phong cách Tây Tạng mà bà và Chagdud Tulku Rinpoche thành lập tại Brazil. Từ khi Rinpoche viên tịch vào năm 2002, bà Khadro giữ vai trò là giám đốc tinh thần của các hoạt động của Chagdud Gonpa tại Nam Mỹ.

(NewsNow - February 9 , 2025)



ẤN ĐỘ: Hệ thống ống nước tại Ni viện Shugsep ở Dharamsala cần được cải tạo khẩn cấp

Dự án Chư Ni Tây Tạng (TNP)- một tổ chức từ thiện đã đăng ký tại Hoa Kỳ có trụ sở tại Seattle và tại Quận Kangra của Himachal Pradesh, Ấn Độ - đã thông báo rằng cơ sở hạ tầng cung cấp nước cho các ni cô của Tu viện và Học viện Shugsep gần Dharamsala đang xuống cấp và cần được cải tạo khẩn cấp.

TNP cho biết Ni trưởng và các ni cô đã cố gắng tự mình giải quyết vấn đề: “Họ đã đào các đường ống ở nhiều nơi để cố gắng sửa chữa chúng. Thật đáng buồn, họ phát hiện ra rằng ngay cả việc thay thế các mối nối bị hỏng cũng không thể thực hiện được vì các đường ống đã bị ăn mòn”.

TNP đang tìm kiếm sự hỗ trợ tài chính để giúp các ni cô thay thế hệ thống ống nước của tu viện bằng các đường ống PVC chắc chắn hơn. Việc hoàn thiện đường ống cung cấp nước cho bể chứa nước trên cao sẽ đòi hỏi phải có chuyên môn và nhân công bên ngoài.



Chư ni Shugsep tổ chức một buổi lễ puja đặc biệt để cầu sự giúp đỡ sửa chữa hệ thống nước bị rò rỉ

Dự kiến rằng dự án này - bao gồm yêu cầu thay thế hệ thống ống nước trong toàn bộ tu viện bằng ống PVC chất lượng, trả tiền cho nhân công bên ngoài, đào đất và sửa chữa các khu vực lát đá, và sửa chữa hệ thống ống nước trong khu vực giáo viên và nhà khách - sẽ tốn khoảng

*Bà Chagdud Khadro, (bên phải) giám đốc tinh thần của Chagdud Gonpa Brasil, Uruguay và Chile
Photo: hyentsefoundation.org*

US\$12,000, TNP kêu gọi quyên góp.
(Buddhistdoor Global - February 12, 2025)



Các ni cô tiếp cận và cố gắng sửa chữa một đường ống nước bị rò rỉ—Photos: TNP

HOA KỲ: Hội Phật giáo Soka Gakkai Quốc tế (SGI) kỷ niệm 50 năm thành lập với cuộc vận tập lịch sử tại Guam

Soka Gakkai International (SGI), tổ chức Phật giáo dẫn thân Nichiren Nhật Bản, đã kỷ niệm 50 năm thành lập bằng một cuộc tụ họp kỷ niệm tại Trung tâm Văn hóa và Hòa bình SGI Guam Ikeda trên đảo Micronesia của Guam vào tháng 1.

Sự kiện này có sự tham dự của các đại diện của SGI-USA, một phái đoàn SGI từ Nhật Bản và 300 thành viên địa phương. Họ tưởng nhớ ngày 158 đại diện từ 51 quốc gia và vùng lãnh thổ đã tụ họp tại Guam vào ngày 26-1-1975 cho Hội nghị Hòa bình Thế giới lần thứ nhất, đánh dấu ngày thành lập của SGI.

Tổ chức Phật giáo dẫn thân SGI đã phát triển và mở rộng trên toàn thế giới, bao gồm khoảng 3 triệu thành viên ở nước ngoài, ngoài ra còn có hơn 8 triệu hộ gia đình ở Nhật Bản. SGI cho biết thêm rằng số lượng thành viên lớn nhất là ở Brazil, Ấn Độ, Ý, Hàn Quốc và Hoa Kỳ, cùng với số lượng thành viên ngày càng tăng ở một số vùng của Châu Phi.

(Buddhistdoor Global - February 10, 2025)



*Các thành viên SGI kỷ niệm 50 năm thành lập tại Gum, Hoa Kỳ
Photo: Soka Gakkai International*



CHIẾC VỒNG THIÊN

*Đã có bên mình chiếc võng thiên
Thì đây sẵn giữa cõi vô biên
Giăng ngang qua đó nơi vườn Huệ
Ngắm ánh trăng thanh đón gió Thiên.*

*Dưới mái hiên hoa ngĩa mặt nằm
Lung linh ánh nguyệt chiếu chân không
Ru ta gió thoảng về vô thi
Thơm ngát Thiên hương tươi mát lòng*

*Kèo kẹt võng đưa tiếng nhạc vàng
Vào nơi vũ trụ chẳng thời gian
Vườn thơ ngập lối chân như thể
Suối tịnh trào dâng mạch sống tràn.*

*Thương hại trần gian chưa hiểu ta
Bôn ba tìm kiếm khắp muôn nhà
Ta đâu nào phải Ta suy tưởng
Trong cái đi tìm đã cách xa*

*Dệt lại trần gian muôn ý thơ
Gửi về theo gió chốn xa mờ
Hòa lên nhạc lý cho tan mộng
Để rõ phù sanh kiếp hững hờ.*

HT. THÍCH THẮNG HOAN

NHỮNG ĐÓNG GÓP TO LỚN CỦA CÁC HỌC GIẢ ANH QUỐC CHO NỀN PHẬT GIÁO ÂU MỸ

HT. Thích Trí Chơn

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

C.A.F. RHYSDAVIDS (1858-1942)

Bà Caroline Augusta Foley sinh năm 1858. Năm 36 tuổi, bà lập gia đình với giáo sư Thomas William Rhys Davids (52 tuổi). Hai học giả này đã yêu nhau qua nhiệt tâm say mê nghiên cứu, học hỏi thánh ngữ Pali, và tinh thần quảng bá giáo lý đức Phật của họ. Theo nhiều người Anh bấy giờ, đây là sự gặp gỡ, một cuộc hôn nhân tuyệt diệu, nhiệm mầu giữa hai tâm hồn, hai nhà đại trí thức, cùng chung kính thờ lý tưởng cao siêu của Phật Giáo.

Sau khi tốt nghiệp Cao học (M.A.) và đậu bằng Tiến sĩ Văn chương (D. Litt.) bà Rhys Davids được mời làm giáo sư dạy cổ ngữ Pali nhiều năm tại trường "Nghiên cứu Đông Phương, Phi Châu ở Luân đôn" (London School of Oriental and African Studies) và Triết học Ấn Độ tại Đại học Manchester (Anh quốc). Bà cũng là ngôi sao sáng, phục vụ đặc lực tại Đại học College (Luân Đôn) và được chọn bầu làm hội viên của đại học này.

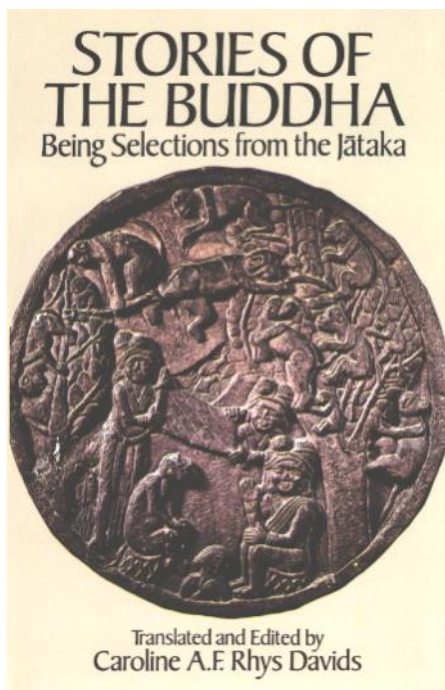
Sau nhiều năm nghiên cứu Phật Pháp, qua nhận thức sâu sắc của mình, bà tuyên bố Phật Giáo là một tôn giáo của đức tính hy xả, lòng từ bi, và phù hợp với tinh thần khoa học tiến bộ. Trong tập san "Buddhist Review" (Phật Giáo) 1908, bà đã phát biểu như sau:

"Đây là triết lý đã mang chúng ta sống lại thời kỳ đầu tiên của nền khoa học Hellenic (Hy Lạp). Vì Phật Giáo nhằm hướng đến sự đóng góp, phục vụ, chứ không phải cản trở hay không chú tâm đến sự khám phá của Copernicus, Bruno, Galileo, Newton cùng Darwin mà giáo pháp ấy đã khích lệ và gây nguồn cảm hứng cho các khoa học gia trên..."

Những Đóng Góp Của Bà Rhys Davids Cho Nền Phật Học Tây Phương

a) Sáng lập, phát triển Hội Phiên Dịch Kinh Tạng Phật Giáo Pali

Lần đầu tiên trong lịch sử truyền bá Phật Giáo ở Âu Châu, như đã nói trước, giáo sư Rhys Davids,



cùng với các học giả khác đã đứng ra thành lập Hội Phiên Dịch Kinh Tạng Pali (The Pali Text Society) tại Luân Đôn (London) vào năm 1881. Mục đích của Hội là nhằm ấn hành Tam Tạng cổ ngữ Pali Phật Giáo Nguyên thi (Tipitaka) phiên âm theo mẫu tự La Tinh (Romanized Pali), và dịch thuật những kinh, luật, luận ấy ra Anh văn để phổ biến đạo Phật đến giới Phật tử các nước Âu Mỹ. Giáo sư Rhys Davids đã giữ chức chủ tịch của Hội, và ngay từ đầu với sự cộng tác, giúp đỡ đặc lực của bà Rhys Davids, Hội đã phát triển nhanh chóng, duy trì tốt đẹp mãi tới năm 1922, giáo sư Rhys Davids qua đời; bà ta đã thay chồng cáng đáng, điều hành mọi việc của Hội cho đến ngày cuối cùng bà mất vào năm 1942. Chúng ta được biết, qua nhiều bức thư hiện còn lưu trữ, chỉ dẫn cho thấy trong thời gian 30 năm sau cùng của đời bà, phần lớn các thư của giáo sư Rhys Davids liên lạc tham khảo ý kiến trong

khi phiên dịch kinh tạng Pali với Đại Đức A.P. Buddhadatta, một nhà sư trẻ Tích Lan 27 tuổi, lúc bấy giờ ở chùa Aggarama, nổi tiếng uyên thâm thánh ngữ Pali, đều do bà trả lời thay cho chồng. Những lá thư này còn giúp chúng ta rõ thêm về đức tánh nhẫn nại, kiên trì, khắc phục mọi khó khăn gian khổ vật chất lẫn tinh thần của ông bà Rhys Davids trong công đức hộ pháp trường kỳ phiên dịch các kinh điển Phật Giáo Pali ra Anh ngữ. Trong thư đề ngày 18-01-1912 gửi Đại Đức A.P. Buddhadatta, bà viết: "*Giáo sư Rhys Davids vô cùng cảm ơn... bức thư đầy hào ý của Đại Đức. Nhà tôi đang quá bận với công việc ấn loát, nên tôi đã gấp thay ông ta trả lời để thư kịp gửi đi tuần này... Chúng tôi hy vọng bắt đầu dịch Trung bộ kinh (Majjhima Kikàya) trong năm nay. Chúng tôi chắc sẽ viết thư nhờ Đại Đức giúp đỡ và chỉ dẫn... Hiện tôi đang dịch ra Anh văn tập Trường Lão Tăng Kệ (Theragàthà); dịch cùng với giáo sư Shwe Z. Aung bộ Luận Sự (Kathàvatthu), và với nhà tôi những bài kinh cuối cùng thuộc Trường Bộ Kinh (Digha-Nikàya). Tôi sẽ hoan nghinh bất cứ sự giúp đỡ hay góp ý kiến xây dựng nào của Đại Đức..."*

Trong thư đề ngày 26-08-1914:

"Chúng tôi gửi kèm sau đây đến Đại Đức bản thảo đầu tiên phiên âm Pali theo mẫu tự La tinh của tập Abhidhammavataṛa. Đại Đức có thể vui lòng sửa giúp những lỗi sai và gửi trả lại tôi càng sớm càng tốt được không? Tôi đã nhận thư của Đại Đức hỏi về cuốn I của bộ Bốn Sanh Kinh (Jataka)... Tôi cố gắng tìm mượn rồi sẽ gửi cho Đại Đức".

Trong thư ngày 02-09-1914:

"...Tuần rồi, tôi vừa gửi Đại Đức thêm bản thảo của tập Abhidhammavataṛa để nhờ Đại Đức sửa chữa lại các lỗi sai. Chiến tranh làm thư từ chậm trễ mất cả tuần lễ. Tôi nghĩ rằng tập ấy được gửi đi bằng tàu thủy, nhưng chắc nó sẽ đến an toàn..."

Thư ngày 01-10-1914, bà viết:

"Tôi mong rằng sẽ nhận lại sớm bản thảo I của tập Abhidhammavataṛa đã được Đại Đức sửa chữa lại các lỗi sai. Chiến tranh làm thư từ chậm trễ mất cả tuần lễ. Tôi nghĩ rằng tập ấy được gửi đi bằng tàu thủy, nhưng chắc nó sẽ đến an toàn..."

Thư ngày 21-04-1920, bà cho biết:

"Chúng tôi vừa mới in xong bản tiếng Anh tập I cuốn "The Expositor" (dịch từ bộ Atthasalini). Chúng tôi hân hạnh sẽ gửi biểu Đại Đức một cuốn..."

Và trong thư ngày 25-10-1921:

"Chúng tôi vừa cho ấn hành toàn bộ - lần đầu tiên phiên âm Pali theo mẫu tự La Tinh - cuốn Thanh Tịnh Đạo (Visuddhi Magga) và phần I cuốn tự điển mới Pali-Anh (Pali-English Dictionary). Chúng tôi mong sớm nhận tin tức của Đại Đức..."

b) Công trình phiên âm, dịch thuật kinh tạng Pali

Dưới đây là những bộ kinh do bà Rhys Davids đã dày công phiên âm Pali theo mẫu tự La Tinh (Romanized Pali):

- 1904: Vibhanga (The Books of Divisions): Phần Biệt Luận, bộ thứ hai trong Abhidhamma Pitaka (Basket of Higher Teaching) hay Luận Tạng.

- 1906: Tập Duka-Patthana: Phần hai trong Patthana (The Book of Relations) hay Phát Thú Luận, bộ thứ bảy thuộc Luận Tạng.

- 1911: Yamaka (The Book of Pairs): Song Luận, Tập I, bộ thứ sáu trong Luận Tạng.

- 1913: Yamaka (The Book of Pairs): Song Luận, tập II, bộ thứ sáu trong Luận Tạng.

- 1914: Puggala Pannatti (Description of Individuals): Nhân Thi Thiết Luận, bộ thứ tư trong Luận Tạng. Bà soạn chung với G. Landsberg.

- 1920: Visuddhimagga (The Path of Purification): Thanh Tịnh Đạo, tập I, của ngài Phật Minh (Buddhaghosa), một luận sư Phật Giáo nổi tiếng người Ấn Độ, sinh vào đầu thế kỷ thứ năm tây lịch.

- 1921: Visuddhimagga (The Path of



C.A.F. Rhys Davids (1857-1942)

Purification): Thanh Tịnh Đạo, tập II, tái bản năm 1975.

- 1921: Tika-Patthana: Phần đầu trong Pathana (The Book of Relations) hay Phát Thú Luận tập I, bộ thứ bảy thuộc Luận Tạng.

- 1922: Tika-Patthana: Phần đầu trong bộ Phát Thú Luận, tập II

- 1923: Tika-Patthana: Phần đầu trong bộ Phát Thú Luận, tập III.

Bà cũng đã dịch từ nguyên bản Pali ra Anh văn các bộ kinh:

- 1900: The Buddhist Psychological Ethics (Dhamma Sangani): Pháp Tập Luận (phần tích các pháp), bộ đầu tiên của Luận Tạng, đã tái bản lần thứ 3 năm 1974.

37

- 1909: Psalms of the Sisters (Therigatha): Trường Lão Ni Kê, tập I, trong Khuddaka Nikaya (Minor Anthologies) hay Tiểu Bộ Kinh thuộc Kinh Tạng (Basket of Discourses).

- 1910: Dialogues of the Buddha (Digha Nikaya): Trường Bộ Kinh, Tập I, thuộc Kinh Tạng (dịch chung với giáo sư T.W. Rhys Davids), đã tái bản lần 3 năm 1977.

- 1910: Compendium of Philosophy (Abhidhammattha-Sangaha): Thặng Pháp Tập Yếu Luận (dịch chung với giáo sư S.Z. Aung). Tác phẩm này của ngài Anuruddha, người Tích Lan, sống vào cuối thế kỷ thứ 11 hoặc đầu thế kỷ 12 tây lịch.

- 1913: Psalms of the Brethren (Theragatha): Trường Lão Tăng Kê, Tập II, trong Tiểu Bộ Kinh (Minor Anthologies) thuộc Kinh Tạng tái bản năm 1980.

- 1915: The Points of Controversy (Kathavatthu): Luận Sự (những điểm tranh luận), bộ thứ ba trong Luận Tạng (Basket of Higher Teaching), cùng dịch với giáo sư S.Z. Aung, tái bản năm 1979.

- 1917: The Books of Kindred Sayings (Samyutta Nikaya): Tương Ứng Bộ Kinh, Tập I, thuộc Kinh tạng, tái bản năm 1979.

- 1921: Dialogues of the Buddha (Digha Nikaya): Trường Bộ Kinh, tập III, thuộc Kinh Tạng.

- 1922: The Book of Kindred Sayings (Samyutta Nikaya): Tương Ứng Bộ Kinh, tập II, thuộc Kinh Tạng, tái bản năm 1982.

- 1931: The Minor Readings (Khuddakapatha): Tiểu Tụng (những bài kinh ngắn), tập đầu trong 15 tập của Tiểu Bộ Kinh thuộc Kinh Tạng.

- 1931: Stanzas of the Law (Dhammapada): Kinh Pháp Cú, tập 2 trong Tiểu Bộ Kinh thuộc Kinh Tạng.

Ngoài ra, bà còn là bút giả của những tác phẩm nghiên cứu về lịch sử, tư tưởng Phật Giáo Tiểu và Đại Thừa sau đây:

- 1923: A Milestone in Pali Text Society Work (Sự Kiện Trọng Đại trong Hoạt Động của Hội Phiên Dịch Kinh Tạng Pali).

- 1927: Buddhism and Negative (Phật Giáo và Sự Tiêu Cực).

- 1928: Gotama the Man (Đức Phật Cồ Đàm là một Con Người).
- 1931: Sakya or Buddhist Origins (Thích Ca hay Nguồn gốc Phật Giáo).
- 1932: Manual of Buddhism (Phật Giáo Khải Luận).
- 1936: The Birth of Indian Psychology and Its Development in Buddhism (Sự Hình thành môn Tâm Lý Học Ấn Độ và Sự Phát Triển Của Nó trong Phật Giáo).

Bà cũng là nữ học giả Phật tử đã viết nhiều bài khảo cứu với lối hành văn rõ ràng, khúc chiết, rất thích hợp cho sự tìm hiểu Phật Pháp của các học giả Âu Mỹ. Những bài khảo cứu giá trị này về sau đã được sưu tập in trong bộ "Wayfarer's Words" (Những lời của một du khách) thành ba tập và được xuất bản năm 1942 là năm bà qua đời.

Cũng như giáo sư T.W. Rhys Davids, sự ra đi vĩnh viễn của bà lúc bấy giờ là một mất mát to lớn không những đối với các nhà nghiên cứu Phật Học Âu Mỹ mà cả toàn Phật tử khắp nơi trên thế giới. Những người con Phật hậu thế sẽ không bao giờ quên công đức đóng góp lớn lao của bà cho sự nghiệp hoằng pháp lợi sanh, phiên dịch kinh tạng Nam Tông Pali ra Anh ngữ; và xây dựng, phát triển nền Phật giáo tại các nước Tây Phương.

禪



CHẰNG THƯỜNG

*Vũ trụ vẫn xoay vón chằng thường
Muôn trùng chuyển vận giữa đời thương
Còn mơ bởi vương tâm chậm lực
Sẽ sáng càng thêm phận đỏ hường*

*Hiểu rõ trăm luân lia thoát nợ
Quay tìm liễu giác giảm hoài vương
Muôn người nghiệp chướng nào ai khỏi
Ngâm kỹ thì ra... chuyện khó lường!*

VỪNG THÂN TÙNG

*Trang nghiêm cửa Phật vừng thân tùng
Cũng mặc đường trần khó nỏ lung
Hạnh nguyện theo đời gương đạo nghĩa
Kinh bày ứng kệ trí tâm trung*

*Trạm nhiên đức tỏ vui thời tạm
Quảng khoáng thiền soi tỏa lực hùng
Chẳng bận tùy duyên bên sống chết
Thong dong thể nhập mãi không chùng*

*Thong dong thể nhập mãi không chùng
Trí lực thâm huyền đón hứng tung
Pháp tánh yên bình đâu đối nghịch
Thế gian khổ não vẫn tương phùng*

*Tu trì đức trái cho đời thắm
Kệ diễn kinh bày thấy đạo chung
Cõi tạm thân này như chiếc lá
Quần sanh vương nghiệp tắt rồi bùng.*

thơ MINH ĐẠO

VÔ MINH, BẢN TÁNH CỦA TÂM, VÀ BỒ TÁT

Nguyễn Thế Đăng

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Chúng ta ai cũng có phiền não và bị chúng quấy nhiễu. Nhưng đồng thời, chúng ta cũng vốn có nền tảng Phật tánh đang hiện diện nơi mình. Vậy thì đâu là mối liên hệ giữa những phiền não và Phật tánh (tức là bản tánh của tâm) vốn ở nơi ta.

Luận Phật tánh (Mahayana Uttaratantra Shastra bởi Arya Maitreya) của Bồ tát Di Lặc được dịch từ tiếng Sanskrit sang tiếng Tây Tạng rồi sang tiếng Anh nói:

"51. Bởi vì những lỗi lầm chỉ là ngẫu nhiên, ngoại sanh; trong khi những phẩm tính là của bản tánh của nó, nó là thực tại bất biến (pháp tánh), trước sau vẫn như nhau.

52. Như hư không thấm nhập tất cả nhưng tuyệt đối không bị ảnh hưởng bởi cái gì vì vi tế cực độ, cũng thế, [Phật tánh] này hiện diện trong tất cả chúng sanh, hoàn toàn không ô nhiễm."

Hai câu này nhấn mạnh Phật tánh như hư không không thể bị ô nhiễm bởi thế giới vật lý và thế giới tâm lý vì những lỗi lầm chỉ là ngẫu nhiên, duyên sanh ở bên ngoài. Phật tánh thì có trong tất cả chúng sanh, không thể bị ô nhiễm bởi bất cứ thứ gì, vì trong đó không chứa chấp lỗi lầm, phiền não, nên thấy Phật tánh và sống trong đó thì đây là sự giải thoát.

Tin rằng bản tánh của tâm không thể bị ô nhiễm bởi các phiền não, chẳng dính dáng gì đến các lỗi lầm và các kinh nghiệm của giác quan, đó là điểm bắt đầu đi vào bản tánh của tâm và sống trong sự thanh tịnh bốn nghìn năm.

"53. Như những vũ trụ sanh khởi và tiêu tan trong hư không, cũng thế những giác quan sanh khởi và tiêu tan trong không gian vô sanh [của Phật tánh].

54. Như hư không không bao giờ bị lửa thiêu hủy, cũng thế cái này [Phật tánh] không bị thiêu hủy bởi lửa của chết, bệnh và già.

55. Đất được nâng đỡ bởi nước, nước bởi gió, gió được nâng đỡ bởi hư không, nhưng hư không chẳng được nâng đỡ bởi gió, nước và đất.

56. Tương tự, những uẩn, những nguyên tố và những giác quan đặt nền trên nghiệp, và phiền não nhiễm ô. Nghiệp và nhiễm ô luôn luôn đặt nền trên một cách nghĩ sai lầm.

57. Cách nghĩ không đúng này có cơ sở trong tâm thanh tịnh, trong khi thật tánh của tâm không có cơ sở trong hiện tượng nào."

Những vũ trụ vật chất sanh và diệt trong hư không, cũng thế những kinh nghiệm của giác quan, những ý tưởng tốt xấu sanh ra và tiêu tan trong "không gian vô sanh" của bản tánh của tâm. Chúng không thể dính chặt vào bản tánh của tâm để nhiễm ô bản tánh của tâm.

Chính sự thanh tịnh vốn có của bản tánh của tâm là sự tịnh hóa cho mọi nhiễm ô phiền não do duyên sanh và vì duyên sanh nên vô tự tánh. Như

mây trong bầu trời không thể làm hư hỏng bầu trời mà chỉ tạm thời che lấp phần nhỏ bầu trời.

Lửa không thể thiêu hủy hư không, lửa của sanh già bệnh chết không hề hấn gì đến bản tánh của tâm.

Các nguyên tố đất, nước, lửa, gió lần lượt nâng đỡ lẫn nhau, làm chỗ nương dựa cho nhau, nhưng hư không không nương dựa vào cái gì cả. Không nương dựa, đó là tự do, tự tại. "Không gian vô sanh" của bản tánh của tâm không cần cái gì nâng đỡ mà lại là chỗ "sanh khởi và tiêu tan" cho tất cả mọi giác quan và mọi loại thức, nên đó là chỗ giải thoát cho một tâm thức bị hạn cuộc và nhiễm ô. Chỗ giải thoát ấy luôn luôn hiện diện trong ta, vì đó là bản tánh của tâm hay Phật tánh.

Những uẩn, những nguyên tố, và những giác quan tạo thành thân tâm và thế giới của mỗi người. Những uẩn, nguyên tố và giác quan tạo thành thân tâm và thế giới này lại đặt nền trên nghiệp và phiền não nhiễm ô. Và nghiệp và phiền não nhiễm ô lại đặt nền trên một cách nghĩ sai lầm (vọng tưởng). Cách nghĩ sai lầm này chính là vô minh, gốc sanh ra nghiệp và phiền não.

Thế nên, để thân tâm và thế giới trở nên trong sạch và sáng suốt, phải tịnh hóa nghiệp và phiền não nhiễm ô, cho đến tác nhân gây ra nghiệp và phiền não là cách suy nghĩ sai lầm, vọng tưởng.

Tịnh hóa cách nghĩ không đúng, vọng tưởng này, vô minh này bằng cách nào? Bằng cách đưa chúng trở lại nguồn gốc của chúng, nơi chúng "sanh khởi và tiêu tan trong không gian vô sanh" của bản tánh của tâm. Mọi thứ hữu hạn, vô thường đều dựa vào nhau nên phụ thuộc lẫn nhau, không gian vô sanh của bản tánh của tâm không đặt nền trên cái gì cả, nói theo thuật ngữ, là "vô sở trụ" (không có chỗ trụ) nên là chỗ tịnh hóa, giải thoát cho tất cả những cái hữu hạn và phụ thuộc, vô thường, phải có chỗ trụ, và bị nhiễm ô.

Trụ vào vô sở trụ, không có chỗ trụ, đó là giải thoát trong tâm tay.

"58. Cần biết rằng các uẩn, nhập và nguyên tố tương tự như đất. Cần biết nghiệp và phiền não nhiễm ô của chúng sanh thì tương tự như nước.

59. Cách nghĩ sai lầm tương tự như gió trong khi thật tánh thì giống như hư không – nó không có căn cứ và không trụ.

60. Cách nghĩ sai lầm vẫn ở trong bản tánh của tâm. Nhưng cách nghĩ sai lầm này làm sanh khởi và phiền não nhiễm ô.

61. Từ nghiệp và nhiễm ô sanh khởi các uẩn, nhập và nguyên tố, chúng sanh khởi và tiêu tan như mọi sự vật có bắt đầu thì phải có chấm dứt."

Các uẩn, nhập và nguyên tố, nghĩa là thân tâm và thế giới của chúng sanh, đều sanh ra và được thấy ra bởi nghiệp và phiền não nhiễm ô. Các cái này được ví như nước.

Chúng sanh ra từ những cách nghĩ sai lầm, cái vô minh này được ví như gió. Gió vô minh cũng phải nương dựa vào hư không nên phải là phụ thuộc, duyên sanh, vô tự tánh. Tất cả những thứ tạo ra thân tâm và thế giới chúng sanh, đất, nước, lửa, gió đều dựa nương vào nhau, nghĩa đều do các duyên hợp lại mà sanh nên không có thật tánh, đều sanh diệt, có bắt đầu nên phải có diệt mất.

Nhưng cái khởi đầu cho tất cả chuỗi duyên sanh lầm lạc này là suy nghĩ mê lầm, vô minh, cũng sanh ra và diệt mất trong bản tánh của tâm. Bản tánh của tâm thì không có căn cứ, không có chỗ trụ, thế thì những suy nghĩ mê lầm lại càng không có căn cứ và không có chỗ trụ.

Những suy nghĩ mê lầm không có căn cứ, không có chỗ trụ thì như "hoa đốm giữa hư không", như Kinh Viên Giác nói:

"Thiên nam tử! Hư không vốn thật chẳng bao giờ có hoa đốm. Hoa đốm chỉ là do người bệnh vọng chấp. Do vọng chấp nên chẳng những không biết tự tánh của hư không mà còn lầm cho là hoa đốm thật có sanh. Do cái thấy hư vọng đó mới có luân chuyển sanh tử. Thế nên gọi là vô minh". (Chương 1, Bồ tát Văn Thù)

"62. Bản tánh của tâm giống như hư không: không có những nguyên nhân cũng không có những điều kiện (duyên), cũng không phải là sự hòa hợp của những cái ấy, không sanh, không diệt, không trụ.

63. Thật tánh này của tâm trong sáng như hư không, bất biến, không nhiễm ô bởi tham và sân hận, bởi những bất tịnh thoáng qua từ sự phát sanh của suy nghĩ mê lầm.

64. Nó không sanh ra bởi nước của nghiệp và những nhiễm ô phiền não, cũng không bị thiếu hụt bởi lửa dữ của già, bệnh, chết.

65. Cần biết rằng ba ngọn lửa – già, bệnh, chết giống như ba thứ lửa cháy đỏ vào lúc chết, trong địa ngục, và lúc bình thường."

Bản tánh của tâm như hư không, tức là tánh Không; và trong sáng, tức là tánh Sáng. Thật tánh này không do nhân duyên hòa hợp sanh ra, cho nên nó chẳng bị nhiễm ô bởi nghiệp, phiền não và những suy nghĩ mê lầm, vọng tưởng, cho đến những thứ thô như già, bệnh, chết, là những thứ do duyên sanh, có sanh có diệt.

Tim thấy bản tánh của tâm "bất biến" này, và an trụ, sống trong bản tánh ấy, đó là giải thoát, bởi vì bản tánh ấy không thể bị nhiễm ô bởi những cái mà chúng ta gọi là thế gian khổ não, vô thường.

"66. Thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, họ chứng ngộ thật tánh y như nó là. Do đó, người trí huệ đã đánh thức lòng bi vị chúng sanh, và dù đã thoát khỏi những khốn khổ của sanh, già... họ vẫn biểu lộ chuyện sanh tử.

67. Những khổ đau của già, bệnh, chết, người chứng ngộ sâu xa đã thoát một cách tận gốc. Họ không có chúng bởi vì sự sanh của họ không do nghiệp và phiền não nhiễm ô.

68. Vì đã thấy chân lý y như nó là, bản tánh bất biến của họ phô diễn ra sanh, già, bệnh, chết dù họ đã siêu vượt chúng.

69. Những người vô minh mù lòa thấy các con của những bậc chiến thắng – những vị đã chứng ngộ thật tánh bất biến này – là có sanh vân vân. Điều này thật là phi thường, kỳ diệu!"

Có những con người đã chứng ngộ thật tánh như thực và do đó đã thoát khỏi sanh, già, bệnh,

chết. Nhưng vì lòng bi, Bồ đề tâm đã phát từ khi mới bắt đầu đường đạo, giờ đây lòng bi ấy đã rộng lớn bao trùm cùng với trí huệ không bờ mé chứng ngộ bản tánh của tâm, nên người ấy không từ bỏ thế gian sanh tử mà ở lại để giúp đỡ những ai chưa biết và chứng ngộ Phật tánh.

Họ tiếp tục sanh lại vì lòng bi và nguyện lực với tất cả chúng sanh nhưng họ không có khổ đau của sanh, già, bệnh, chết vì sự sanh lại không phải do nghiệp và phiền não nhiễm ô.

Người không biết thì cho là họ có sanh, có chịu già, bệnh, chết nhưng thực ra làm gì có chuyện sanh, già, bệnh, chết đối với người đã chứng ngộ "hư không vô sanh".

Vô sanh mà phô diễn là có sanh, có già, bệnh, chết. Đây quả thật là điều phi thường, kỳ diệu. Phi thường và kỳ diệu ở cả hai phương diện: trí huệ, đại bi, và nguyện lực.

"70. Những người đã đạt đến lãnh vực chứng ngộ xuất hiện trong thế giới của người chưa trưởng thành. Thế nên những thiện xảo và lòng bi cho chúng sanh của những người bạn này thật là tuyệt hảo.

71. Dù họ đã siêu vượt mọi sự thế gian, họ không bỏ thế gian. Hành động trong thế giới cho thế giới nhưng lại không bị nhiễm ô bởi bất tịnh nơi thế giới.

72. Hoa sen sanh trong nước, không bị nước làm bẩn. Tương tự, dù họ sanh trong thế giới nhưng không bị những sự vật của thế giới nhiễm dơ."

"Lãnh vực chứng ngộ" là lãnh vực của mười địa đặc pháp thân hay Phật tánh. "Người chưa trưởng thành", trẻ con, để chỉ những người còn bị giam cầm không thể tự chủ, và lưu lạc trong sanh tử. "Những người bạn" là những Bồ tát, mà theo kinh nói, "Bồ tát là người bạn không mời mà đến".

Bồ tát là người bạn của thế giới, tuy đã thoát khỏi những ô nhiễm của thế giới nhưng vẫn ở trong thế giới để giúp đỡ, chỉ bảo cho những người khác hòng đảo không thể chìm giữa biển cả chấp chùng sanh tử khổ đau, đó là Phật tánh.

Các vị như những hoa sen, sanh trong bùn và nước nghiệp của đời sống thế giới, nhưng không bị ô nhiễm bởi bùn và nước nghiệp của thế giới, do đó không từ bỏ thế giới mà vẫn sanh ra và làm việc trong thế giới để giúp đỡ, hỗ trợ những con sen khác vươn lên khỏi mặt nước, nở đóa hoa Phật tánh cho mình và cho người.



GIÁO DỤC TINH THẦN TỰ CHỦ PHỤNG SỰ THA NHÂN, KHÔNG HẬN THÙ

(KINH HÒA HỢP CƯỜNG THỊNH 2)

[Trung Bộ Kinh, Tập III, trang 325]

Nguyên Siêu

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Con đường Giáo pháp rộng mở, cho những ai đến để thấy; thấy rồi tin; và tin rồi để tu. Tu cho chính mình nhằm thu hoạch, gặt hái nhiều thành quả tốt đẹp. Nơi đây, đức Thế Tôn phương tiện nói Giáo pháp như thế này; nơi kia đức Thế Tôn phương tiện nói như thế kia. Nhưng dù thế này, hay thế kia không ngoài mục đích giáo hóa, hướng dẫn tất cả mọi căn cơ, trình độ con người sớm quay về nơi thánh thiện, xây dựng một đời sống giữa mình với người có sự liên hệ tốt, có sự tương quan chặt chẽ, tình nghĩa trong ý thức tự tôn, phát triển đời sống tu tập.

Kinh Hòa Hợp Cường Thịnh 2, chúng ta thấy đức Thế Tôn giáo dục toàn diện tư cách con người, phải đánh thức chính mình hãy thức dậy ngay bây giờ để thấy một cách chân thực; thấy cái gì đang xảy ra nơi tâm, nơi ý, nơi thức của mình, để ngăn ngừa, phòng hộ. Đi vào kinh văn:

“... rồi đức Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm bình bát đi vào Kosambi để khất thực. Sau khi khất thực ở Kosambi ăn xong, trên con đường đi khất thực về, sau khi dọn dẹp chỗ ngồi, cất y bát, đức Thế Tôn đứng và nói bài kệ như vậy:

*“Giữa quần chúng la ó
Không ai nghĩ mình ngu,
Giữa Tăng chúng phân ly
Không ai nghĩ hưởng thượng.”*

Bốn câu kệ này đức Thế Tôn dạy: sống giữa đời, trong xã hội, mình nói năng, làm việc lung tung. Nói năng không kiềm chế. Nói năng vô độ lượng, nói năng buông thả, nói năng thả giàn... mà chẳng biết mình nói đúng hay sai. Có những hạng người chỉ nói cho mình. Chỉ biết cho mình mà không biết đến người khác, chỉ cho mình là đúng còn người khác là sai. Hạng người này đầu óc có lẽ hơi lệch lạc, mất hướng, cho nên “không ai nghĩ mình ngu.” Đây là một cái bệnh mà trong xã hội người không thiếu. Còn trong đời sống của chúng Tăng thì sao? “Giữa Tăng chúng phân ly, có ai nghĩ hưởng thượng.” Chúng Tăng bị phân hóa, bản thể của Tăng bị lu mờ, suy giảm mà chẳng có ai nghĩ tới, thấy được để mà chấn chỉnh, dung hợp cho tốt đẹp. Chẳng có ai làm Thầy mô phạm, mà dạy bảo, sách

tấn để hướng thân lập mệnh trên tiến trình tu chứng. Chẳng có ai nghĩ đến con đường hướng thượng là thanh cao, là siêu thoát.

*“Thất niệm kẻ trí nói
Ba hoa trăm thứ chuyện
Miệng há nói thả giàn
Dẫn đi đâu ai biết?”*



Người Trí thấy được sự thất niệm mà thăm nghĩ: người mà nói ba hoa trăm thứ chuyện; người mà há miệng ra thì nói thả giàn, thương thay người ấy biết đi về đâu. Không kiếm chế được sự nói của mình. Nói không biết suy nghĩ kỹ lưỡng; nói một cách ngang tàng, bất kính, vô phép... thì hậu quả của sự nói này ai biết người ấy đi về đâu? Đi về đọa xứ; đi đến khổ đau... ly tan và đơn độc, chẳng ai dám gần gũi với mình, chẳng ai chơi với mình; làm bạn thân thiện chắc hẳn không có, vì miệng lưỡi răn rít nào ai dám đến gần sợ bị phun nọc độc.

*“Nó mắng tôi đánh tôi!
Nó hại tôi, cướp tôi!
Ai ôm oán hận này,
Hận thù không thể nguôi.”*

Người không có lượng thứ, khoan dung và buông xả, thì dù chỉ một lời nói, một cái nhìn cũng khó mà quên. Ghim gút, trói buộc, chấp nê lâu ngày trở thành thù hận. Đức Phật dạy chúng ta cần phải biết xả bỏ, không chấp thủ. Có xả bỏ, không chấp thủ thì tâm mình mới an lạc, nhẹ nhàng, tự tại; dính mắc, câu thúc bởi sự hẹp hòi của lòng mình, thì “hận thù không thể nguôi” và như thế đời này hận thù, đời sau thù hận, cả hai đời hận thù triền miên, sợi dây xích trói chặt hận thù để phải sống và chết với cái hận thù ấy. Ai đã học lời Phật dạy thì không ôm hận thù. Ai đã tu theo Phật pháp thì hận thù xin được nguôi ngoai, nhẹ nhàng và hỷ xả. Đây là cái hiểu biết của bậc hiền trí.

*“Nó mắng tôi đánh tôi!
Nó hại tôi, cướp tôi!
Không ôm oán hận này,
Hận thù sẽ tự nguôi.”*

Hạnh phúc cho ai không ôm oán hận này. “Ôm oán hận chỉ là chuốc lấy tai họa. Vì oán hận mà ăn không ngon, ngủ không được, tâm bị sầu muộn. Nhưng tâm lý con người không dễ gì buông bỏ “oán

hận;" không dễ gì dập tắt được "oán hận." Chính vì vậy mà cứ mãi triển miên oán thù truyền kiếp. Nhưng đức Thế Tôn đã dạy phương pháp có khả năng dập tắt hận thù:

*"Hận thù diệt hận thù
Không đời nào diệt được
Tử bi diệt hận thù
Là định luật ngàn thu."*

Tử bi là nước cam lồ có khả năng dập tắt lửa hận thù, vì tự tánh của Tử Bi là ban vui cứu khổ.

*"Người khác không hiểu biết
Ở đây ta bị diệt
Những ai hiểu điều này
Nhờ vậy, tranh luận tiêu.
Kẻ chủ xướng hại mạng
Cướp bò, ngựa, tài sản,
Kẻ cưỡng đoạt quốc độ
Chúng còn biết đoàn kết
Sao các người không vậy?
Nếu được bạn hiền trí
Đồng hành, khéo an trú,
Đã thẳng mọn hiểm nạn
Sống hoan hỷ chánh niệm
Nếu không bạn hiền trí
Như vua bỏ quốc độ
Cô độc như voi rừng
Tốt hơn sống một mình
Không bạn bè kẻ ngu
Cô độc không làm ác
Nhàn hạ như voi rừng."*

Đây là con đường giáo dục làm chủ lấy mình; không bị ngoại cảnh chi phối; không bị người khác dụ dỗ kéo lôi, dù phải sống một mình, chịu cô độc, không bạn bè chứ không giao du kết bạn cùng kẻ ác, đức Thế Tôn dạy như thế. Vì kết bạn với kẻ ác đã chẳng có lợi gì mà lại còn thêm cái ác chất chồng; cái xấu xa luôn kề cận, chẳng ích gì cho công việc tu tập. Như voi sống một mình trong rừng, thânh thàng với cảnh trí núi đồi, không phiền không nhiệt; không bị quấy rầy bởi đàn voi con, dẫm nát cỏ non, quấy đục nước uống. Hãy xây dựng cho mình một đời sống tu tập nhàn tịnh, tập buông bỏ cái tôi. Tập ly tham; diệt sân; ly si... để không bị quá ư hăm nịch trong các phạm trù trần cấu. Hãy tập bèngh bồng như mây; một đời bất trối buộc, lụy phiền. Hãy tập thânh thàng như không gian, nhẹ nhàng như gió chiều trên cánh đồng làng êm ả. Người tu tập phải gắng là bảo trữ một tâm hồn như thế, nếu không thì sẽ cô phụ lời giảng dạy giáo pháp của đức Thế Tôn bao đời vì chúng ta, giáo pháp luôn tuôn chảy, luôn ngát hương, luôn tỏa ngát ý vị giải thoát và giác ngộ. Giáo pháp luôn hiện có nơi đây, có trong mỗi người, có trong mọi thời, mọi xứ. Có trong tôi; có trong anh; có trong em; có trong tất cả mọi người. Giáo pháp có để giáo dục, để hướng dẫn con người tiến đến phương trời cao rộng, thânh thàng, vô cùng tận... Giáo pháp để cho cha được no ấm, để cho mẹ được giàu có, để cho con người trên mặt đất được bình an. Trong kinh Pháp Luật là Thầy, đức Thế Tôn đã dạy: "Này Ananda, nếu trong các người có người nghĩ rằng bậc Đạo Sư không còn nữa; chúng ta không có Đạo Sư. Này Ananda, chớ có những tư tưởng như vậy. Này Ananda, Pháp và Luật Như Lai đã giảng dạy, và trình bày, sau khi Như Lai diệt độ, chính Pháp và Luật này sẽ là Đạo Sư của các người." (Trường Bộ Kinh, Tập III, trang 154)

"Này các Thầy Tỳ Kheo, nay Như Lai khuyên



THIÊN LÝ ĐỘC HÀNH

8.

*Bóng tối sập mưa rừng tuôn thác đổ
Đường chênh vênh vách đá dọa nghiêng
trời*

*Ta làm lũi bóng ma tròn thế kỷ
Rủ nhau đi cùng tận cõi luân hồi*

*Khắp phố thị ngày xưa ta ruổi ngựa
Ngang qua đây ma quỷ khóc thành bầy
Lên hay xuống mắt mù theo nước lũ
Dẫm bàn chân lẫn cát sỏi cùng trôi*

*Rồi ngã xuống nghe xuôi tràn ngập máu
Thân là thân cỏ lá gập ghềnh xuôi
Chờ mưa tạnh ta trái trắng làm chiếu
Nghìn năm sau hoa trắng trở trên đời.*

thơ TUỆ SỸ

dạy các người; các pháp hữu vi là vô thường, hãy tinh tấn tu tập giáo pháp, chớ có buông lung, thời gian chóng qua, đạo nghiệp chưa thành." (Trường Bộ Kinh, Tập III, trang 156)

Kinh Không Hận Thù để chúng ta học lần cuối:

"Không hận thù, không đả thương, không thù nghịch, không ác ý, chúng sống với nhau không hận thù. Nhưng với hận thù, với đả thương, với thù nghịch, với ác ý, chúng sống với nhau trong hận thù." (Trường Bộ Kinh, Tập III, trang 276)

Lời Phật dạy đã cho chúng ta một cái nhìn thẩm thấu, quán triệt một đời sống người nhiều mong manh và thoáng chốc, không có gì chắc thật, vậy hãy cho nhau bằng tấm lòng thân thương, quý kính, để cùng sống có nhau trong ngàn vạn kiếp người.

BÁT CHÁNH ĐẠO VỚI NĂM GIỚI QUÝ BÁU

HT Thích Thái Hòa

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Giới thứ nhất: Không sát sanh hay tôn trọng sự sống

Từ Chánh kiến và Chánh tư duy, đức Phật thấy rõ trong mọi sự hiện hữu, không có sự hiện hữu nào là sự hiện hữu đơn thuần, mà chúng hiện hữu trong sự tương quan duyên khởi. Nghĩa là trong sự hiện hữu tương quan ấy "cái này sinh khởi, thì cái kia sinh khởi; cái này hủy diệt, thì cái kia hủy diệt".

Vì vậy, muốn tôn trọng và bảo vệ sự sống, đức Phật dạy con người, không nên hủy diệt sự sống của tự thân, của kẻ khác và ngay cả của môi trường. Vì hủy diệt sự sống của kẻ khác, của những cái khác, và của môi trường, thì cũng xem như là đang tự hủy diệt sự sống của chính mình. Vì sao như vậy? Vì cái này diệt, thì cái kia diệt; và vì cái kia diệt, nên cái này cũng diệt.

Và bằng Chánh kiến, Chánh tư duy, đức Phật thấy rõ sự sợ hãi lớn lao nhất của chúng sanh là cái chết và sự thèm khát lớn lao nhất của chúng sanh là được sống.

Nên, vì tôn trọng và bảo vệ sự sống cho muôn loài, đức Phật đã dạy cho con người là đừng giết và đừng bảo người khác giết hại. Vì sao đức Phật dạy như vậy? Vì đức Phật dạy mọi người đừng giết và đừng bảo người khác giết, với hành động không giết hại như vậy, có khả năng chế tác ra chất liệu bình an cho chính tự thân, người khác và tuổi thọ dài lâu cho thế giới con người và chúng sanh. Chúng ta thực hành hạnh không giết hại là hiến tặng cho nhau sự không sợ hãi, giải tỏa được mọi sự oán thù và cùng nhau chung sống hòa bình trong hiện tại và tương lai.

Lại nữa, hành động giết hại sự sống đối với người khác và những loài khác để cung phụng sự sống của chính mình, ấy là hành động và nuôi dưỡng sự sống của chính mình là không hợp lý. Vì sao? Vì bất cứ chúng sanh nào cũng tham sống sợ chết cả. Và vì không có người nào và loài nào muốn tính mạng của mình bị những kẻ khác tước đoạt và giết hại.

Nên, hành động giết hại chúng sanh tác động từ tâm tham lam, hận thù và mù quáng của tác giả, khiến ác nghiệp biểu hiện và dẫn sinh quả báo khổ đau cho chính nó trong tương lai. Hành động cứu giúp và bảo vệ sự sống là hành động của Chánh nghiệp. Nuôi dưỡng sự sống bằng cách cứu giúp vào bảo vệ sự sống là Chánh mạng, chúng sẽ dẫn sinh đời sống hạnh phúc và an lạc cho mình và người. Nuôi dưỡng sự sống của mình bằng tàn hại sự sống của người khác và của loài khác, ấy là tà mạng. Nuôi dưỡng sự sống bằng tà mạng, sẽ dẫn đến đời sống thất vọng và khổ đau.

Cũng vậy, nói dối trá để kẻ khác và những loài khác bị giết hại, gọi là tà ngữ hay ác ngữ, vì nó dẫn sinh quả báo khổ đau cho mình trong hiện tại và ngay cả trong tương lai. Nói những lời nói có khả năng cứu giúp người khác và những loài khác thoát

khỏi sự giết hại là thiện ngữ hay chánh ngữ. Lời nói ấy có khả năng làm dẫn sinh sự an lành ở trong hiện tại và tương lai.

Một vị tu tập giới, vị ấy thường nỗ lực phòng hộ, khiến tâm ý không khởi lên những ý niệm giận dữ, oán thù và giết hại, tức là vị ấy tâm thường ở trong Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định.

Nói cách khác, đức Phật dạy cho đệ tử của Ngài không nên giết hại sự sống của nhau, ấy là giới thứ nhất trong năm giới quý báu. Giới pháp ấy có khả năng chế tác ra đời sống hòa bình giữa con người và con người, và giữa con người với hết thảy chúng sanh.

Giới pháp này lấy Bát Chánh Đạo làm tự thể. Thể ấy, chính là bản thể thanh tịnh và rỗng lặng của Niết bàn. Nên, những ai thọ trì giới pháp này cần mật bao nhiêu, thì vị ấy đi đến được với Niết bàn tịch lạc bấy nhiêu.

Giới thứ hai: Không trộm cắp hay tôn trọng tài sản của người khác

Từ Chánh kiến và Chánh tư duy, đức Phật thấy rõ, kết quả của cuộc sống nghèo đói là do nguyên nhân trộm cắp tạo nên. Hành động trộm cắp có gốc rễ từ lòng tham, từ tà tư duy và từ cách nhìn tà kiến tạo thành. Vì vậy, từ Chánh kiến và Chánh tư duy, đức Phật đã thiết lập giới không trộm cắp để cho đệ tử của Ngài hành trì, nhằm hướng tới đời sống giải thoát và giác ngộ.

Và đức Phật đã chế định, giới không trộm cắp hay tôn trọng mọi giá trị tài sản của người khác hay của xã hội là để chế ngự lòng tham nơi mỗi chúng ta và thay đổi tác nhân của sự đói nghèo của con người và xã hội.

Khi một người nguyện sống bằng đời sống không trộm cắp, nên những hạt giống tham ở nơi tâm của họ bị nhiếp phục và sẽ bị diệt tận; tham bị diệt tận, nên sân và si ở nơi tâm của họ cũng sẽ tùy diệt. Khi đời sống của một người mà tham sân si ở nơi tâm bị nhiếp phục và đoạn tận, thì họ sẽ thành tựu đời sống của Chánh mạng.

Mỗi khi mọi người chế ngự được lòng tham, thì mọi hành vi trộm cắp trong xã hội tự nó giảm thiểu và sự an sinh của gia đình và xã hội nghiêm nhiên có mặt.

Nói cách khác, đức Phật dạy cho đệ tử của Ngài, không nên trộm cắp tài sản của mọi người và xã hội trong bất cứ trường hợp nào để sinh sống, ấy là giới thứ hai trong năm giới quý báu. Giới pháp này có khả năng chế tác ra chất liệu bảo vệ tài sản cho mọi người và tôn trọng sự công bằng của xã hội.

Giới pháp này đức Phật lấy Bát Chánh Đạo làm bản thể và lấy Chánh mạng làm tự thể của giới pháp, lấy Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định làm nghiệp dụng tương trợ để dẫn sinh sự viên mãn thanh tịnh của giới. Vì vậy, những vị nào thọ và trì giới pháp này

cẩn mật bao nhiêu, thì họ sẽ đi đến với đời sống giải thoát và Niết bàn hay giác ngộ bấy nhiêu.

Giới thứ ba: Không tà dâm hay tôn trọng sự đoan chánh

Từ Chánh kiến và Chánh tư duy, đức Phật thấy rõ, đời sống không đoan chánh của con người là do thói tà dâm gây ra. Thói tà dâm có gốc rễ từ lòng tham dục và tâm mù quáng.

Đức Phật chế định giới không được tà dâm hay tôn trọng sự đoan chánh của chính mình và người khác là để chế ngự và chuyển hóa năng lượng tình dục mù quáng ở nơi tự thân của mỗi người, góp phần tạo nên tình cảm trong sáng và sự đoan chánh trong đời sống của con người và xã hội trong hiện tại và tương lai.

Thói tà dâm gây hậu quả khổ đau cho bản thân, bất hạnh cho gia đình và bất an cho xã hội, gây trở ngại sự hướng tới đời sống giải thoát và giác ngộ ngay trong hiện tại và cả tương lai.

Bản chất của tà hạnh là tà nghiệp và bản chất của đoan chánh là Chánh nghiệp. Tà nghiệp gây nên khổ đau cho con người, tạo nên bất hạnh cho gia đình và bất ổn cho xã hội bao nhiêu, thì Chánh nghiệp sẽ tạo nên đời sống an lạc, cao quý cho con người tự thân, gia đình và xã hội bấy nhiêu.

Chế ngự được dục vọng thấp kém là chế ngự được tà hạnh và đi thẳng đến được với chánh hạnh và tịnh hạnh. Nội dung của chánh hạnh, tịnh hạnh là Chánh nghiệp. Nên, đối với giới pháp không được tà hạnh, đức Phật đã lấy Chánh nghiệp làm bản thể của giới này, còn Chánh ngữ, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định là nghiệp dụng tương trợ để viên mãn sự thanh tịnh về giới.

Vì vậy, bất cứ ai thọ và trì giới này miên mật bao nhiêu, thì họ đi đúng với Thánh đạo và làm dần sinh đời sống giải thoát và giác ngộ bấy nhiêu.

Giới thứ tư: Không nói láo hay tôn trọng sự thật

Từ Chánh kiến và Chánh tư duy, đức Phật thấy rõ, lời nói không chính xác thiếu trung thực và sai lạc sự thật, chúng có gốc rễ từ tà kiến và tà tư duy. Vì vậy, lời nói ấy gây mất niềm tin, tạo ra thất vọng và khổ đau cho người nghe và tạo nên những tội lỗi cho người nói.

Bản chất của tà ngữ là sự dối trá. Dối trá cả thân và tâm cũng như cả mọi sự hoạt động. Và Chánh kiến, Chánh tư duy là bản chất của Chánh ngữ. Vì vậy, không có Chánh kiến và Chánh tư duy, thì không thể nào có Chánh ngữ. Nên, Chánh ngữ là ngôn ngữ giải thoát, chuyển tải sinh lực của đời sống giác ngộ và Niết bàn.

Chế ngự được những vọng tưởng về một bản ngã sai lầm, là có Chánh niệm. Chánh niệm làm cơ sở cho Chánh định có mặt và Chánh định làm cơ sở để cho Chánh tư duy và Chánh kiến có mặt.

Một vị tu tập có Chánh kiến, thì lúc nào và ở đâu ngữ nghiệp của họ đều biểu hiện Chánh ngữ, chế tác ra chất liệu giải thoát cho bản thân và đem lại niềm tin, an lạc và hạnh phúc cho nhiều người.



Nên, giới pháp không nói láo, đức Phật lấy Chánh ngữ làm bản thể để chế định giới pháp, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định làm nghiệp dụng tương trợ để thành tựu viên mãn thanh tịnh giới pháp này.

Vì vậy, bất cứ ai thọ và trì miên mật giới pháp này bao nhiêu, thì họ đi đúng với Thánh đạo, chế ngự và nhiếp phục được các vọng tưởng nơi tâm và làm dần

sinh đời sống giải thoát và giác ngộ bấy nhiêu.

Giới thứ năm: Không uống rượu hay tôn trọng tuệ giác

Từ Chánh kiến và Chánh tư duy, đức Phật thấy rõ, sở dĩ chúng sanh bị luân hồi trong lục đạo, đắm chìm trong biển cả sanh tử khổ đau là do đánh mất ý thức tuệ giác qua sự tiếp xúc và tiêu thụ các loại thực phẩm từ sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp, bởi tâm tham dục, cuồng loạn và si mê.

Tâm đam mê rượu, cờ bạc, những phim ảnh nhảm nhí... đều có gốc rễ từ những hạt giống buồn lung, phóng túng và thất niệm từ nơi tâm ý. Và một khi những hạt giống này biểu hiện qua các quan năng nhận thức, thì chúng có thể làm tê liệt ý thức tuệ giác và có thể dẫn sinh đến những hành động giết người, trộm cắp, tà dâm và nói dối.

Nói cách khác, khi một người mà sự thèm khát bốc cháy làm tê liệt ý thức tuệ giác, thì không có việc ác nào mà họ không làm để thỏa mãn những nhu cầu khát thèm của họ.

Vì vậy, đối với giới thứ năm này, đức Phật đã từ nơi Chánh kiến, Chánh tư duy mà thấy nguyên nhân và hậu quả của hành vi do buồn lung, phóng túng tâm ý và thất niệm gây ra, nên đức Phật đã chế định giới này dựa trên bản thể của Bát Chánh Đạo mà tự thể là Chánh tinh tấn, còn Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh ngữ, Chánh niệm, Chánh định làm nghiệp dụng tương trợ.

Nhờ có Chánh tinh tấn, mà ý nghiệp, thân nghiệp và khẩu nghiệp được phòng hộ, khiến cho các quan năng nhận thức hoạt động ở trong sự thanh tịnh của giới, định và tuệ, thành tựu được tâm giải thoát và tuệ giải thoát.

Vì vậy, bất cứ ai thọ trì giới pháp này miên mật bao nhiêu, thì người ấy đi đúng với Thánh đạo bấy nhiêu, nhờ vậy họ chế ngự và nhiếp phục được tâm ý buồn lung, phóng túng và thất niệm, khiến đời sống giải thoát và giác ngộ dần sinh nơi họ bấy nhiêu.

Như vậy, ta thấy năm giới được đức Phật thiết định cho đệ tử của Ngài thọ và trì đều từ nơi bản thể của Bát Chánh Đạo. Thể ấy chính là bản thể thanh tịnh của sự Giác ngộ và Niết bàn.

Do đó, qua sự thọ trì miên mật năm giới quý báu này, là ta đã có đủ điều kiện đi trên Thánh đạo, hướng đến đời sống giải thoát và giác ngộ, và có khả năng làm sinh khởi các Thánh quả giải thoát ngay trong đời sống này của chúng ta.

(trích Phật học ứng dụng | HT Thích Thái Hòa)

Từ cú lục bát “NGÀY MAI”

TÊN

Vén rèm đón mấy ngày xuân
Phổ phưởng nhộn nhịp quây quần tân niên
Quảng đi cho hết ưu phiền
Đón ngày mai mới có tên An Lành.

GHÉP

Ghép đời tôi với đời em
Hợp tan tan hợp nhũn mềm sinh ly
Ghép tôi một mảnh tim chì
Ngày mai phiêu hốt mà bay về trời!

CHỖ DỰA

Ngày ra phố xá lon ton
Khuya tìm câu cú thả hồn thi ca
Bò-đề chỗ dựa lưng ta
Ngày mai bật ngựa chén trà nhâm nhi.

LỜI RIÊNG

Nay còn lưu ảnh đóng khung
Đứng ngồi xuống biên lên rừng gieo duyên
Nâng niu bi khúc thiện hiền
Ngày mai gác mái lời riêng đi về...

XIN CHÀO

Xin chào sáo rỗng chê khen
Trăng sa hồ lặng tắt đèn tôi đi
Chào hơi thở, trở bàn tay
Duyên sinh duyên khởi ngày mai tôi về...

NHẠC

Ô hô... nhạc khúc nhiệm màu
Theo dòng lưu chuyển mái đầu bạc, xanh...
Nhịp nhàng rộn rịp âm thanh
Vui vầy trước mắt để dành ngày mai.

CHỜ

Sớm khuya nhật hạnh giấc mơ
Góp gom ý nguyện nằm chờ nghe chuông
Ngày mai lên đỉnh sầu buồn
Hát vang tuyệt khúc, thả buông kinh thiên.

THU XÉP

Ngày mai u tối, sáng choang
Tiên thân hậu kiếp lá vàng sẽ xanh
Biết đâu héo nở hoại thành
Thì thôi thu xếp lo hành trang đi.

HÁT

Đường trường hành khúc tâm ca
Thiên đàng địa ngục chỉ ta hiểu mình
Đêm thiên nội ngoại thình thình
Sớm ngày mai hát bản tình ca vui.

NGỰA HOANG

Dưới chân núi bụi hồng hồng
Vó chân dã mã lông lông vô cương
Thời gian tan động nắng sương
Ngày mai mất dấu trên đường phẳng phiu.

MƠ MỘNG

Bây giờ đã hóa hôm qua
Ngày mai rồi sẽ hóa ra bây giờ
Thật tình lục đục dật dờ
Biết rằng ảo mộng vẫn chờ vẫn mong.

VU QUY

Công hoa cha đứng tận ngàn
Buồn vui đan quện nhịp vãn thi ca
Ngày mai con sông xa cha
Nguyện mong hạnh phúc nở hoa vui đời.

TRÀNG CƯỜI

Ngày trôi, trôi, lại một ngày
Sương tan, sấm tắt, hàng cây lá vàng
Quên rồi dĩ vãng khóc than
Ngày mai cười cất một tràng đón xuân.

CHÁU CƯỜI

Nụ cười của cháu tỏa hương
Ngoại cười theo để ưu buồn trôi xa
Cười lên, rộn cả một nhà
Ngày mai ấm cúng trẻ già an vui.

PHU THÊ

Chung đường gắn bó nợ duyên
Chợ đông thích cánh, cửa thiên chen vai
Kẻ sau người trước đi hoài
Hôm qua ý hợp ngày mai tâm đầu.

thơ

VĨNH HỮU TÂM KHÔNG

CÁI THẤY CHÍNH DUYÊN

Khánh Hoàng

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Cái Thấy là một biểu hiện của sức sống bản nhiên, là sinh lực thường hằng vượt lên trên mọi giới hạn về thời gian (lúc thức, lúc ngủ, khi sống và cả khi chết...) và không gian (ở tất cả các cảnh giới, ở đủ các nơi rộng, hẹp, thông, bí, sáng, tối, có ánh sáng hay không có ánh sáng, có vật hay không có vật...). Trên phạm vi pháp tướng, cái Thấy bao gồm cả chủ thể lẫn khách thể (Năng và Sở), hiện tượng và bản thể, với pháp giới tròn đầy từ Vật Giới, Thân Giới, đến Tâm Giới. Phạm vi bài viết này tập trung vào cái Thấy lúc thức với cảnh vật.

Theo Duy Thức Học, cái Thấy cảnh vật lúc ta thức cần có đầy đủ 9 duyên (điều kiện) để sinh khởi và thể hiện. Chín duyên này được liệt kê theo cách đánh số từ lớn đến nhỏ, từ Vật Giới đến Tâm Giới, từ hiện tượng cạn cạn bên ngoài đến cội nguồn sâu xa bản thể bên trong, như sau:

- #9. Vật (Cảnh)
- #8. Ánh sáng (Minh)
- #7. Hư không (Nền của Vật Cảnh và của Ánh sáng)
- #6. Mắt (Nhãn căn)
- #5. Chủng tử
- #4. Tác Ý
- #3. Ý thức (Phân Biệt Ý)
- #2. Mạt Na thức (Nhiễm Tịnh Ý)
- #1. A Lại Da thức (Căn Bản Ý)

Có thể xem ba duyên #9, #8, và #7 là thuộc về Vật Giới, trong đó duyên #9 (Vật) là phần thô, hai duyên #8 (Ánh sáng) và #7 (Hư không) là phần tế của Vật Giới. Duyên #6 (Mắt) có thể xem thuộc về Thân Giới (năm căn: Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân được xem thuộc về Thân Giới). Năm duyên còn lại là duyên #5 (Chủng tử), duyên #4 (Tác Ý), duyên #3 (Ý thức), duyên #2 (Mạt Na thức), và duyên #1 (A Lại Da thức) có thể xem đều thuộc về Tâm Giới.

Người phàm phu ở giới ít học khi nói là "Tôi (hoặc mắt tôi) thấy vật" tức là họ chỉ biết đến Thân giới (Duyên #6: Mắt) và đến phần thô của Vật giới (Duyên #9: Vật). Cao hơn, nơi người phàm phu có học thức, ngoài hai duyên #6 và duyên #9 nêu trên, có thể biết thêm hai duyên tế của Vật Giới là duyên #8 (Ánh sáng) và duyên #7 (Hư không). Bốn duyên này (#9, #8, #7, và #6) chính là căn bản của môn khoa học thường thức gọi là "Quang Học" (thuộc về Vật Lý Học) đã được phổ biến từ học trình giáo dục cấp Trung Học Phổ Thông. Theo ý nghĩa này, dưới nhãn quan Duy Thức, các nhà Đạo Học xem cái thấy biết còn có giới hạn chỉ ở 4 duyên đầu tiên nêu trên, ở một nhà khoa học, hay ở một nhà bác học dù có tinh vi đến đâu cũng còn là cái thấy biết phàm phu, hoặc là Trí Thức phàm phu.

Dù 5 duyên thuộc về Tâm giới (từ duyên #5 đến duyên #1) chiếm hơn phân nửa các duyên tạo thành cái Thấy, nhưng ít ai để ý biết đến các duyên này của Tâm giới mà Duy Thức Học soi tỏ với ý

nghĩa và danh pháp được sơ lược như sau:

(#5) Chủng Tử:

Là những hạt mầm ở dạng năng lượng, là kết tinh của nghiệp lực được tích chứa trong kho Tàng Thức (A Lại Da Thức, duyên #1). Mỗi khi tâm thức chúng ta khởi sinh động niệm, các thức tình tương ứng được phát khởi rồi được phát triển, huân tập thành chủng tử. Các chủng tử này không bao giờ bị hư tổn, mất mát, hay hoại diệt. Mỗi căn có mỗi loại chủng tử riêng nên có tác dụng đặc sắc riêng. Như ở mắt có chủng tử để thấy, ở tai có chủng tử để nghe...

Xét về mặt thời gian hình thành, chủng tử được phân biệt ra hai loại là Chủng Tử Sản Có (Bản Hữu Chủng Tử) và Chủng Tử Mới Tích Tập (Tân Huân Chủng Tử).

Xét về mặt tính chất, chủng tử được phân biệt ra hai loại là:

1. Nghiệp Chủng (còn có tên là Dị Thục Chủng Tử hay Dị Thục Tập Khí) do các Tâm Vương và các Tâm Sở (thiên, ác...) tạo ra. Nghiệp Chủng lại được chia ra hai loại là Chủng Tử Còn Luân Hồi (Hữu Lưu Chủng Tử) với đầy đủ ba tánh Thiên, Ác, Vô Ký và Chủng Tử Không Còn Luân Hồi (Vô Lưu Chủng Tử) với chỉ thuần một tánh Thiên.

2. Pháp Chủng (còn gọi là Đăng Lưu Tập Khí) bao gồm các chủng tử đồng đẳng lưu xuất.

(#4) Tác Ý:

Là một trong 5 món Biến Hành Tâm Sở. 5 món này là: Xúc, Tác Ý, Thọ, Tưởng, Tư. Gọi là Tâm Sở vì đây là pháp sở hữu của Tâm Vương (Tâm Vương Chi Sở Hữu Pháp), tức là luôn do từ Tâm Vương khởi ra mà có (Hằng Ý Tâm Khởi), tương ứng với Tâm Vương (Dữ Tâm Tương Ứng) và hệ thuộc vào Tâm Vương (Hệ Thuộc Ư Tâm). Có thể nói Tâm Sở chính là những tình thức, chấp trước, dính mắc nơi Chơn Tâm nên ít nhiều làm che mờ Chơn Tâm, khiến Giác Thể bản hữu nơi Chơn Tâm bị tạm thời chuyển thành Bất Giác.

Duy Thức Học phân biệt có 51 loại Tâm Sở liệt kê như sau:

- 5 Biến Hành (Xúc, Tác Ý, Thọ, Tưởng, Tư),
- 5 Biệt Cảnh (Dục, Thắng Giải, Niệm, Định, Huệ),
- 11 Thiên (Tín, Tàm, Quý, Vô Tham, Vô Sân, Vô Si, Tinh tấn, Khinh An, Bất Phóng Dật, Hành Xả, Bất Hại),
- 6 Căn Bản Phiền Não (Tham, Sân, Si, Mạn, Nghi, Ác Kiến),
- 20 Tùy Phiền Não (bao gồm 10 Tiểu Tùy là Phẫn, Hận, Phú, Nỗ, Tật, Xan, Cuống, Xiểm, Hại, Kiêu; và 2 Trung Tùy là Vô Tàm, Vô Quý; và 8 Đại Tùy là Trao Cử, Hôn Trầm, Bất Tín, Giải Đãi, Phóng Dật, Thất Niệm, Tán Loạn, Bất Chánh Tri),
- và 4 món Bất Định (Hối, Miên, Tầm, Tư).



Gọi là Biến Hành vì 5 món này có mặt trong mọi lúc (về mặt thời gian), mọi nơi (về mặt không gian), trong tất cả hoạt động, vận hành của tám thức (Bát Thức Tâm Vương), và trong tất cả mọi cảnh giới (ba cõi hoặc kết quả tu tập).

Chính do Tác Ý nơi mắt (nhãn căn) nên ta mới thấy biết được vật. Nếu không có Tác Ý (như khi ta không có sự chú tâm, chú ý hoặc khi ta vô ý) thì ta chỉ “Nhìn” mà không “Thấy”.

(#3) Ý Thức (Phân Biệt Ý) (Liễu Biệt Cảnh Thức) (Đệ Lục Thức):

Ý Thức còn được gọi là Đệ Lục Thức theo thứ tự trong Bát Thức Tâm Vương của Duy Thức Học.

Bát Thức Tâm Vương gồm có 1. Nhãn Thức, 2. Nhĩ Thức, 3. Tỷ Thức, 4. Thiệt Thức, 5. Thân Thức (gọi chung là Tiền Ngũ Thức), 6. Ý Thức, 7. Mạt Na Thức, và 8. A Lại Da Thức.

Đặc điểm của Ý Thức là nhạy bén, lanh lẹ, khôn ngoan trong phân biệt, học hỏi, suy luận nên có tên gọi là Phân Biệt Ý, hay tên Liễu Biệt Cảnh thức. Đó là do Ý Thức có đầy đủ ba thể phân biệt là Tự Tánh Phân Biệt, Tùy Niệm Phân Biệt, và Kế Đặc Phân Biệt.

Công năng của Ý Thức là Chấp Ngã và Chấp Pháp. Công năng chấp ngã của Ý Thức là do thừa hưởng được từ Mạt Na Thức (duyên #2). Nhưng so với Mạt Na thức chỉ có chấp ngã, Ý Thức có thêm chấp pháp. Nơi ý nghĩa này, có thể xem Ý Thức chính là phần “tinh luyện”, nhạy bén nhất của Mạt Na Thức, được xuất sinh từ Mạt Na Thức và được sử dụng khi tiếp xúc với cảnh vật để có thể vận dụng phân biệt rồi tìm cách ứng tiếp, sử dụng cảnh vật một cách tối ưu cho công năng chấp ngã của Mạt Na thức.

Ý Thức có toàn thể 51 món Tâm Sở của Duy Thức Học.

Tuy vậy, Ý Thức không được thường hằng. Nó xem như bị gián đoạn trong 5 trường hợp là: 1. Cảnh trời Vô Tướng, 2. Vô Tướng Định, 3. Diệt Tận Định, (Vô Tướng Định và Diệt Tận Định là hai pháp Định Vô Tâm của Nhị Thừa), 4. Ngủ say (Thụy Miên), và 5. Chết giấc (Muộn Tuyệt). Nên Ý Thức có Kế (có so đo, tính toán) mà không có Biến (thường hằng).

Khi Tiền Ngũ Thức tiếp vật (thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc biết vật), liền đó Ý Thức bèn khởi tác dụng tương ứng, phối hợp hài hòa với Tiền Ngũ Thức. Đây được gọi là Ngũ Câu Ý Thức.

Cùng với Mạt Na Thức (duyên #2) và A Lại Da Thức (duyên #1), Ý Thức là nguồn căn của tam nghiệp (thân, khẩu, ý) khiến chúng sinh phải theo đó mà chịu luân hồi khổ đau không dứt. Vì thế, theo Duy Thức Học, tướng của Ý Thức là luân chuyển trong ba cõi (Tam Giới luân thời dị khả tri). Chính

từ nơi Ý Thức mà có ra ba nghiệp Ý Nghiệp, Khẩu Nghiệp, và Thân Nghiệp để chiêu cảm và thọ nhận quả báo trong ba cõi. Nhưng ngược lại, cũng chính từ nơi Ý Thức mà ta có thể tu hành Quán Hạnh, Đoạn Hoặc và phá trừ Ngã Chấp cùng Pháp Chấp để đến khi có được đầy đủ điều dụng thì Ý Thức được chuyển thành Diệu Quan Sát Trí.

(#2) Mạt Na Thức (Nhiễm Tịnh Ý) (Thức Thứ Bảy) (Tư Lương Thức) (Truyền Tổng Thức) (Ý Căn) (Ý):

Được gọi tên là Thức Thứ Bảy dựa theo thứ tự của Bát Thức Tâm Vương. Gọi là Truyền Tổng Thức dựa trên công năng tiếp thu, đưa chuyển chúng từ vào ra nơi Tầng Thức. Gọi là Nhiễm Tịnh Ý vì là nơi nương tựa cho sáu thức trước (Tiền Lục Thức) bất kể là nhiễm hay tịnh. Vì nó là căn nguồn của Ý Thức nên còn có tên là “Ý Căn”, hay còn được gọi đơn giản hơn là “Ý”.

Mạt Na Thức duyên nơi Kiến Phần của A Lại Da Thức (Duyên #1) làm Ngã và duyên nơi Tướng Phần của A Lại Da làm “Ngã Sở” (“Y Bị Chuyển Duyên Bị”) rồi chấp đó làm tự thể của nó. Đặc điểm của tánh và tướng nơi tự thể này là luôn luôn lo nghĩ, thăm xét, so lường (“Hằng thăm tư lương vi tánh tướng”). Do đây, nó còn có tên gọi là Tư Lương Thức. Đây chính là “tiếng nói thì thầm” luôn hiện diện nơi tâm trí thông thường của mọi người. Qua đây, có thể thấy Mạt Na thức chỉ là một thành phần có từ A Lại Da Thức. Mạt Na Thức có hai đặc điểm là tư lương và chấp ngã, dù cái ngã này chỉ là Vọng Ngã, cái ngã được hình thành từ các lo nghĩ, thăm xét khởi lên từ Bất Giác. René Descartes (1596-1650), cha đẻ của chủ nghĩa Duy Lý Cận Đại với câu nói bất hủ “Tôi tư duy chính là tôi tồn tại” (Je pense, donc je suis) đã xác định, xác chứng được cái ngã (Vọng Ngã) này nơi con người hoặc rõ hơn là nơi Mạt Na Thức của con người. Lục Tổ với lời khai thị về sâu tận nơi cội nguồn (“Bản Lai Diện Mục”): “Không nghĩ thiện, không nghĩ ác...” cho Huệ Minh đã trực chỉ cội nguồn này, nhắc nhớ Thượng Toa Minh vượt lên trên, vượt qua phạm trù phân biệt về thiện ác của Ý Thức (duyên #3) và vượt qua luôn phạm trù về suy tư, nghĩ ngợi, tư lương của Mạt Na Thức (duyên #2). Kinh Duy Ma Cát, phẩm Bất Nhị Pháp Môn, Bồ Tát Nhạo Thật đã chỉ ra cái Thấy Thật của nhục nhãn vẫn còn chưa thấy đúng chân lý: “cái Thấy Thật này chưa là cái Thấy Thật”. Chỉ có cái Thấy của Tuệ Nhãn đã vượt qua phạm trù Năng - Sở (của duyên #2) mới là Cái Thấy Chơn Thực (cái Thật Thấy).

Tánh của Mạt Na thức là tánh Vô Ký (tức là không có sự phân biệt thiện ác) và tánh Hữu Phú (tức là có đèo bồng thêm các phiền não), (các phiền não này có căn nguồn từ sự chấp ngã như Ngã Si, Ngã Mạn, Ngã Ái, Ngã Kiến đặc sắc của Mạt Na Thức), nên gọi chung là Hữu Phú Vô Ký tánh. Mạt Na thức vừa là thường hằng, vừa có tính thăm xét (về chấp ngã) nên còn được gọi là “Diệt Hằng Diệt Thâm” hay còn gọi là “vừa Biến, vừa Kế”. Chấp ngã được phân biệt có hai phần: một là chấp ngã bên con người (gọi là Chấp Nhơn, hay còn được gọi là Kiến Thủ), hai là chấp ngã bên vạn pháp (gọi là Chấp Pháp, hay còn được gọi là Tướng Thủ). Kiến Thủ và Tướng Thủ là hai món thủ chấp (Nhị Thủ) trong Duy Thức Học.

Mạt Na Thức có 18 món Tâm Sở là 5 Biến Hành (Xúc, Tác Ý, Thọ, Tướng, Tư), 4 Căn Bản Phiền Não

(Ngã Si, Ngã Mạn, Ngã Ái, Ngã Kiến), 8 Đại Tỳ Phiền Não (Trao Cử, Hôn Trầm, Bất Tín, Giải Đãi, Phóng Dật, Thất Niệm, Tán Loạn, Bất Chánh Trí) và 1 Biệt Cảnh (Huệ).

Mạt Na thức không có công năng đoạn hoặc và tu quán hạnh như Ý Thức mà nhờ có Ý thức tu quán hạnh và đoạn hoặc mà Mạt Na thức cũng dần được chuyển thành Bình Đẳng Tánh Trí.

(#1) A Lại Da Thức (Căn Bản Ý) (Thức Thứ Tám) (Tàng Thức) (Dị Thục Thức) (Nhất Thiết Chủng Thức) (A Đà Na Thức) (Tâm):

A Lại Da Thức chính là cội nguồn sâu xa nhất của vạn hữu, là nhân của tất cả các pháp. Nói cách khác, nó chính là bản thể của vũ trụ, của tất cả các vật thể, pháp thể, sinh thể tức là của cả sanh mạng (bao gồm thân thể và tâm thức) con người.

A Lại Da Thức có đầy đủ bốn phần: 1. Tướng Phần (là phần ảnh hưởng Sở Duyên, Sở Lượng), 2. Kiến Phần (là phần Năng Duyên, Năng Lượng), 3. Tự Chứng Phần (là phần Lượng Quả), và 4. Chứng Tự Chứng Phần (là phần chứng biết về phần Lượng Quả). Như thế, A Lại Da Thức bao hàm cả Ngũ Nhãn và Ba Tự Tánh. Ngũ Nhãn là Nhục Nhãn, Thiên Nhãn, Huệ Nhãn, Pháp Nhãn, và Phật Nhãn. Ba Tự Tánh là Biến Kế Sở Chấp Tánh, Y Tha Khởi Tánh (Y Tha Duyên Nhi Sanh Khởi Tánh), và Viên Thành Thật Tánh.

A Lại Da Thức cũng thường được gọi vắn tắt là "Tâm" để phân biệt với "Ý" là Mạt Na Thức và với "Thức" là Tiền Lục Thức (sáu thức trước).

Theo thứ tự trong Bát Thức Tâm Vương, A Lại Da được gọi tên là Đệ Bát Thức.

Đứng về mặt bản thể, chỉ có một thức A Lại Da. Từ bản thể này mà có ra thêm bảy tướng dụng khác là Tiền Thất Thức (bảy thức trước) nên thức A Lại Da được gọi tên là Căn Bản Ý.

Về mặt quả tướng, theo lý biến dịch nhân quả, A Lại Da có tên là Dị Thục Thức (Thức Chuyển Đổi Chín Muội). Chuyển đổi được phân biệt có ba dạng theo thời gian và chất loại là Dị Thời Nhi Thục, Biến Dị Nhi Thục, và Dị Loại Nhi Thục.

Về mặt tự tướng, A Lại Da có nghiệp dụng là thu chứa, duy trì tất cả các loại chủng tử nên có tên là Tàng Thức (kho chứa chủng tử, Năng Tàng) và nó cũng có tên là "Nhất Thiết Chủng Thức" (các loại chủng tử bị chứa, Sở Tàng). Vì có công năng là chấp trì chủng tử nên A Lại Da còn có tên gọi là "A Đà Na Thức" ("A Đà Na" có nghĩa là "chấp trì"). Chính do có công năng chấp trì chủng tử nên A Lại Da thức khiến chúng sanh có thể sinh tử tương tục, không bị gián đoạn (kiết sanh tương tục).

A Lại Da Thức có bản thể với mọi không cùng, vượt lên tất cả hiện tượng hữu vi sanh diệt, siêu xuất 8 tướng: sanh-diệt, thường-đoạn, đồng-dị, khứ-lai nên được gọi là bát bất (bất sanh, bất diệt, bất thường, bất đoạn, bất đồng, bất dị, bất khứ, bất lai), rất huyền nhiệm, vượt lên mọi suy tư lý luận (bất khả tư nghĩ) nên không thể diễn tả chính xác được. Bản thể này vượt lên trên "Có" và "Không", "Tức" và "Phi"... nên Mã Tổ dạy "Tức Tâm tức Phật" giúp thiền sư Đại Mai Pháp Thường đại ngộ, rồi sau Mã Tổ lại nói ngược lại là "Phi tâm, phi vật, phi Phật" mà cũng không mâu thuẫn, vẫn là tông chỉ đốn ngộ, khai thị trực chỉ khiến người tham học nhỏ đĩnh vương chấp, tháo chốt não phiền.

Tánh của A Lại Da thức là Vô Phú Vô Kỳ tánh. Tánh Vô Kỳ không có sự phân biệt thiện ác giống

như ở Mạt Na, còn tánh Vô Phú là tánh hồn nhiên ("Anh Nhi hạnh") không có bị phiền não chấp ngã bám dính (Hữu Phú) như ở Mạt Na. A Lại Da Thức là thường hằng, và không có tính thăm xét (như ở Mạt Na Thức) nên còn được gọi là "Hằng Nhi Phi Thẩm" hay gọi là "Biển mà không Kề".

A Lại Da chỉ có 5 món Biến Hành Tâm Sở (Xúc, Tác Ý, Thọ, Tưởng, Tư).

Giống như Mạt Na, A Lại Da cũng không có tu quán hạnh và đoạn hoặc mà cũng phải nhờ vào Ý Thức tu tập mà A Lại Da cũng dần dà được chuyển hóa thành Bạch Tịnh Thức (Vô Cấu Thức) và chuyển ra thành Đại Viên Cảnh Trí. Phần rất ráo thanh tịnh của A Lại Da Thức được gọi qua nhiều tên khác như Phật Tánh (kinh Đại Bát Niết Bàn), Phật Tri Kiến (kinh Pháp Hoa), Thường Trú Chơn Tâm (kinh Thủ Lăng Nghiêm), Như Lai Viên Giác Diệu Tâm (kinh Viên Giác)...

Có thể tạm lược qua cơ chế khởi động và diễn tiến của 9 duyên của cái Thấy như sau:

1. Từ nơi duyên #1 (A Lại Da Thức), đang là vô sự, vô duyên, đầy đủ, thanh tịnh bản nhiên...

2. Do Bất Giác (Vô Minh) mà vọng sinh ra duyên #2 (Mạt Na Thức) mà có ra Vọng Ngã, khởi đầu cho dòng thác tư lương tuôn chảy bất tận và sự phân biệt Năng (Ta) - Sở (cái của Ta) sinh diệt không gián đoạn.

3. Để bảo tồn và phát triển cái Vọng Ngã, Mạt Na Thức lại xuất sinh ra thêm phần có khả năng phân biệt nhạy bén để có thể đánh giá, nắm bắt chính xác được các cảnh vật bên ngoài. Đây chính là Ý Thức (duyên #3) được hiện khởi với đầy đủ các năng lực tham dự từ chủng tử và tất cả các loại (51) tâm sở.

4. Ý Thức hiện diện tràn lan khắp châu thân, tạo ra Tiền Ngũ Thức (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân) để tiếp nhận và phân biệt được sự vật bên ngoài một cách "tối ưu" mà tạo nghiệp. Như khi mắt (duyên #6) nhìn cảnh vật (các duyên từ #9, #8, và #7) rồi phối hợp cùng với Chủng Tử (duyên #5) và cùng với Tác Ý (duyên #4) mà thấy được Cảnh Vật,

5. Sau đó, Ý Thức tức thời khởi động tối đa để phân biệt được các đặc điểm tính chất của cảnh vật (hình dạng, màu sắc, tên gọi, công dụng...) rồi từ đó

6. Có thêm một loạt tình thức (thương ghét, khen chê, lấy bỏ...), một loạt lời nói cùng dự tính, và một loạt hành động (để thỏa mãn tình thức) tiếp nối theo sau. Nếu gặp hoàn cảnh thuận theo ý mình thì thêm tham ái, nếu gặp hoàn cảnh bất như ý thì thêm sân hận...

7. Đây chính là các động cơ và là nguồn căn phát khởi ra ba nghiệp của Thân, Khẩu, và Ý. Ba nghiệp căn bản này chính là tâm về bảo đảm chắc chắn cho chúng ta cứ du hành mãi mãi hết lên lại xuống trong nhà lửa ba cõi.

Và như thế có thể cụ thể hơn qua các trường hợp và tình huống "niệm khởi" như sau:

1. "Thấy" = cái Thấy bản nhiên, thường hằng, viên mãn, thực tướng vô tướng từ Giác Thể thanh tịnh của duyên #1, các duyên khác (8 duyên còn lại) chưa xuất hiện. Cái Thấy này được đức Phật khai thị rõ trong kinh Thủ Lăng Nghiêm cho ông A Nan và đại chúng, trong đó có vua Ba Tư Nặc, người đã nhảy nhót vui mừng khi nhận ra được chơn thể thường hằng, bất sanh bất diệt nơi chính mình.

2. "Tôi thấy" = cái Thấy bắt đầu có nhuộm màu phân biệt Năng Sở, với sự xuất hiện của chủ thể

thấy (Năng) là "Tôi" để bắt đầu cho dòng tư lương chấp Ngã của duyên #2 tham dự vào (đã có xuất hiện 2 duyên: duyên #1 và duyên #2, các duyên còn lại chưa xuất hiện).

3. "Tôi thấy cái hoa" = cái Thấy được phát triển với đầy đủ Năng và Sở qua sự xuất hiện và kết hợp đầy đủ của cả 9 duyên, nên đã từ thực tướng vô tướng đã chuyển qua đến huyền tướng của Vật Giới, nhưng chưa sinh tạo nghiệp luân hồi.

4. "Tôi thấy cái hoa. Ồ, hoa này đẹp quá!" = cái Thấy với đầy đủ 9 duyên và với Ý Thức "tài lạnh" lẩn đất, bắt đầu nhen nhúm cho tâm tham ái tức là ý nghiệp đã được hình thành... (có 9 duyên nhưng duyên #3 đang được phát triển ra).

5. "Tôi thấy cái hoa. Ồ, hoa này đẹp quá! Ta phải chiếm lấy nó, sở hữu nó" = cái Thấy với đầy đủ 9 duyên và với Ý Thức phát triển, đã hình thành rõ tâm tham ái (tâm sở Căn Bản Phiền Nã) và nay rõ thêm hướng phát triển của Ý Thức là hướng về tánh Chấp Ngã của duyên #2. Đến đây, Ý nghiệp đã bắt đầu được phát triển, nhen nhúm cho sự gây tạo nghiệp nhân luân hồi. Nếu vật cảnh không là đóa hoa như thí dụ trên, mà là con người, ý nghiệp sẽ được hình thành và phát triển càng phức tạp hơn, sâu xa hơn, tinh vi hơn, bền chắc hơn... tùy theo mức độ và tánh chất quan hệ (gia đình, xã hội...) giữa người thấy và người bị thấy.

6. Với ý nghiệp được hình thành và phát triển, vô số khẩu nghiệp và thân nghiệp tương ứng cũng sẽ được sinh khởi, hình thành và phát triển tiếp theo sau... như luôn xảy ra và dễ nhận ra trong đời sống thông thường hằng ngày.

Do đó chỉ cần qua cái Thấy, chúng ta có thể xác định được điểm đang đứng và hướng đang đi tới của tâm thức riêng ở mỗi người:

Nếu cái Thấy chỉ có một chiều đi từ duyên #1 đến duyên #9, từ Tâm Giới đến Thân Giới và Vật Giới, với vướng mắc trụ chấp vào các duyên của Vật Giới và Thân Giới khiến duyên #3 và duyên #2 trở nên lầy lúng, có nghĩa là người ấy đang hằng hải bước trên đường tạo nghiệp luân hồi khổ đau. Kinh Kim Cang khẳng định rõ là không thể lấy các tướng nơi Vật Giới (Vật Tướng), Thân Giới (Thân Tướng), và Tâm Giới (Tâm Tướng) mà thấy được Như Lai như ở các câu "Hể cái gì có tướng đều là giả huyền..." ("Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng..."), "Nếu lấy sắc thấy ta, lấy âm thanh cầu ta, người ấy tu đạo tà, không thể thấy Như Lai" ("Nhược dĩ sắc kiến ngã, dĩ âm thanh cầu ngã, thị như hành tà đạo, bất năng kiến Như Lai")...

Trái lại, nếu ở ngay nơi cái Thấy mà không bị lôi cuốn bởi Vật Giới, không bị vướng chấp nơi Thân Giới, và không bị mê lầm bởi những làn sóng chấp pháp, chấp ngã, tình thức lăng xăng nơi Tâm Giới, là người có đủ sức để quay trở về cội nguồn sâu xa của Tâm Giới (chiều ngược lại từ duyên #9 quay trở về duyên #1), đó là người đang tháo được ách khổ đau và đang quay về đường an lạc, giải thoát. Đến lúc ấy, chàng lừng từ cùng khổ sẽ rời bỏ các chôn lang thang với ngàn muôn pháp tướng huyền hóa mà trở về an nhiên sống nơi bản quán, trụ xứ hằng nhiên luôn tự đầy đủ, thanh tịnh, bất sinh bất diệt vậy.

10 BÀI HAIKU

*Cắt đi mảnh cà sa
cốt để không đánh thức
chú mèo lười của ta.*

*Hoa nở dọc sông quê
biết bao nhiêu chim chóc
lạc mắt lối quay về.*

*Ôi cõi Phật nào đây
mà sao hoa mạn trắng
bốn phương trời tung bay!*

*Y phục của tăng nhân
đặt ở trên phiến đá
bên một làn nước xanh.*

*Chi thoáng một sát na
bóng hình người con gái
hiện ra trong chén trà.*

*Dẫu nghìn mắt nghìn tay
cũng không thể đếm hết
hoa anh đào trên cây.*

*Cởi bỏ tâm y thường
đêm nay tôi ngủ với
bóng hoa lê trên giường.*

*Xuân đến trong làng chài
trước nhà nào cũng có
lũ mèo hoang nằm dài.*

*Hoa anh đào thắm tươi
nở xuống miền địa phủ
nở lên trên cõi trời.*

*Giữa sương khói mịt mờ
nhà sư công cô gái
cùng qua bên kia bờ.*



PHÁP HOAN (法歡)

- Đọc thêm những tác phẩm khác ở đây: <https://phaphoan.com/>
- Ứng hộ Pháp Hoan: <https://phaphoan.ca/contact>

BỆNH VÀ TÂM PHẬT

THIÊN SƯ BANKEI

Ni sư Thích Nữ Trí Hải dịch

Với ý định duy nhất là khám phá Tâm Phật, tôi đã phấn đấu không kết quả, lang thang khắp nơi một cách vô vọng. Rốt cuộc tôi ngã bệnh và phải liệt giường một thời gian dài, nên tôi cũng đâm ra biết khá nhiều về chuyện đau ốm bệnh tật. Đã sinh ra ở đời, có một thân xác, thì đương nhiên phải có lúc gặp bệnh. Nhưng khi đã rốt ráo ngộ được Tâm Phật bất sinh, thì bạn không buồn vì những nỗi khổ của bệnh, bạn phân biệt rõ bệnh là bệnh, khổ là khổ. Là vì Tâm Phật - vốn từ khởi thủy đã bất sinh - không dính dấp gì đến vui hay khổ, vì cái bất sinh vượt ngoài tư tưởng. Chỉ khi tư tưởng sinh khởi thì bạn mới cảm nghiệm khổ và vui. Tâm Phật không vướng vào bệnh mà vẫn ở trong Bất sinh, nên không tạo ra khổ. Nếu Bất sinh có sinh ra tư tưởng, thì không cách nào bạn khỏi tạo đau khổ, bám vào bệnh và thay đổi cái Tâm Phật. Nhưng sự thật không phải vậy. Ngay cả những khổ liên tục của chúng sinh địa ngục cũng thế, không dính gì đến tâm Phật bất sinh (nên mới có thể giải thoát giác ngộ thành Phật - ND.)

Vì vướng cái khổ bám víu cơn bệnh, bạn khởi sự nghĩ đủ thứ, như "sao đến bây giờ tôi vẫn chưa bình phục, hay vì không đúng thuốc, vì gặp y sĩ tồi..." Khi bám lấy hi vọng khỏi bệnh, là bạn chuyển cái Tâm Phật thành những ý tưởng lo âu, làm cho cơn bệnh ám ảnh tâm trí bạn lại còn nặng hơn thân bệnh. Nó như thể là bạn theo đuổi một cái gì đang chạy trốn. Ngay dù lúc ấy cơn bệnh thể xác có giảm dần, song tâm bệnh - tức lòng nôn nóng khỏi bệnh - lại tăng. Đó là ý nghĩa của sự bám víu cơn bệnh và tự làm cho bạn khổ.

Nhưng nếu có người nào bảo rằng họ có thể chịu đựng không những bệnh tật, mà bất cứ nỗi khổ nào cũng không đau đớn, thì kẻ ấy nói láo, chưa hiểu thấu cái công năng chiếu sáng kỳ diệu của Tâm Phật. Nếu có ai nói mình hoàn toàn không cảm thấy đau đớn gì cả, thì tôi e kẻ ấy không phân biệt được đau và không đau. Không cảm thấy đau là điều không có. Vì Tâm Phật vốn sẵn đặc tính chiếu sáng kỳ diệu, nên không những bệnh tật mà bất cứ gì hiện hữu, tâm ấy đều có thể nhận ra và phân biệt rõ ràng. Vì vậy cho nên khi đối diện với nỗi đau của cơn bệnh, nếu bạn không bị vướng vào đây, mắc kẹt trong ấy, thì không có gì là bạn không thể chịu đựng. Bởi thế hãy cứ đi cùng với cơn bệnh, và nếu cảm thấy đau đớn, thì cứ việc rên. Nhưng dù có bệnh hay không bệnh, hãy luôn luôn an trú trong Tâm Phật bất sinh.

Nhưng nếu vì phản ứng lại với những nỗi khổ của bệnh mà bạn vướng vào tư tưởng, thì ngoài cái đau của cơn bệnh, bạn rước thêm nỗi khổ "đổi Tâm Phật thành ý tưởng". Cái gì nguyên ủy vốn không tư tưởng, đó là Tâm Phật bất sinh. Không nhận ra bản chất tâm Phật là Bất sinh, bạn phải khổ vì đổi tâm Phật thành ý tưởng. Khi ấy dù có rêu rao mình không đau, cũng chỉ là một quan niệm dựa trên tư tưởng. Thế là bạn tuyệt nhiên chưa thoát khổ. Còn khởi lên ý tưởng là chứng tỏ bạn đang chịu khổ sinh tử vì không nhận chân rốt ráo Tâm Phật vốn siêu việt sinh tử.

(Trích *Tâm Bất Sinh* của Thiền sư Bankei, Thích Nữ Trí Hải dịch)





BẬC HIỀN TRÍ

(*Phật Pháp Thứ Năm* — bài viết hàng tuần của GDPT
do **NHÓM ÁO LAM** thực hiện)

TRANG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

Thưa Anh Chị Em Áo Lam thương mến,

Hôm nay NAL (Nhóm Áo Lam) xin gửi đến các bạn tích truyện "Sáu Vị Tỳ Kheo Ba Hoa."

Thuở ấy, vào thời đức Phật còn tại thế, có 6 vị tỳ kheo hay "làm loạn" gây sự xáo trộn trong làng mạc hay nơi phòng ăn trong tu viện.

Một hôm, trong khi các vị Sa di đang thọ thực, nhóm 6 vị tỳ kheo đó bước vào trai đường, nói vang lên: "Này các chú Sa di, các chú phải biết, chúng ta đây là bậc hiền trí." Rồi họ lại đẩy bàn, kéo ghế, tranh nhau chỗ ngồi cao, làm mất trật tự và sự yên lặng nơi phòng ăn.

Khi đức Phật biết được sự việc ấy, Ngài bảo rằng:

"Này chư tỳ kheo, Như Lai chẳng gọi những kẻ hay ăn nói ba hoa, không nề nang người khác và làm mất lòng người chung quanh là bậc hiền trí đâu. Chỉ những người chẳng đem lòng thù hận người khác, không hại người mới xứng danh là bậc hiền trí.

Rồi đức Phật nói lên bài kệ sau đây:

*"Chẳng phải trở thành người hiền trí,
Kẻ đã lảm lời nói ba hoa
Chẳng thù, chẳng sợ, an hòa,
Bậc hiền trí đó mới là xứng danh."*

(KPC, KỆ # 258)

Thưa Anh Chị Em,

Xưa hay dù là tu sĩ hay cư sĩ... không phải cứ ăn nói ba hoa, tự khen mình chê người, tự cho mình hơn người, vô lễ, khó ưa, v.v... là người ta kính trọng đâu, trái lại người ta gọi đó là "những cái thùng rỗng kêu to" mà thôi.

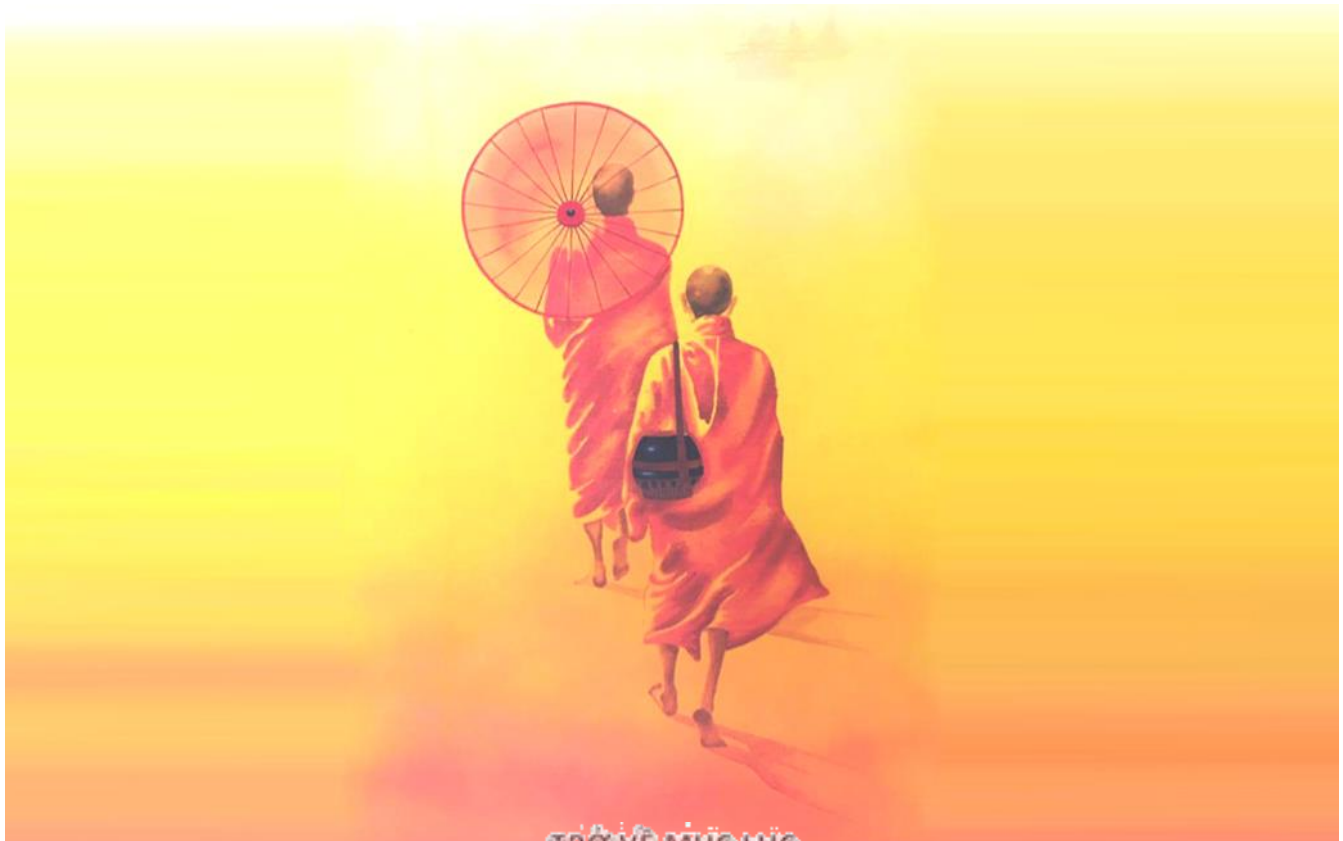
Chân lý đó đã có tự mấy ngàn năm rồi.

Chỉ có những người khiêm tốn, sống không thù hận, tôn trọng người khác, không làm hại người khác mới có thể gọi là bậc hiền trí được.

Thương mến kính chúc Anh Chị Em Áo Lam đầy đủ sức khỏe, chánh niệm tinh giác... để có thể đem lại cho mình **THÂN TÂM AN LẠC**.

Trân trọng

NAL



TRIẾT HỌC LUẬT TÔNG VÀ TINH THẦN THƯỢNG TÔN GIỚI LUẬT

Thích Tâm Nhân

TƯ TƯỜNG PHẬT HỌC

1. Triết học luật pháp xã hội dân sự:

Hai bé gái sáu tuổi, Margie và Natasha, đang tranh cãi về một tòa lâu đài bằng cát chúng xây trên bãi biển. Natasha bảo Margie, "Tớ không cho cậu chơi với tòa lâu đài bằng cát của tớ. Tớ đã mất nhiều công đắp nên nó, vì thế nó là của tớ." Margie cãi lại, "Cát không là của ai hết. Dĩ nhiên nó không thuộc về cậu. Hơn nữa, lúc này chúng ta không ở trường nên không có luật lệ gì cả. Nếu cậu không để tớ chơi với cái lâu đài cát này, tớ sẽ gõ đầu cậu đấy." Natasha dọa lại ngay, "Nếu cậu gõ đầu tớ thì tớ sẽ bảo chị tớ nhéo mũi cậu." [1]

Theo lý luận của Margie, con người có thể làm theo ý chí tự do như trong bản Tuyên ngôn độc lập của Hoa Kỳ tuyên bố năm 1776: "Tất cả mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc".[2]

Khi bàn về tự do của công dân, Montesquieu đã viết: "Tự do, với ý nghĩa triết học, là được thực hiện ý chí của mình... Nhưng tự do chính trị tuyệt đối không phải muốn làm gì thì làm. Trong một nước có luật pháp, tự do chỉ có thể được làm những cái nên làm và không bị ép buộc làm điều không nên làm... Nếu một công dân làm điều trái luật thì anh ta không còn được tự do nữa, vì nếu để anh ta tự do

làm thì mọi người được làm trái luật cả"[3] Nghĩa là một khi ai đó phủ nhận tính hữu ích của pháp luật, và hành vi của họ gây tổn hại rõ ràng hay có nguy cơ gây tổn hại rõ ràng, dù là tổn hại cho cá nhân hay cho cộng đồng, thì trường hợp đó phải được đưa ra khỏi địa phận quyền tự do và đặt vào địa phận đạo đức hay pháp luật.

Vậy Natasha là chủ sở hữu tòa lâu đài cát, cũng thực hiện mọi hành vi theo ý chí của mình để nắm giữ và chi phối tài sản của mình, như thế đúng với pháp luật chưa, có trái với đạo đức xã hội không?

Jean-Jacques Rousseau phát biểu một câu nghe vô cùng kỳ lạ: "Một dân tộc chỉ nổi tiếng khi nền luật pháp của họ bắt đầu thoái hoá." Và ông phân tích hệ thống luật pháp thành bốn phần: Thứ nhất là luật Căn bản (luật Chính trị) là luật dùng điều hành mối quan hệ giữa Hội đồng tối cao đối với quốc gia, cùng tương quan với nhiều cơ quan trung gian. Thứ hai, luật Dân sự là tương quan giữa các thành viên và mỗi công dân cũng lệ thuộc vào cộng đồng. Thứ ba, là luật Hình sự, là mối quan hệ giữa sự bất tuân luật pháp và các biện pháp chế tài; biện pháp chế tài nhằm ngăn chặn sự vi phạm các luật lệ khác. Cuối cùng là luật lệ quan trọng nhất, dù không được khắc trên bia đá hay bằng đồng nhưng ở trong tim của tất cả mọi công dân, đó là nguyên tắc đạo đức.[4]

Về nguyên tắc đạo đức, John Stuart Mill nói: "Một chân lý về đạo đức hay sự chín chắn phải cần một khoảng thời gian và lượng trải nghiệm nhất định nào đó đã được thiết lập, để mong muốn ngăn chặn cho thế hệ này kế tiếp thế hệ khác khỏi bị rơi từ trên cùng một bờ vực".[5] Tức những hiện tượng phát triển tự nhiên trong xã hội không phải lúc nào cũng tốt đẹp từ lương tâm trong sáng thánh thiện của mỗi con người, mà phải cần đến luật lệ đồng hành mới kiến tạo toàn hoàn thiện dần.

2. Nguyên tắc sống của cộng đồng Tăng-già và Phật tử tại gia:

Thảo bàn đến giới luật của Phật giáo. Giới luật Phật giáo chia làm hai loại khác biệt, một dành cho cư sĩ Phật tử tại gia, hai dành cho chúng xuất gia. Về ý nghĩa cơ bản, giới là những hành vi thực hiện bởi thân, ngữ và ý, thiện hay bất thiện, tác thành nhân cách, tác thành phẩm giá của một con người. Phẩm giá nhân cách ấy định hướng thăng trầm hay đọa lạc trong chuỗi tái sinh tiếp nối.

Sau khi đức Phật thành đạo (tương đương năm 1123-256 trước Tây lịch, triều đại nhà Châu Trung Hoa),[6] Ngài độ nhóm A-nhã Kiều-trần-như (Aññāta Koṇḍañña) 5 người, nhóm anh em Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp (Uruvela-kassapa), Xá-lợi-phất, Đại Mục-liên v.v. Lúc này những vị Thánh đệ tử đầu tiên



(Ảnh tư liệu) Chư tôn Trưởng lão Hòa thượng từ trái qua: HT Thích Đồng Minh (1927-2005), HT Thích Minh Chiếu (1932-2020), HT Thích Quảng Độ (1928-2020)

của Phật, họ đã chứng nghiệm chân lý, và giới thể tỳ-kheo vận hành nơi mỗi người một cách tự nhiên, gọi là “kiến để đắc giới”, đắc giới do chứng ngộ bốn Thánh đế, không ai thọ giới cả. Tuy nhiên, nhóm Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp trước khi cải đạo theo Phật, họ thuộc phái tu khổ hạnh bện tóc không bao giờ cắt, gọi là “Loa kế phạm chí 螺髻梵志” (Phạm-chí búi tóc hình con sò, Pāli: jaṭṭila), họ có đồ chúng riêng, khi được Phật độ, số đệ tử đi theo lên đến cả ngàn người [7]. Trong số ấy có rất nhiều người chưa đạt đến Thánh đạo, sinh hoạt của họ bộc lộ khá nhiều khuyết điểm khiến cho phẩm giá tỳ-kheo bị hạ thấp, bị người đời chê trách, vì vậy đức Phật bắt đầu quy định những quy tắc sinh hoạt để chỉ dẫn các tỳ-kheo phạm phụ những điều không nên làm và những phận sự cần phải làm. Và theo luật Thiện kiến ký tài, đức Phật thành đạo sau 20 năm mới bắt đầu chế giới. Luật Tăng-kỳ lại ghi: Đức Phật ở tại thành Tỳ-xá-ly, sau bữa ăn, Ngài ngồi quay mặt về hướng Đông, lúc bóng xế độ nửa thân người, ngày 12 tháng thứ năm của mùa Đông, sáu năm sau khi thành đạo[8].

Khi những luật lệ được đặt ra, thực tế diễn ra tiếp theo cần có những biện pháp chế tài. Người phạm luật cần được xử trị theo quy định. Chẳng hạn, khi đức Phật nêu ra một việc khuyên dạy các tỳ-kheo không nên làm, những điều đó chưa được quy định thành luật mà chỉ là những điều giáo huấn, nên cũng có trường hợp tỳ-kheo không chấp hành mà không hề bị khiển trách, không hề bị xử trị, cho đến khi nào vị ấy tự thấy chỗ sai lầm của mình và hiểu rõ ý nghĩa điều Phật khuyến cáo không nên làm, bấy giờ tự nguyện sám hối và tự nguyện chấp hành nghiêm chỉnh.

Còn quy tắc sống cho đệ tử tại gia, họ sống cá biệt với gia đình thân quyến của mình không có luật định chế tài nào, ngoài những lời khuyên dạy của Phật nên làm hay không làm gì. Nếu họ thấy không thể chấp hành, thì cũng không có biện pháp cưỡng bức như tỳ-kheo. Luật lệ mà người tại gia cần phải chấp hành, đó là luật quốc gia, và những quy định cá biệt của từng cộng đồng xã hội.[9]

3. Các tông sư Luật tông – duy trì mạng mạch Chánh pháp:

Phật giáo du nhập vào Việt Nam từ thế kỷ thứ hai, thứ ba trước Tây lịch. Vào buổi sơ khai, nói đến tổ sư đầu tiên trì luật là ngài Khương Tăng Hội (sinh năm 200), sư thọ giới khoảng năm 220. [10] Kế đến tổ Pháp Chuyên (Luật Truyền – Diệu Nghiêm, 1726-1798), bốn sư của ngài Toàn Nhật, dưới thời Tây Sơn.

Về sau, đến thời cận đại: Thế hệ thứ nhất được nói, trong Nam, là các Trưởng lão Hành Trụ, Thiện Hoa. Ngoài Bắc, Trưởng lão Bình Minh và Tổ Tuệ Tạng, Tổ là một trong các bậc Tôn Túc hàng đầu khởi xướng phong trào chấn hưng Phật giáo.[11] Thế hệ thứ hai là Hòa thượng Đồng Minh. Thế hệ thứ ba là Hòa thượng Tuệ Sỹ.

Trong bài “Một thời truyền luật”, thầy Tuệ Sỹ viết: “Sự hưng tàn đệ nhất hay đệ nhị ở đây tùy thuộc nhận thức chủ quan, trong ý tưởng đánh dấu khúc quanh chuyển mình của lịch sử Phật giáo Việt Nam, trong đó sự chấn chỉnh chế độ Tăng-già, hoằng truyền Luật tạng là một thạch trụ vững chắc. Việc trì luật và truyền luật là mạng mạch liên tục



của sự tồn tại Chánh pháp”. Và theo chúng tôi, những vị tông sư trì luật này ngoài vấn đề gìn giữ mạng mạch, chấn chỉnh chế độ Tăng-già, họ còn đại diện là những vị “Tha-la-tha 他邏咄” (Tăng-kỳ 26, p. 439b22). Tha-la-tha, Phạn ngữ: sthala-stha (sthala-stha-varta); Pāli: thalaṭṭha. Tát-bà-đa tỳ-ni tỳ-bà-sa (9, p. 563c28), gọi là thát-lại-tra-lợi (闍賴吒利, Skt. sthalasthalī), thát-lại (sthala) dịch địa (đất), tra-lợi (stha) dịch là trụ, chỉ cho người trí thẳng tự tại đối với chánh pháp bất động, như người đứng vững trên đất không bị nghiêng ngửa. Hoặc Ma-đắc-lặc-già (3, T23n1441, p. 579b18) giải thích: “Thát-lại-tra là người không thiên bên này hay bên kia giữa hai phe nhóm.”

Nói rõ hơn, khi trong Tăng có việc tranh chấp, hoặc gồm các nguyên tắc cử tội tức tố quyền của tỳ-kheo nguyên cáo, và các trường hợp bất phục tức kháng biện của tỳ-kheo bị cáo vẫn vẫn; Tăng sẽ chỉ định người đoán sự (斷事, xử lý việc), hay thiết lập ban đoán sự, là bầu những vị Tha-la-tha. Điều này xem ra cũng tương tự cách tổ chức các cấp tòa án khác trong pháp chế thế tục.

Đối với xã hội Việt Nam trong thời đại mà nếp sinh hoạt tinh thần đạo đức truyền thống của Phật giáo bị suy thoái trầm trọng như hiện nay, thì trong Tăng cần một tỳ-kheo, có uy tín về phẩm chất trí tuệ cũng như tư cách đạo đức, không can sự vào phe nào cả để đứng ra làm trung gian hòa giải là điều cần thiết.

4. Tinh thần thượng tôn giới luật:

Trước năm 75, có một vị Tôn trưởng trong Phật giáo chủ trương “cốt tu tâm, còn giới luật là phụ.” Và muốn sửa đổi giới bốn tỳ-kheo. Thầy Tuệ Sỹ hỏi: “Giới luật Phật chế, sao thầy dám tự tiện sửa?” Vị Tôn trưởng ấy đáp: “Không giữ được, thì nên sửa. Chứ để như vậy làm gì?” Thầy Tuệ Sỹ bảo rằng: “Thầy giữ không được là chuyện của thầy. Ai giữ được, để người ta giữ. Sao thầy lại tự tiện sửa?”[12].

Đến năm 2000, vị Tôn trưởng ấy ẩn hành những tập giới luật do chính mình cải biên, gửi cho Hòa thượng Đồng Minh xem. Hòa thượng Đồng Minh giật mình trước sự đi xuống của Tăng-già. Hòa thượng soạn một lá thư, đóng góp về việc luật học, muốn vị ấy cần tôn nghiêm trọng thị giới điều Phật chế; Hòa thượng Đồng Minh dạy tôi cấp tốc gửi cho vị Tôn trưởng ấy. Nhưng mọi thứ đã đi quá xa, giới luật Phật chế bị hạ thấp ngang tầm với thời đại, sao cho

hợp “khẩu vị” thì cứu vãn gì được. May thay! Trong những giai đoạn Phật giáo suy vi, có nhiều vị thượng tôn giới luật như Hòa thượng Đồng Minh, Hòa thượng Tuệ Sỹ còn hiện diện như biểu tượng “Giới luật là thọ mạng của Tăng-già; giới luật còn thì Phật pháp còn”.

Ở Trung Quốc, thời ngài Thái Hư (1889-1947), khi đời sống Tăng lữ ngày càng bại hoại, ngài phải đứng ra chỉnh lý chế độ Tăng-già. Đến thời Luật sư Tục Minh (1918-1966), ông thấy phẩm hạnh Tăng nhân xuống thấp, Phật giáo suy bại, xem hình thức thọ giới như đem dê đi cúng thần, buộc phải đứng ra “hoảng giáo hộ quốc” và viết tác phẩm Giới học khái thuyết.[13] Do đó, dù Phật giáo ở phương xứ nào, có trụ vững, phát triển trên quê hương mình hay không đều tùy thuộc hay ảnh hưởng rất lớn nơi các vị tông sư Trì luật này.

“Luật Phật hướng đến giải thoát, người học luật mà không hành trì, khó mà hiểu hết những điều được học có nghĩa lý gì. Và giới luật được Phật chế, với mục đích nhiếp Tăng, vị chưa từng sống nhiều năm trong Tăng, chưa từng xử lý việc Tăng, cũng khó hiểu hết giá trị những điều luật Phật quy định”. [14]

Hiện tại và trong tương lai, niềm tin tôn giáo có thể bật khỏi tâm trí của nhiều tín đồ, hoặc Phật giáo bị lung lay đến tận gốc rễ cũng bởi một phần “Mộc-xoa” (波羅提木叉, prātimokṣa) không còn ứng thế và tinh thần thượng tôn giới luật tiêu trầm, tuyệt tích.

“Nul n'est censé ignorer la loi”.

[1] William F. Lawhead, Triết học phương Tây, Nxb Từ điển bách khoa, tr. 7.

[2] https://en.wikipedia.org/.../United_States_Declaration_of...

[3] Montesquieu, Bàn về tinh thần pháp luật; Người dịch: Hoàng Thanh Đạm; Nxb Lý luận chính trị, tr. 103-105.

[4] Jean-Jacques Rousseau, Khế ước xã hội (Du Contrat Social), Học viện công dân 2006-2007, tr. 59, 77-78 (PDF).

[5] John Stuart Mill, On Liberty, ch. 4: Of the Limits to the Authority of Society over the Individua, 2001, p. 75.

[6] Hajime Nakamura, Gotama Buddha, Volume One, translated by Gaynor Sekimori, p. 187.

[7] 摩訶僧祇律 23, T22n1425, p0412c20. 四分律卷32, T22n1428, p. 793b16.

[8] 善見律毘婆沙卷6, T24, no. 1462, p. 712b7. 摩訶僧祇律2, p. 238a22.

[9] Tuệ Sỹ, Du-già Bồ-tát giới, Nxb Hương Tích.

[10] Lê Mạnh Thát, Lịch sử Phật giáo Việt Nam 1, tr. 19-25, 310, 327.

[11] Tuệ Sỹ, Một thời truyền luật.

[12] Tuệ Sỹ, Một thời truyền luật.

[13] 戒學概說 (律宗概述及其成立與發展 [88]), p. 217.

[14] Tuệ Sỹ, Một thời truyền luật.

NHỮNG MÙA HOA VẠN THỌ

*Cựa mình trong nắng ban mai
Hãy hãy gió sớm sân ngoài ngõ trong
Góc vườn ướt bãi đất thâm
Cành non tách nhánh nhú dần nụ hoa.*

*Nhớ sao cái Tết quê nhà
Hanh hao sợi nắng la đà mưa xuân
Lan man hồn phố cuối năm
Mùa hoa vạn thọ nồng nàn trong tôi.*

*Cha gieo hạt giống luống cời
Mầm tơ đội đất nảy chồi non xanh
Chạp giêng ngày tháng đến gần
Chờ hoa bùng sắc rộn ràng ngõ trưa.*

*Se se gió chường nghịch mùa
Bàn tay gầy guộc mẹ lùa lá mai
Cải dưa gói ghém trong ngoài
Nghe con chim khách đón ai trên cành.*

*Củi nồng thơm lụng chung xanh
Giao thừa bên bếp lửa hồng băng khuâng
Mùa đi mùa đến bao lần
Biết ai còn nhớ sắc vàng hoa xưa.*

THỦ THĨ CÙNG HOA ĐÀO

*Chắc là trời đất tình say
Cành gầy bông nụ dành ngày cuối năm
Từ lâu đất ủ mầm xanh
Nhựa lên hương sắc cho bùng lộc non.
Gót hồng lại thắm môi son
Thanh âm tiếng guốc vẫn còn quanh đây
Biết đâu ngày ngắn đêm dài
Trong mưa có nắng trong ngày có đêm.
Con đường bông hóa dài thêm
Góc phố nào bông nhớ quên tên người.
Chắc hoa còn đợi tiếng cười
Mời bung áo lụa khóc cười cùng xuân.
Ngoài hiên nắng sớm băng khuâng
Lay phay mưa bụi lặn khân sắc màu
Bay từ thuở ấy về đâu
Sáng nay qua ngõ muốn chào đào hoa.*

thơ TÔN NỮ MỸ HẠNH

GIỮ GIỚI NHƯ GIỮ RỄ CHO CÂY

Quảng Tánh

"Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thăng Lâm, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất nói với các Tỳ-kheo rằng:

- Nay chư Hiền, Tỳ-kheo phạm giới tất làm tổn hại việc thủ hộ các căn. Giữ giới thì không hối hận, hân hoan, hỷ, an chí, lạc, định, tri kiến như thật, yếm ly, vô dục, giải thoát. Nếu không giải thoát thì làm tổn hại Niết-bàn.

- Nay chư Hiền, giống như cây nào mà rễ bị tổn hại thì thân, lõi, nhánh, cành, hoa, lá không thể thành được. Chư Hiền nên biết, Tỳ-kheo cũng lại như vậy. Nếu ai phạm giới thì làm tổn hại việc thủ hộ các căn, thủ hộ giới, không hối hận, hân hoan, hỷ, an chí, lạc, định, tri kiến như thật, yếm ly, vô dục, giải thoát. Nếu không giải thoát thì làm tổn hại Niết-bàn.

- Nay chư Hiền, Tỳ-kheo thủ hộ giới thì thường không có sự hối hận, hân hoan, hỷ, an chí, lạc, định, tri kiến như thật, yếm ly, vô dục, giải thoát. Nếu đã giải thoát thì liền đắc Niết-bàn.

- Nay chư Hiền, giống như cây nào mà rễ không hư thì thân, lõi, nhánh, cành, hoa, lá đều thành tựu. Chư Hiền nên biết, Tỳ-kheo cũng như vậy. Nếu ai giữ giới thì thường không hối hận, hân hoan, hỷ, an chí, lạc, định, tri kiến như thật, yếm ly, vô dục, giải thoát. Nếu đã giải thoát thì liền đắc Niết-bàn.

Tôn giả Xá-lợi-phất thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Tôn giả Xá-lợi-phất thuyết, hoan hỷ phụng hành".

(Kinh Trung A-hàm, phẩm Tập tương ưng, kinh Giới [II], số 48)

Trong phẩm Tập tương ưng này, lộ trình căn bản hướng đến thành tựu Thánh quả A-la-hán căn bản vẫn là "Giữ giới, không hối hận, hân hoan, hỷ, chí, lạc, định, tri kiến như thật, yếm ly, vô dục, giải thoát, chứng đắc Niết-bàn". Ở pháp thoại trước (kinh Niệm, số 44), Thế Tôn đã nói đến vai trò của hộ trì các căn, giúp cho hành giả thành tựu giới. Pháp thoại này, Thế Tôn nhấn mạnh đến vai trò hỗ tương giữa giữ giới và hộ trì các căn, "phạm giới tất làm tổn hại việc thủ hộ các căn".

Thực ra giữ giới và hộ trì các căn tuy là hai nhưng lại không tách rời, liên hệ mật thiết với nhau. Phòng hộ các căn cũng là một hình thức giữ giới nhưng linh động hơn và không có giới điều. Không phòng hộ các căn là buông lung, phóng dật chạy theo nghiệp tùy duyên dấy khởi. Nếu hàng rào phòng thủ các căn bên ngoài sụp đổ thì lá chắn tiếp theo là giữ giới bị lung lay, nguy cơ phạm giới có thể xảy ra. Ngược lại, một khi đã phạm giới thì dễ đuối với việc hộ trì các căn, khả năng phòng hộ bên ngoài càng thêm yếu ớt. Từ đó phạm hạnh bị tổn hại và hành giả khó tiến xa trên đường đạo.

Vì vậy, khi tu tập giữ giới tinh nghiêm sẽ gia cố thêm cho phòng hộ các căn. Phòng hộ các căn vững chắc sẽ giúp cho giới hạnh thêm viên mãn. Nên tăng cho phòng hộ các căn chính là chánh niệm, tinh giác. Trong đó, chánh niệm thuộc chi phần Định, tinh giác thuộc chi phần Tuệ. Nên khi giữ giới nghiêm cẩn, phòng hộ các căn trọn vẹn thì ngay đó có mặt các phẩm tính của Giới - Định - Tuệ. Đã có các phẩm tính của Giới - Định - Tuệ thì hành giả có hy vọng sẽ tiến đến thành tựu giải thoát, Niết-bàn.



“QUÁN PHÁP TRÊN CÁC PHÁP” trong kinh Tứ Niệm Xứ

Thích Nữ Hằng Như

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

I. DẪN NHẬP

Đức Phật đã từng xác định pháp tu Tứ Niệm Xứ là “*Con đường độc nhất đưa đến: Thanh tịnh chúng sanh; Vượt khỏi sầu não; Diệt trừ khổ ưu; Thành tựu Chánh trí; Chứng ngộ Niết-bàn*”. Người nào muốn đạt được năm điều lợi ích nêu trên, thì người ấy phải học và thực tập những gì Đức Phật dạy trong bài kinh này.

Kinh Tứ Niệm Xứ dạy hành giả thiết lập chánh niệm trên bốn lãnh vực: Thân, Thọ, Tâm, Pháp để biết rõ về Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Mục đích để làm gì? Đó là để nhận ra được bản chất thật sự của ngũ uẩn vốn “*Vô thường-Khổ-Vô ngã*”, đồng thời cũng nhận ra “*tánh sanh-diệt*” của toàn bộ ngũ uẩn. Khi có tuệ giác về vô thường-khổ-vô ngã, hành giả sẽ không dại gì bám víu với những thứ bị xem là “*có đó rồi mất đó*” ở trên thế gian này nữa, mà hướng tâm tu tập để được giác ngộ giải thoát.

Các bài trước, người viết đã lần lượt giới thiệu các phần quán Thân, quán Thọ và quán Tâm. Nay, xin mạn phép chia sẻ đề tài thứ tư là “*Quán Pháp trên các Pháp*”

II. Ý NGHĨA VỀ TỪ “PHÁP”

“*Pháp*” có hai nghĩa: Phật pháp và Vạn pháp.

1) Phật pháp: Là những chân lý thường hằng trong vũ trụ đã được Đức Phật nhận ra và giảng dạy nhằm giúp chúng sanh giác ngộ, thoát khỏi luân hồi sanh tử. Chẳng hạn như các đặc tính của hiện tượng thế gian là Vô thường-Khổ-Vô ngã, Bốn sự thật cao quý (Tứ diệu đế) hay nguyên lý Duyên khởi Duyên sinh, hoặc nhận ra bản thể của vạn pháp là Tánh Không, Tánh Huyền, Tánh Chân Như, Tánh Bình,đẳng, Niết Bàn.... Gọi chung là giáo lý.

Ý nghĩa thứ hai của Phật pháp là tất cả các phương pháp tu tập thí dụ như: Chú tâm cảnh giác, Chánh niệm tỉnh giác, Không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng, Thu thúc lục căn, Không khen mình chê người, Văn-Tư-Tu, Giới-Định-Tuệ, Thiền Chỉ, Thiền Quán, Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần, Tứ như ý túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất giác chi, Tứ diệu đế, Bát chánh đạo, v.v...

Tất cả các pháp học và pháp hành do Đức Phật giảng dạy, hiện còn ghi lại trong Tam tạng kinh điển (Kinh, Luật, Luận), được tôn xưng là Pháp bảo, tức một trong ba ngôi Tam bảo (Phật, Pháp, Tăng).

2) Vạn pháp: Là toàn bộ các đối tượng của giác quan, là tất cả mọi hiện tượng thế gian, cái gì, cái chi... cũng gọi là pháp. Thí dụ như con người là một pháp, con vật là một pháp, sợi tóc là một pháp, cái nhà là một pháp, cái ghế là một pháp, chiếc xe là một pháp, cây xoài là một pháp, cây bưởi là một pháp, suy nghĩ, buồn, vui, thương, ghét, mỗi sự kiện, mỗi hiện tượng, v.v... đều là một pháp. Nói chung bất cứ thứ gì khi “*nó là chính nó*” thì được gọi là một pháp. Và thế gian thì có vô số pháp nên kinh gọi là Vạn pháp.

III. QUÁN “PHÁP TRÊN CÁC PHÁP”

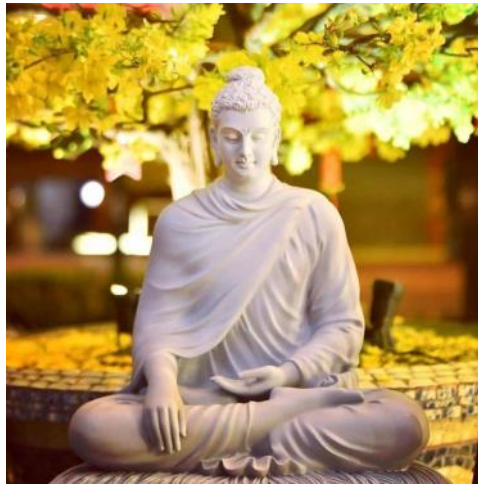
“*Quán Pháp trên các Pháp*” nghĩa là quán bất cứ pháp nào xuất hiện trên thân tâm của chúng ta. Nhưng trong kinh Tứ Niệm Xứ, không phải pháp nào cũng quán. Đức Phật chỉ dạy chúng sanh quán các pháp đưa đến sự giác ngộ giải thoát cho người tu tập như: *Năm triền cái, Năm uẩn, Sáu nội-ngoại xứ, Thất Bồ đề phần (Thất giác*

chi), Tứ đế. Quán ở đây là nhận diện sự xuất hiện của một trong các pháp, quan sát pháp diễn ra trên thân tâm của hành giả từ khi nó bắt đầu sanh khởi đến khi nó chấm dứt. Dù nó là thiện pháp hay ác pháp, hành giả chỉ vô tư quan sát không can thiệp, tức tuệ tri pháp đang có mặt hay không có mặt mà thôi! Pháp đầu tiên Đức Đạo Sư dạy quán trong kinh Tứ Niệm Xứ là pháp “*Năm Triền Cái*”.

IV. QUÁN ĐỀ MỤC “NĂM TRIỀN CÁI”

Muốn quán đề mục “*năm triền cái*” chúng ta cần hiểu “*triền cái*” là gì thì mới quán được. “*Triền*” có nghĩa là trói buộc khiến mình không thoát ra khỏi sự nặng nề, trĩu kéo của nó. “*Cái*” là cái lọng hay cây dù che lấp, cản trở khiến cho tâm mình mù mờ, không sáng suốt. Nó là chướng ngại lớn khiến hành giả tu thiền không thể đắc định. “*Triền cái*” gồm năm món: Tham, Sân, Hôn Trầm-Thụy Miên, Trạo cử-Hối quá và Nghi ngờ.

Quán về Tham dục, Đức Phật dạy trong kinh Tứ Niệm Xứ: “*Tỳ-kheo nội tâm có ái dục, tuệ tri: ‘Nội tâm tôi có ái dục’, hay nội tâm không có ái dục, tuệ tri: ‘Nội tâm tôi không có ái dục’. Và với ái dục chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với ái dục đã sanh nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy; và với ái dục đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy.*” (hết



trích*) . Để thực tập theo đoạn kinh này, chúng ta cần tìm hiểu ý nghĩa của chữ "Dục." Dục có hai loại là "tham dục" và "ái dục".

Tham dục tiếng Pali là "Chanda" có nghĩa là mong muốn, ước nguyện, động lực, thúc đẩy. Tham dục này có khi thiện, có khi bất thiện, có khi không thiện cũng không bất thiện, tùy theo cái Tâm mình đi kèm. Thí dụ: Ham tu, ham học Phật pháp, ham làm việc thiện. Đó là tham dục, nhưng là dục tốt. Cũng vậy, trong 37 phẩm trợ đạo có phẩm "Tứ như ý túc" gồm bốn yếu tố: Dục, Cần, Tâm, Quán. Yếu tố đầu là: "Dục như ý túc" là một loại dục cực mạnh. Nhờ có dục (ước nguyện) ban đầu đó, mà về sau người tu chứng đắc được định. Dục này lại là thiện pháp. Còn tham lam muốn chiếm đoạt tài sản, tiền bạc của người khác thì đó là dục xấu là bất thiện. Cho nên dục cũng có nhiều loại, chúng ta cần phân biệt hiểu rõ, để khi gặp tình huống ngoài đời chúng ta không bị lung tung khi xử lý. Đặc biệt, trong đoạn kinh này, Đức Đạo Sư bàn đến ái dục và xem "ái dục là một triền cái". Vậy ái dục là gì?

1) Ái dục: Tiếng Pali là "tanhā" (dưới chữ "n" có dấu nặng) nghĩa là "lòng khát khao ham muốn được thỏa mãn sự đòi hỏi của năm giác quan" về điều gì đó thuộc phạm vi tài, sắc, danh, thực, thù, trong đó có thú vui nhục dục... Dính với Ái dục là dính với phiền não. Tại sao? Vì lúc nào mình cũng sống trong lo sợ mất mát đối tượng mình yêu thương luyện ái. Muốn rời bỏ tâm ái dục này thật là khó, bởi con người ta sống với tâm ái dục này từ nhiều đời nhiều kiếp, đến đời này nó đã trở thành kiết sử trói buộc thân tâm mình, cho nên mình cảm thấy luyện ái là chuyện bình thường, thậm chí nó làm mình đau khổ, mình cũng chấp nhận...

Thí dụ như có một ngày có mình không may gặp nạn, thì mình lo lắng, sợ hãi vô cùng, vì mình thương yêu nó. Còn như nghe tin con người khác gặp nạn thì mình không lo lắng nhiều như lo cho con mình. Lo lắng, sợ hãi là tâm trạng của phiền não, đau khổ. Hay là chồng/vợ của mình có tình ý với người khác thì mình ghen tuông đau khổ vì mình bị dính với hai chữ "luyện ái", chứ người không quen biết thì họ làm gì cũng mặc kệ. Hoặc mình sẽ khổ sở vô cùng nếu tài sản tiền bạc của mình bị thất thoát, còn người khác bị mất mát cái gì... thì đó không phải là nỗi lo của mình. Khi mình đam mê, luyện ái với cái gì rồi thì khó mà buông bỏ, cho nên ái dục hay khát ái là những yếu tố căn bản của phiền não khổ đau, là nguyên nhân đưa đến luân hồi sinh tử triền miên.

Vì thế Đức Phật cho rằng "ái dục là triền cái". Triền cái vì nó ngăn che không cho tuệ giác mình phát huy. Nếu tuệ giác phát huy thì mình hiểu vạn vật đều vô thường, dù duyên nó ở với mình, không đủ duyên thì nó ra đi. Vật chất, tài sản, tình yêu vợ chồng, tình thương con cái cũng không khác. Nếu hết duyên mình có làm gì, bị lụy ra sao, cầu khẩn thế nào thì cũng không giữ được.

- **Nhận diện ái dục:** Đức Phật dạy muốn thoát khỏi sầu não do ái dục gây ra, thì mình phải nhận diện ra nó bằng cách ngồi yên lặng nhìn vào trong tâm mình, xem ngay trong giây phút này, mình có đau khổ, có luyện ái khởi lên hay không? Nghĩa là mình có đang thương nhớ người này, thương nhớ người kia hay không? Mình có ham muốn cái này, ham muốn cái kia hay không? Nếu có thì mình phải nhận ra: "Đây là tâm ham muốn, đây là tâm ái dục!". Ái dục đang sanh khởi. Mình biết là nó đang

có mặt ngay lúc này.

Hoặc ái dục không sanh khởi, thì lúc đó mình biết rằng: "Ái dục không có mặt. Ngay lúc này mình không bị khổ vì ái dục". Nếu thấy không có ái dục, thì "biết không có ái dục". Hoặc ái dục nổi lên, rồi chấm dứt, thì cũng chỉ "tuệ tri như vậy". Hay là ái dục đã đoạn diệt không còn khởi lên ở tương lai, thì cũng "biết như thế".

Đức Đạo Sư dạy chúng ta nhận diện "ái dục" biết nó có mặt, hay không có mặt, sự nhận diện biết rõ đó gọi là "tuệ giác". Khi chúng ta nhìn "ái dục" bằng "tuệ giác", thì ngay lúc đó tuệ giác đang hiện hữu, chúng ta không bị những suy nghĩ tiêu cực đau buồn về đối tượng làm khổ mình, hoặc sung sướng phấn khởi khi niềm vui hạnh phúc khởi lên. Tất cả mọi thứ vui buồn tự nhiên rơi rụng ngay lúc đó. Và cứ thế, tuệ giác phát sanh mỗi lúc một mạnh hơn.

Đó là cách Đức Đạo Sư dạy chúng ta đoạn trừ được "ái dục", chứ không phải xua đuổi hình ảnh hay tư tưởng về luyện ái đó ra khỏi đầu. Bởi nếu mình cố ý xen vào chống đối xua đuổi, sẽ không ích lợi gì, chỉ khiến tâm sân hận có cơ hội trở lên.

2) Triền cái thứ hai là "Sân": Giáo lý nhà Phật nhấn mạnh Tham, Sân, Si là ba pháp độc hại. Ba cảm thọ đó luôn xuất hiện đầu tiên trong mọi phản ứng của tâm. Những gì khiến ta khoái lạc, yêu thích, cứ muốn được mãi như vậy, đó là tâm Tham. Ham thích điều gì mà không được thỏa mãn thì cảm thấy bức tức, khó chịu thì đó là tâm Sân. Người ta thường nói "giận quá mất khôn" vì trong lúc nóng giận mình không kiểm soát được lời ăn tiếng nói và hành động tổn hại đến người và tổn hại ngay cả với chính mình. Có nhiều nguyên nhân làm mình nóng giận, nhưng tựu trung có hai loại:

a-2) Sân giận do sự không hài lòng: Đa số con người ta sống ở đời đều kỳ vọng mọi thứ theo thuận theo ý của mình. Chẳng hạn như con cái thì phải ngoan ngoãn nghe lời. Chồng/vợ phải luôn chiều chuộng mình. Bạn bè, người thân, phải đối xử tử tế với mình, công việc làm ăn phải thuận lợi thành công. Ngược lại thì sanh lòng khó chịu, bức bối, sân giận, đau khổ.

b-2) Sân giận xuất hiện do sống không chánh niệm: Khi bị người khác coi thường, lăng mạ, xúc phạm... thì phản ứng của mình ngay lúc đó đương nhiên sẽ tức giận. Nếu người có tu tập thường sống trong chánh niệm thì người đó sẽ làm chủ được cơn giận và quản chế được nó khi cơn giận vừa mới trào ra.

Sân có hai mức độ. Mức độ thứ nhất là sân xuất hiện ở trong tâm. Đó là sự buồn giận, tức tối, âm ỉ trong tâm. Mức độ thứ hai là cơn giận dữ bộc phát ra lời nói trách móc, than phiền, chửi bới, hoặc hành động đập phá làm tổn thương người đối diện. Mức độ sân thứ nhất tuy không làm tổn thương người đối diện, nhưng lại tổn thương chính mình. Vì sự buồn phiền, sân hận đó cứ âm ỉ trong tâm ngày này qua ngày khác, sẽ khiến mình dễ mắc bệnh trầm cảm. Có câu nói "Hận này đến chết vẫn mang theo". Nếu thực sự một người sắp chết mà tâm vẫn còn mang mối hận thù với ai đó, thì thật là nguy hiểm, vì người đó sau khi chết sẽ bị tái sanh vào một trong ba đường ác.

- **Quán hay Nhận diện Sân:** Về cách quán Sân, Đức Phật dạy trong kinh Tứ Niệm Xứ như sau: "Nội tâm có sân hận, tuệ tri: 'Nội tâm tôi có sân hận', hay nội tâm không có sân hận, tuệ tri: 'Nội



tâm tôi không có sân hận'. Và với sân hận chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với sân hận đã sanh nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy; và với sân hận đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy." (hết trích) *

Chúng ta hiểu đoạn kinh này, Đức Phật dạy quán Sân là xem trong tâm có Sân hận thì biết rõ tâm có Sân hận. Khi không có Sân hận thì biết rõ tâm không có Sân hận. Khi Sân chưa sanh khởi, hay sanh khởi rồi đoạn tận, đều nhận ra sự hiện diện và không hiện diện của nó. Chúng ta chỉ làm một điều là nhìn và nhận diện nó thôi. Nhìn một cách rõ ràng, từ lúc Sân sắp sanh khởi, hoặc vừa sanh khởi, chứ không phải khi tâm Sân rồi mà nhìn không ra!

Chúng ta cần nhớ là Tâm mình chỉ làm được một thứ trong một lúc thôi. Khi nó đang là niệm Sân thì không thể có niệm Tuệ. Chính vì thế mà Đức Phật dạy lúc nào chúng ta cũng giữ niệm biết. Đối tượng như thế nào nhận biết như thế đó mà thôi!

3) Triền cái thứ ba là Hôn trầm-Thụy miên:

Hôn trầm-thụy miên là trạng thái tâm mê mờ, tầm tối, luôn cảm thấy người nặng nề, làm biếng, dả dơi, không muốn làm, không muốn học... chỉ muốn thả trôi mọi việc. Người bị hôn trầm trong lúc ngồi thiền cảm thấy mê mê, lằng lằng không biết gì hết, đến khi ngủ gật, mới giật mình tỉnh giấc. Để trị được hôn trầm phải có sự tỉnh giác. Tỉnh từng giây, từng phút, từng giờ, rồi từng ngày và đến cuối cùng là toàn giác. Muốn tỉnh giác chỉ có một cách duy nhất là phải thực tập quan sát.

- **Quán Hôn trầm- thụy miên:** Đức Phật dạy: *"Nội tâm có hôn trầm thụy miên, tuệ tri: 'Nội tâm tôi có hôn trầm thụy miên', hay nội tâm không có hôn trầm thụy miên, tuệ tri: 'Nội tâm tôi không có hôn trầm thụy miên'. Và với hôn trầm thụy miên chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với hôn trầm thụy miên đã sanh nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy; và với hôn trầm thụy miên đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy"*. (hết trích)

Kinh dạy, thấy trong tâm có hôn trầm thụy miên, biết rằng: *"Mình đang hôn trầm thụy miên"* tức đang uể oải, buồn ngủ. Hoặc trong tâm không có hôn trầm thụy miên thì biết rằng: *"Mình không bị hôn trầm thụy miên"* mình đang tỉnh táo. Hoặc hôn trầm thụy miên chưa sanh, nay sanh khởi, *cũng biết như vậy*. Hay hôn trầm-thụy miên đã sanh giờ đoạn diệt, *biết như thế*. Hay hôn trầm-thụy miên đã đoạn diệt, tương lai không sinh khởi, *cũng biết như thế*.

Tóm lại, muốn thoát khỏi hôn trầm-thụy miên hành giả phải tỉnh giác, phải chánh niệm từng chút, trên thân tâm đến khi nào nó thuần thục. Ngoài những giờ tọa thiền, hành giả cần thực hiện quán thân, tức giữ chánh niệm trên thân. Chánh niệm trong khi đi, trong khi đứng, trong khi ngồi. Bước đầu thực tập chánh niệm, tức luôn có cái thấy biết. Thí dụ: Biết đôi tay mình cử động. Biết đôi chân mình đi. Nghe giọng nói hay nghe hơi thở của mình thì đó là chánh niệm. Mỗi lần chánh niệm là mỗi lần tuệ giác xuất hiện. Chỉ có chánh niệm mới làm cho sự tỉnh giác phát sinh, và nó mới có thể đối trị lại hôn trầm thụy miên.

4) Triền cái thứ tư là Trạo hối: Trạo là trạo cử, hối là hối quá. Trạo cử là sự xao động bất an trong tâm, biểu hiện ra ngoài thân và lời nói. Cho nên trạo cử có ba loại: Thân trạo cử, miệng trạo cử và ý trạo cử.

- **Thế nào là thân trạo cử?** Đó là người đứng ngồi không yên. Khi đứng thì ông a, ông ọ, nhúng nha nhúng nháy. Mắt không nhìn thẳng mà liếc ngang liếc dọc. Khi ngồi thì gõ tay lên bàn hay trên thành ghế. Còn chân thì nhúc nhích rung đùi không yên. Đó là thân trạo cử. Miệng trạo cử là không im lặng được. Không nói thì không chịu được. Người ta vừa mở miệng là mình nháy vô liễn, hoặc người ta nói chưa hết câu là mình chặn lại giành nói. Hoặc giữa chỗ đông người, để chứng minh sự có mặt của mình nên kiếm chuyện gì đó để nói. Nhiều khi mình nói quảng nói xiêng không đúng chủ đề mà vẫn ham nói. Vì thế mới có chuyện cãi nhau, mới có chuyện tranh luận, sân si khẩu chiến. Sở dĩ miệng trạo cử ưa nói năng là tại vì tâm trạo cử. Tâm trạo cử là tâm không an trú trong pháp quán, tâm suy nghĩ lung tung hết chuyện này đến chuyện khác, hết chuyện mình đến chuyện người, hết chuyện quá khứ, hiện tại và chuyện chưa xảy ra ở tương lai, đó là trạo cử.

Còn "hối quá" là sự hối tiếc dày vò khiến tâm luôn phiền não. Lưu ý "hối quá" khác với "tâm quý". Tâm quý là người phạm lỗi, biết xấu hổ, hối hận, thành tâm sám hối và tự hứa sẽ không tái phạm. Còn "hối quá" là hối hận, hối tiếc những việc làm có khi tốt có khi xấu. Thí dụ như thời gian qua thích cái này, thích cái kia, mà không lấy, không mua, bây giờ muốn lấy muốn mua cũng không còn cơ hội, nên cứ tiếc nuối hoài.

- **Quán Trạo hối:** Trạo hối là triền cái đưa đến đủ thứ chuyện tham, sân, phiền não, nên Đức Phật dạy hễ: *"...Nội tâm có trạo hối, tuệ tri: 'Nội tâm tôi có trạo hối'; hay nội tâm không có trạo hối, tuệ tri: 'Nội tâm tôi không có trạo hối'. Và với trạo hối chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với trạo hối đã sanh nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy; và với trạo hối đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy"*. (hết trích) *

Theo lời Phật dạy thì chúng ta phải thực tập quán, tức đặt chánh niệm lên trạo hối khi nó xuất hiện. Khi trong tâm không có trạo hối, thì hành giả biết ngay lúc này tâm không có trạo hối. Hoặc trạo hối chưa sanh bây giờ sanh khởi, tuệ tri như vậy. Hay trạo hối đã sanh, bây giờ chấm dứt, cũng tuệ tri như thế. Hoặc trạo hối đã chấm dứt không còn sanh khởi ở tương lai nữa thì hành giả chỉ có một việc để làm, là tuệ tri, là nhìn nó mà thôi. Chỉ nhìn, biết rõ mà không phản ứng gì cả.

5) Triền cái thứ năm là Nghi ngờ: Trạng thái

Nghi ngờ là trạng thái tâm hoang mang, không quả quyết. Nghi ngờ pháp môn mình tu tập không đưa đến giải thoát giác ngộ. Hoặc là nghi ngờ chính bản thân mình không có khả năng tu tập pháp môn đang hành trì. Khi có bất cứ những loại nghi ngờ nào xuất hiện, hành giả cần phải tìm cách giải tỏa để tâm không còn hoang mang cản trở con đường tu tập của mình.

- **Quán Nghi ngờ:** Để trừ khử sự nghi ngờ xuất hiện trong tâm, Đức Phật dạy hành giả tu tập quán triển cái Nghi như sau: "...*Nội tâm có nghi, tuệ tri: 'Nội tâm tôi có nghi'; hay nội tâm không có nghi, tuệ tri: 'Nội tâm tôi không có nghi'. Và với nghi chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với nghi đã sanh nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy; và với nghi đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy.*" (hết trích)

Cách quán Nghi ngờ cũng giống như cách quán các triển cái khác. Cái gì xuất hiện trong tâm thì tuệ tri về cái đó. Khi niệm Tuệ có mặt thì triển cái sẽ lặn mất.

V. KẾT LUẬN

"Năm triển cái" bị xem là năm pháp bất thiện, vì nó luôn ràng buộc tâm thức mình, che mờ tánh giác, và lôi kéo mình vào biển khổ luân hồi. Năm triển cái này dù ở dạng vi tế phát sinh nơi tâm, hay ở dạng thô, giận dữ thông qua nét mặt, lời nói, hành động... thì cũng cần phải được nhận diện rõ, cần phải được xử lý theo lời Phật dạy, đó là "Quán Pháp trên các Pháp" tức tu thiền Tuệ còn gọi là Thiền Minh Sát (Vipassana).

Ngoài ra tu thiền Chỉ (Samatha/Samadhi) cũng đề nén được năm triển cái này. Khi hành giả cố định thì trong tâm xuất hiện năm thiền chi: Tâm, Túc, Hỷ, Lạc, Nhất tâm. Năm triển cái là năm tâm sở tốt đối trị năm tâm sở xấu. Chi thiền Định (Nhất tâm) đề nén triển cái Tham dục. Chi thiền Hỷ đề nén Sân hận. Chi thiền Lạc đề nén Trạo hối. Chi thiền Tầm đề nén Hôn trầm-thụy miên. Chi thiền Tứ đề nén triển cái Nghi ngờ. Khi định lực mạnh thì triển cái không xuất hiện. Nhưng khi ra khỏi định thì triển cái có thể trở lại, và có khi còn mạnh hơn nữa!

Cho nên hành giả cần phát huy trí tuệ qua Thiền Tứ Niệm Xứ. Theo lời Phật dạy chỉ có Trí tuệ mới có thể trừ dứt được năm triển cái, vì bản chất của năm triển cái thực ra cũng phát xuất từ Tham, Sân, Si mà thôi.

Trước khi tạm ngưng bài viết "Quán Pháp trên các Pháp" tại đây, người viết nguyện chúc các hành giả hữu duyên sớm thành tựu pháp tu theo lời Phật dạy.

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

THÍCH NỮ HẰNG NHƯ

(CHÂN TÂM Thiền đường, Feb 7-2025)



XUÂN VÀ THƠ

*Gió mát trời quang mây nhả tơ
Thường xuân tao nhã thú thi thơ
Đã không thấy đẹp trong đời thực
Ta về nghe Phật Pháp thanh cao
Mỗi độ có hoa bùng sắc thắm
Là lần bút mực nảy vần thơ
Bốn mùa xuân hạ xinh tươi cả
Trên cành chim hót ngả nón chào.*

TÂM

*Một vầng trăng sáng với năm sao
Lặng chiếu thường không sót mây nào
Vọng-chân, phàm-thánh từ đây cả
Trời đất trông kìa tuyệt biết bao*

*Bậc thượng nhân trí cả vút cao
Dù thế giới đầy những trược ác
Tâm Ngài vẫn an nhiên tự tại
Không ghét ai, từ bỏ một ai
Tâm phàm phu thương-ghét lao xao
Khiến đời mãi ra vào sanh-tử
Người chánh kiến tâm thường sáng suốt
Sông trên đời từng bước thẳng hoa
Khó đau nào cũng sẽ vượt qua
Được chu thiên cồi trời ca ngợi.*

thơ **DIỆU VIÊN**

HỌC PHẬT: NÓI, NGHE, ĐỌC, VIẾT ĐÚNG PHÁP

Nguyên Giác

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Thời thơ ấu, chúng ta ưa thích đọc truyện *Cô Ba Cháo Gà Địa Ngục Du Ký*, rồi ưa nghe kể chuyện vong nhập, chuyện trừ tà... Bây giờ thì thôi đi, sau khi trở thành Phật tử, nghĩa là chỉ nên học theo lời Đức Phật dạy. Điều này khó vô cùng, vì chúng ta đã quen với những thói quen của chúng sinh. Trong hành động nói, cũng tương ứng là hành động viết, thói quen đời thường vẫn ưa dẫn chúng ta vào chỗ nói nhảm, và viết nhảm. Thậm chí, ngay như trong giới Phật tử trí thức, nhiều người cũng vẫn loay hoay trong mê lộ văn tự của chúng sinh, ưa nói và viết lời êm tai, nhưng không chắc là phù hợp với Chánh pháp; ưa sáng tác thơ và nhạc du dương, chứ không chắc là sáng tác chỉ vì muốn người đọc và người nghe chứng ngộ Thực tướng và để xa lìa tham sân si. Do vậy, trong kiếp này, đã có cơ may gặp Chánh pháp, Phật tử chúng ta hãy tinh tấn học theo Đức Phật, chớ để bỏ lỡ bất kỳ ngày nào, giờ nào.

Chúng ta bây giờ giao tiếp nhiều nhất là nơi mạng xã hội. Nơi đó, chúng ta đọc, chúng ta viết, chúng ta nghe các vị sư thuyết pháp. Hãy nên giữ hạnh của Đức Phật: không nói nhảm, không viết lời vô ích, không nghe các vị sư thuyết pháp sai lầm. Thời rất xưa, khi chưa có chữ viết, giao tiếp chỉ là nói và nghe. Bây giờ đã có thêm đọc và viết.

Đức Phật đã nhiều lần khuyến tấn rằng đừng nói những chuyện vô ích, chuyện tầm thường, về vua quan, về xe cộ, làng xóm, về đàn bà, đàn ông, về người đã chết (hiểu là: đừng nói về vong, về kiếp trước hay kiếp sau), và tránh nói cả chuyện thế giới này hiện hữu hay không hiện hữu. Nghĩa là, chỉ nên nói những gì giúp nhau nhận ra Chánh pháp và tu học giải thoát.

Trong Kinh DN 1, bản dịch của Thầy Minh Châu, trích lời Đức Phật dạy về hạnh đừng viết, đừng nói, đừng thuyết pháp kiểu gây trở ngại cho tu học, như sau:

"Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dẫu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống nói những câu chuyện vô ích, tầm thường như câu chuyện về vua chúa, câu chuyện về ăn trộm, câu chuyện về đại thần, câu chuyện về binh lính, các câu chuyện hải hùng, câu chuyện về chiến tranh, câu chuyện về đồ ăn, câu chuyện về đồ uống, câu chuyện về vải mặc, câu chuyện về giường nằm, câu chuyện về vòng hoa, câu chuyện về hương liệu, câu chuyện về bà con, câu chuyện về xe cộ, câu chuyện về làng xóm, câu chuyện về thị tứ, câu chuyện về thành phố, câu chuyện về quốc độ, câu chuyện về đàn bà, câu chuyện về đàn ông, câu chuyện về vị anh hùng, câu chuyện bên lề đường, câu chuyện tại chỗ lấy nước, câu chuyện về

người đã chết, các câu chuyện tạp thoại, câu chuyện về hiện trạng của thế giới, hiện trạng của đại dương, câu chuyện về sự hiện hữu và sự không hiện hữu. Còn Sa-môn Gotama từ bỏ không nói những câu chuyện vô ích, tầm thường kể trên — Nay các Tỷ-kheo, như vậy người phạm phu tán thán Như Lai." (1)

Vậy thì, nên nói và nên viết những gì, nếu chúng ta học theo hạnh của Đức Phật? Chúng ta nên thấy cốt tủy Chánh pháp là con đường giải thoát tức khắc, nghĩa là ngay trong hiện tiền, ngay trong cái bây giờ và ở đây là phải thấy tâm mình xa lìa tham sân si. Chúng ta thường nghe rằng tu học là vô lượng kiếp, là phải tu trải qua ba a tăng kỳ kiếp. Thực ra, đó là chuyện của những Phật tử chưa học kỹ Kinh Phật.

Lời Đức Phật dạy là để giải thoát tức khắc. Thiên Tông thường dùng chữ là "đốn ngộ" là nêu lên đúng ý của lời Đức Phật dạy. Trong Kinh EA 24.5, Đức Phật trong những ngày đầu hoằng pháp, nghĩ tới hai vị A-la-lam và Uất-đầu-lam-phất, vì tin rằng hai vị này khi nghe pháp xong là sẽ tức thì giải thoát. Nghĩa là, không cần phải lui về góc rừng để thờ ra, thờ vào... mà là ngay khi nghe pháp là xong rồi. Kinh EA 24.5 qua bản dịch của hai Thầy Tuệ Sỹ và Đức Thắng trích như sau:

"Rồi Thế Tôn lại nghĩ: 'A-la-lam, với các căn đã thuần thục, đáng được đốn trước. Và lại, ông ấy đang trông đợi Ta có Pháp.' Vừa nghĩ như vậy, tức thì giữa hư không có vị trời bạch Thế Tôn rằng: 'A-la-lam đã chết bảy ngày rồi.'

Bấy giờ, Thế Tôn lại nghĩ: 'Khổ thay, sao người ấy chưa nghe được Pháp của Ta mà đã chết rồi! Giá sử người ấy nếu nghe được pháp của Ta, tức thì giải thoát.'



'Bấy giờ Thế Tôn lại nghĩ: 'Nay Ta nên thuyết pháp cho ai trước để người này được giải thoát? Uất-đầu-lam-phất đáng được độ trước. Hãy thuyết pháp cho ông ấy trước hết. Nghe ta thuyết pháp xong sẽ được giải thoát trước nhất.'

*Khi Thế Tôn vừa nghĩ vậy, giữa hư không có vị trời nói rằng: 'Ông ấy đã chết rồi, vào nửa đêm hôm qua.' Khi đó Thế Tôn lại nghĩ rằng: 'Uất-đầu-lam-phất này, khổ thay, sao chưa nghe được pháp của Ta mà đã chết mất rồi! Giả sử người ấy nếu nghe được pháp của Ta, **tức thì giải thoát.**'..." (2)*

Trong thời này, chúng ta thấy một phương tiện hoằng pháp quan trọng là video, hình ảnh và âm thanh trên YouTube, nơi các vị giảng sư thuyết pháp. Trong khi có, các trang web sử dụng phương tiện chữ viết, nơi chúng ta viết và đọc. Tất cả các hành vi thuyết pháp như nói, như viết, và lắng nghe thuyết pháp như nghe, như đọc đều là các cơ duyên dẫn tới giải thoát xứ, theo các Kinh DN 33, Kinh DN 34, Kinh AN 5.26. Nhóm năm giải thoát xứ là: 1. Lắng nghe giảng sư thuyết pháp (hay, thời nay là, đọc bài viết); 2. Thuyết pháp (hay viết bài); 3. Tụng đọc Chánh pháp; 4. Tư duy ý nghĩa Chánh pháp; 5. Thiền tập.

Nơi đây, chúng ta trích phần giải thoát xứ thứ nhất, nhờ cơ duyên nghe thuyết pháp (hay đọc bài viết) mà suy tư, tin thọ nên được giải thoát. Kinh AN 5.26, bản dịch của Thầy Minh Châu trích như sau:

*"Ở đây, này các Tỷ-kheo, bậc Đạo Sư hay một vị đồng Phạm hạnh đóng vai trò vị Đạo Sư thuyết pháp cho vị Tỷ-kheo. Tùy theo bậc Đạo Sư, hay một vị đồng Phạm hạnh đóng vai trò vị Đạo Sư thuyết pháp cho vị Tỷ-kheo như thế nào, như thế nào, tùy theo như vậy, như vậy, vị Tỷ-kheo tin thọ về nghĩa và tin thọ về pháp trong pháp ấy. Do vị ấy tin thọ về nghĩa, tin thọ về pháp, nên hân hoan sanh. Do hân hoan, nên hỷ sanh. Do ý hoan hỷ, thân được khinh an. Do thân được khinh an, vị ấy cảm giác lạc thọ. Do lạc thọ, tâm được định tĩnh. Đây là **giải thoát xứ thứ nhất**; ở đây, vị Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, thời tâm chưa giải thoát được giải thoát, hay các lậu hoặc chưa được đoạn diệt hoàn toàn, đi đến đoạn diệt hoàn toàn, hay vô thượng an ổn khỏi các khổ ách chưa đạt, được đạt tới." (3)*

Tới đây, chúng ta có thể nêu câu hỏi: Những Kinh nào có sức mạnh giải thoát tức thì? Nghĩa là, nghe kinh xong, là các trở ngại trong tâm sẽ biến mất gần hết? Có rất nhiều Kinh có sức mạnh như thế. Mỗi người nên tự đọc Kinh điển và nghiền ngẫm từng câu, từng dòng để nghiệm ra. Có rất nhiều Kinh cho thấy vị đương cơ sau khi nghe Kinh xong và chứng quả A La Hán, hay chứng quả Bất

Lai. Nổi tiếng nhất là Kinh Bahiya, và nhóm 2 Chương cuối (Phẩm Tâm, và Phẩm Qua Bờ Bên Kia) trong Kinh Tập. Trong Thiên Tông, các vị thầy khi thuyết pháp thường dùng Kinh Kim Cang, Kinh Pháp Bảo Đàn, Bát Nhã Tâm Kinh. Tất cả đều có sức mạnh vô cùng.

Đức Phật giải thích rằng các Kinh có sức mạnh như thế, là các kinh "thâm sâu, nghĩa lý thâm diệu, xuất thế gian, liên hệ đến không..." Nhóm chữ "liên hệ tới không" trong các bản tiếng Anh là "connected with emptiness" tức là thuộc nhóm Kinh về sau này được phân loại là hệ Bát Nhã.

Giải thích về các Kinh này, Đức Phật nói trong Kinh SN 20.7, trích như sau:

*"Này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập như sau: 'Những bài kinh nào do Như Lai thuyết giảng, thâm sâu, nghĩa lý thâm diệu, xuất thế gian, **liên hệ đến không**, chúng tôi sẽ nghe khi các kinh ấy được thuyết giảng; chúng tôi sẽ lắng tai; chúng tôi sẽ an trú chánh tri tâm. Và chúng tôi sẽ nghĩ rằng, các pháp ấy cần phải học thuộc lòng, cần phải học thấu đáo.'*" (4)

Khi giải thích chi tiết thêm khi nói về các Kinh "liên hệ đến không," Đức Phật nói trong Kinh AN 2.42-51, trích: "...*đối với các kinh điển do Như Lai tuyên thuyết, thâm sâu, ý nghĩa sâu kín, siêu thế, **liên hệ đến không**, khi các kinh điển ấy được thuyết giảng, họ khéo nghe, lắng tai, họ an trú tâm để hiểu biết chúng, họ nghĩ rằng các pháp ấy cần phải lãnh thọ, cần phải học thuộc lòng. Và sau khi học thuộc lòng các*

pháp ấy, họ hỏi đi hỏi lại cùng nhau, họ mở rộng ra để thảo luận với những câu hỏi như sau: 'Cái này là gì? Thế nào là ý nghĩa của cái này?' Họ mở rộng những gì được che kín, họ phơi bày những gì không được phơi bày, họ giải nghi về các điểm nghi vấn trong Chánh pháp. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng được huấn luyện trong chất vấn, không được huấn luyện trong khoa trương." (5)

Có nghĩa là, đối với các Kinh như thế, nghe xong là hãy lãnh thọ, hãy học thuộc lòng, nếu có điểm nghi vấn nào thì hãy tìm giải nghi. Có nghĩa là, các Kinh đó đều chỉ vào tâm, nên cần an trú tâm, cần thấy cái "liên hệ đến Không" nghĩa là gì, là chỉ vào cái Không nào trong thân tâm, trong danh sắc, trong năm uẩn.

Có một bản kinh trong Hán tạng thoát đọc là thấy y hệt Bát Nhã Tâm Kinh, nhưng giải thích rất chi tiết. Đó là "Kinh Phật Nói Về 12 Hạnh Đầu Đà" (ĐCTT/ĐTK. Kinh tập bộ loại, T17, N0.763) do Thầy Thích Nguyên Hùng dịch Hán-Việt. Nơi đây, chúng ta trích như sau:

"Phật bảo các Tỷ-kheo: - Các thầy nhớ buông tâm lại một chỗ, chớ để nó tán loạn, công đức thiên định từ đó được sinh. Hết thầy chúng sinh phạm



phu do vì điên đảo, bị trói buộc trong ý niệm ngã, nhân, chúng sinh, thọ mạng, chạy theo những thứ giả danh mà phát sinh những nhận thức sai lầm. Từ xưa đến nay, năm uẩn vốn thanh tịnh, chẳng phải ta, chẳng phải của ta, không sinh, không diệt, không ra, không vào, chẳng phải phạm phu, chẳng phải không phạm phu, chẳng phải Thánh nhân, chẳng phải không Thánh nhân, lia mọi tên gọi, tuyệt đường ngôn ngữ, chư Phật không đi, không đến. Hôm nay các thầy ai nấy phải duyên vào bản chất thanh tịnh để quán sát thật kỹ thân tướng này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, tâm rất hoan hỷ, liền quán thân này, từ lớp da bên ngoài cho đến máu, thịt, mủ thối uế tạp, gân, xương, mạch, tủy, mỡ, mỡ nước, não, mô, nước mắt, nước mũi, nước miếng, gan, mật, lá lách, thận, tim, phổi, đờm, sinh tạng, thực tạng, ruột non, ruột già, đại tiểu tiện, lông, tóc, móng tay, răng, bào thai như nhớp... Ba mươi sáu vật và chín lỗ bất tịnh, từ ngoài đến trong, từ trong ra ngoài, tìm kiếm tướng của ngã hoàn toàn không có. Tinh tấn không dừng, bèn thấy được sắc tâm niệm niệm sinh diệt như dòng nước chảy, như ánh đèn chao. Sinh không từ đâu đến, diệt không đi về đâu. Hiện tại không chỗ trụ, biết năm ấm này từ xưa đến nay là không, không có gì, diệt sạch chỗ tướng, chứng trí như thật, thành A-la-hán. Các Bồ-tát... tư duy pháp xong, đắc Vô sinh nhẫn, đầy đủ mười Địa.” (6)

Kinh vừa dẫn là lời giải thích chắc chắn đã gỡ được rất nhiều điểm nghi vấn trong Chánh pháp. Kinh đó hiển nhiên cũng là lời giải thích cho Bát Nhã Tâm Kinh, một Kinh mà bản thân người viết chọn làm bản kinh liên hệ đến không của Như Lai, và thường đọc tắt trong tâm là: “Cái được thấy là không, cái được nghe là không, cái được ngửi là không, cái được nếm là không, cái được chạm xúc cảm thọ là không, cái được tư lường nhận biết là không. Tất cả các pháp đều là không tướng, bất sinh, bất diệt...”

GHI CHÚ:

(1) Kinh DN 1: https://suttacentral.net/dn1/vi/minh_chau

(2) Kinh EA 24.5: https://suttacentral.net/ea24.5/vi/tue_sy-thang

(3) Kinh AN 5.26: https://suttacentral.net/an5.26/vi/minh_chau

(4) Kinh SN 20.7: https://suttacentral.net/sn20.7/vi/minh_chau

(5) Kinh AN 2.42-51: https://suttacentral.net/an2.42-51/vi/minh_chau

(6) Kinh Phật Nói Về 12 Hạnh Đầu Đà: <https://thuvienhoasen.org/a41334/kinh-phat-noi-ve-12-hanh-dau-da>

NHỮNG BÀI THƠ BUỒN, NHỮNG BÀI THƠ VUI

những bài thơ buồn
những bài thơ vui
chia nhau trang giấy
chữ nghĩa đong đầy
câu văn ái ngại
đọc lên thấy buồn
đọc lên thấy vui
đọc xong mỉm cười
đọc xong buồn nhớ
bao điều nói dở
trôi theo sương mờ

những bài thơ buồn
những bài thơ vui
vô tình như lá
hờ hững như mây
ngang qua mùa hạ
ướt đẫm mùa thu
sương mù thấm áo
hai vai bỗng lạnh
mùa đông ngoài ngõ
nhìn nhau không nói
suối âm từ tâm

những bài thơ buồn
những bài thơ vui
truyền nhau hơi thở
nhắc nhở nổi trôi
ảo mộng phù dung
thế giới tận cùng
dấu xưa con khát
trái tim luận ngữ
nụ hôn bao la
lắng sâu mặn mà

những bài thơ buồn
những bài thơ vui
trôi lạc hồng trần
thiên thu góp lại
thủy chung ký ức
chia sót bao dung...



thy an



Chùm truyện cực ngắn

HOÀNG LONG

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

KẾT NỐI

Mùa xuân đã đến rồi. Anh gọi đó là mùa kết nối. Trái đất như đứa trẻ biết làm thơ Rilke bảo vậy. Lá hoa dang tay mời chào đơn đả. Ta ngược mắt nhìn lên trời cao xanh biếc, mây trắng lững lờ, thấy mình chìm trong một vùng bát ngát. Nhịp sống đời đi nhanh quá nhanh, ta không có nhiều thời gian để kịp nhìn lại. Một ngày, một tuần và thoáng chốc là hết một năm. Ta cảm cúi mặt trên đường đời, kiệt sức tàn hơi sống qua những ngày khổ sở, nhiều khi chỉ như một thói quen của cái máy đã được lập trình, chẳng bao giờ có thể tự vấn tại sao và như thế nào cả. Nhìn xung quanh ta chỉ thấy toàn những sự vỡ nát của những giá trị, sự lạnh lùng của lòng người, vô tình của năm tháng chày trôi. Nó khiến ta khép chặt lòng mình lại, hững hờ với chính bản thân. Nhưng mùa xuân luôn đến, hoa vẫn nở dù biết tàn phai. Ta chỉ cần nhìn lại để thấy mình vẫn còn trong sự kết nối vĩnh hằng thăng hoặc đã quên đi. Thơ ca và ngôn ngữ từ xưa luôn lắng nghe chuyển động của thiên nhiên, những bước đi nhịp điệu của mùa màng để có thể chỉ ta biết cách sống hài hòa với toàn thể. "Mồng một lười trai, mồng hai lá lúa, mồng ba câu liêm, mồng bốn lười liêm, mồng năm liêm giật, mồng sáu thật trắng". Bây giờ lần cuối cùng ta nhìn thấy vàng trắng là khi nào chứ đừng nói ngắm trăng kiểu thường nguyệt làm thơ vịnh cảnh. Ta tự cô lập mình với dòng chảy thiên nhiên, tự ngã bệnh trong chính tâm hồn vừa khô cạn vừa mục rữa. Bao giờ cho đến ngày xưa? Câu hỏi đó ta cần phải tự vấn tự trả lời. Sống ngày hiện đại nhưng không được quên dòng chảy của sự kết nối, của sự vô tận kiếp đời lịch sử, của những nỗi niềm bất ngát nhân sinh. Đó không còn là sứ mệnh nhắc nhở của chính thơ ca nghệ thuật mà đã trở thành vấn đề cá nhân. Sống không chỉ có cúi mặt sinh nhai mà còn phải gắng đầu nhìn trời tiêu sái. Cái cô đơn hữu hạn của con người cá nhân sẽ tiêu biến vào sự kết nối bao la của toàn thể. Đó cũng là cách chúng ta chữa lành chính mình, tha thứ cho nhau dưới vòm trời lửa cháy đục vọng với binh đao. Anh biết ơn mùa xuân nhắc nhở mình trẻ lại, dừng lại mà suy ngẫm, kết nối bền chặt hơn với gốc rễ văn minh nông nghiệp hàng ngàn năm của tiên tổ loài người. Con người sống trong thời gian, trong nhịp điệu, trọng sự tuần hoàn không ngừng nghỉ của vũ trụ, mỗi lần một tươi mới, một thanh tẩy để tinh khôi. Như thế khi xong phận sự kiếp đời của mình, để tái tạo sự sống mới, để khai sinh một vòng tuần hoàn mới, ta có thể mỉm cười cảm ơn rồi thản nhiên chìm vào tịch tịch.

Sài Gòn, ngày 18/12/2023

Ý NGHĨA

Thường người ta chỉ nhìn xung quanh mà ít khi nhìn lại bản thân mình. Vì con mắt là để phóng chiếu ra bên ngoài, hướng về phía trước. Thế nhưng ánh sáng của đôi mắt lại tùy thuộc vào cái cốt lõi bên trong, gần như là vô hình. Chính hàm lượng trí tuệ, suy nghĩ sắc bén và tầm nhìn quyết định thứ chúng ta nhìn thấy và phán xét. Cho nên nhiều khi rất ngược ngạo rằng người ngu ngốc luôn nhìn và chắc chắn về mọi thứ còn người thông minh và hiểu biết lại hay nghi ngờ mọi sự. Có thể vì thế mà người trí tuệ lại thường hay bị quan trong khi kẻ khờ lại có thể đêm đêm ngon giấc? Có lẽ phúc phận của kẻ khờ là như vậy. Nhưng trong một thời đại mà tất cả giá trị đảo ngược như thế này, kẻ thông minh nhìn đâu cũng thấy điều tăm tối để dẫn đến tuyệt vọng cùng đường. Hẳn cần phải nhìn ngược lại để thấy mình chính là ánh sáng, để có một thứ tin yêu, để đêm đêm ngon giấc kiểu kẻ khờ. Cũng như thế khi mọi niềm hy vọng tiêu tan vì thấy cuộc đời mất hết đi ý nghĩa, những thứ ta từng nương tựa và tin tưởng đều đổi thay và mất mát thì chính bản thân mình sẽ là ý nghĩa cho cuộc đời mình, chính mình phải đặt nền tảng căn để cho cuộc sống riêng của mình. Đó có lẽ là con đường duy nhất để tiếp tục sống và hy vọng trong âm thầm soi sáng.

Sài Gòn, ngày 2/7/2024

CHỨNG CỨ

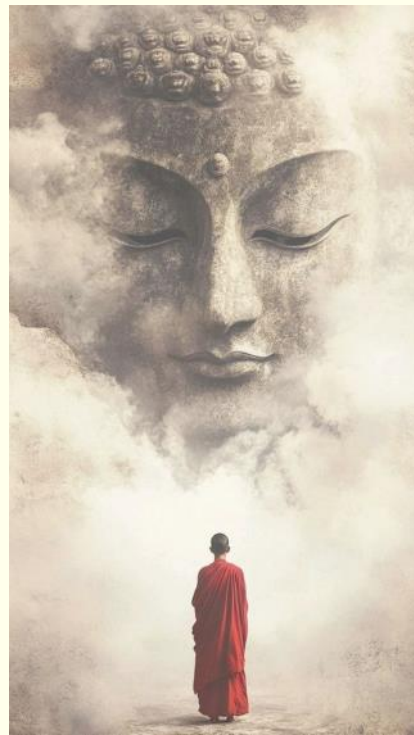
Một cách từ từ và chậm chạp, anh trở mình thức dậy. Những cơn đau vẫn chưa dứt hẳn mà mỗi lần nhớ lại anh đều cảm thấy rùng mình. Nhưng thời gian vẫn không ngừng trôi và trôi đi rất nhanh. Cuộc đời đâu còn nhiều ngày nắng đẹp nữa. Anh phải chắt chiu tất cả từ sức khỏe, cơ hội đến thời gian. Nếu cứ nằm yên mọi chuyện đều sẽ qua nhưng sẽ không còn gì đáng để nhắc lại những tháng năm này nữa. Ngày cả sự trở mình cũng để lại vết dấu nhân sinh. Tất cả những hành động và suy tư của anh đều in dấu trong tác phẩm, ghi nhớ lại từng bước chân đi thưở vào đời cho đến tận bây giờ tóc đã bạc màu tuổi tác, lưng đã đau mỗi vết kinh nghiệm ngày qua. Đó đều là chứng cứ của cuộc đời anh cho hậu thế. Những tháng năm dài đặc phía trước cũng có thể sẽ cho anh thêm vài cơ hội lưu dấu cho mình. Cơ trở mình khó nhọc là khởi đầu cho một chuỗi ngày cách mạng của riêng anh. Đầu tiên anh gắng gượng ngồi dậy, sắp xếp lại ký ức của con người cũ cho đến ngày hôm qua, cảm tạ chính mình vì tất cả. Sau đó anh bắt đầu suy nghĩ và lên kế hoạch cho ngày mai với tất cả những

gì mình còn lại, với chỗ đứng ngày hôm nay. Bước chân của anh đã chậm nhưng anh không dừng lại. Và chẳng anh đâu cần tranh đua với ai khác ngoài cố gắng hơn chính bản thân mình ngày hôm qua? Mỗi ngày luôn là một ngày mới nên anh không bao giờ muốn viết đi viết lại một điều đã cũ. Cho dù thời đại đã đổi thay, thời tiết cũng bất ổn và khó đoán, bất trắc như lòng người, anh vẫn lê từng bước chậm chạp vào tương lai, đón chào ngày mới. Có thể nỗ lực của anh sẽ chẳng gặt hái được gì nhiều nhưng ngay cả việc dừng cảm bước đi trong gió chiều giữa một đám đông điên loạn để tiếp tục con đường của mình cũng là một tư thế đẹp mà anh theo đuổi từ ngày còn trẻ tuổi. Trước tiên nó sẽ thêm vào một chứng cứ nhỏ ghi dấu cuộc đời của anh. Và có thể tư thế đó sẽ là niềm an ủi chung cuộc, khiến anh có thể mãi nguyện mỉm cười khi đến lúc anh không còn có thể trở mình được nữa. Cái khoảnh khắc sức tàn lực kiệt đó chắc hẳn là giây phút mãn nguyện và hạnh phúc nhất cuộc đời anh, điểm thêm một nụ cười cuối cùng vào hành trang cuộc sống, kết lại một đường bay của một nhà văn luôn cố gắng hết sức bình sinh để giữ lại cho mình một tâm hồn trong trẻo, một trái tim tận hiến giữa một cuộc đời toàn giả trá và ảo ảnh để cuối cùng cô độc với tàn phai.

Sài Gòn, ngày 7/8/2024

KHÁCH SẠN

Tôi nhận phòng theo thứ tự ngẫu nhiên. Mang theo một chiếc va ly hành lý, tôi tìm kiếm thứ tự số phòng của mình. Khách sạn lớn rộng mênh mông như thế giới. Có đủ màu da, chủng tộc, đẳng cấp với nhiều dịch vụ khác nhau. Tôi chỉ khách lưu trú nơi phòng hạng trung bình nhưng được cái phòng có cửa sổ nhìn ra khu vườn nhiệt đới. Có người ở tầng cao phía bắc nhìn ra núi tuyết băng vây phủ, có kẻ ở phía Tây nhìn ra thấy cả đại dương sông hồ. Đó là tôi chỉ nghe người trong khu vực phòng ốc của tôi nói vậy chứ chưa đến được đó xem bao giờ. Sau khi vào phòng, sắp xếp hành lý vào tủ quần áo và xem thử điện nước, an ninh xung quanh, từ bây giờ tôi phải hoàn toàn tự thân vận động. Ngoài những dịch vụ thiết yếu thì đây chẳng có sẵn thứ gì và cũng chẳng có cái gì cho không cả. Tôi bắt đầu học hỏi xung quanh, tìm hiểu tất cả những thứ gì có thể biết được trong phạm vi của mình và kiếm việc làm để có tiền mua bánh mì và thức ăn. Về lâu dài cũng phải nên sắm sửa một cái tủ lạnh và máy giặt nữa. Tôi cứ thể chăm chỉ làm việc cố gắng sống qua ngày, đêm đến quay về phòng ngắm trời sao khuya và giấc ngủ ngon là niềm vui thú, ân sủng gần như duy nhất cho người lữ khách. Sau gần mấy mươi năm tích góp dành dụm, tôi già đi nhưng lại có chút tài sản để có thể lang thang đi cà phê nơi này nọ kia trong khu vực, đôi lúc còn thuê xe tìm đến chỗ góc xa kia xem người ở đó sinh sống, vui thú ra sao. Tôi cũng sắm được tủ lạnh để ướp bia tối nhâm nhi nữa. Thời gian lưu trú tối đa nơi này là một trăm năm. Tôi cố gắng để sống vui thỏa hết cỡ trong phạm vi hạn hẹp của mình. Tất nhiên khi gần bó quá lâu, tôi cảm thấy căn phòng lưu trú của mình như là quê nhà vậy. Chắc là ai cũng như thế mà thôi. Nhưng rồi sẽ có những vị khách khác tìm đến, chúng ta bắt buộc phải trả phòng để khách sạn luôn



TRƯỚC PHẬT ĐÀI

*Đài cao Phật hiện ngát trầm hương
Bát nhã rền vang tinh mộng trường
Tiếng mõ ngân âm tan khó nẻo
Hồi chuông vọng tiếng dứt sâu vương*

*An nhiên tự tại qua dâu bể
Trí tuệ, Từ bi đẹp diệu thường
Mãi với thiên thu đường đạo sáng
Soi cùng tuế nguyệt một vàng dương.*

thơ **TRẦN TOẢN**

luân chuyển nguồn lữ khách mới và những cống hiến mới. Mãi sau này tôi mới biết khách sạn này thực ra là một hành tinh nhỏ bé xoay xung quanh dải ngân hà cũng nhỏ xíu trong vũ trụ bao la. Nhưng sau khi hết thời gian lưu trú, tôi sẽ lại lang thang đâu đó và hy vọng có thể tìm gặp một ai hiểu mình để kể chuyện về chuyến lữ hành dài đặc, khi có lần đã ghé chơi một khách sạn mang tên địa cầu suốt một trăm năm.

Sài Gòn, ngày 16/8/2024

ĐUI MẮT

Gia đình kia có anh chồng
Cưới hai người vợ sống chung bình thường
Ba người nằm ngủ cùng giường
Nhưng chàng cảm thấy trăm đường khó thay
Muốn gần gũi vợ bên này
Chị kia ghen tức ra tay tức thì,
Muốn gần gũi vợ bên kia
Chị này nổi giận ghen thì ghê hơn
Anh chồng khổ não tâm can
Rồi sau quyết định mỗi lần nằm đây
Mỗi bên một vợ là hay
Chàng nằm ở giữa, không xoay bên nào.
Một hôm mưa gió ào ào
Nước trên mái dột chảy vào phía trong
Cuốn theo bụi đất xuống giường
Xuống ngay chỗ giữa chồng đương mơ màng
Lọt vào hai mắt của chàng
Nhưng chàng cương quyết không màng đổi thay

Nằm yên hứng chịu nước này
Hai bên phải trái chẳng xoay bên nào
Lại mong hai vợ giúp vào
Hai nàng che chở xiết bao an lành
Cuối cùng bất hạnh tới nhanh
Anh chồng hai mắt đều thành hư luôn.

*

*Ở đời lắm kẻ không khôn
Giao du bè bạn chẳng còn nghĩ suy
Thói hư tật xấu kể gì
Theo đòi bắt chước những khi cận kề
Dần dần tạo nghiệp thâm thâm
Theo “ba đường ác” có hề biết đâu
Xoay vòng sinh tử dài lâu
Khó mà thoát khỏi trước sau đọa đày.
Bạn tà thân cận tháng ngày
Thời con mắt tuệ mắt ngay còn gì.*

TÂM MINH NGŨ TẦNG GIAO

(Thi hóa phỏng theo Kinh Bách Dụ)



THE MAN WHO TURNED BLIND

Once upon a time, there was a man who had two wives. Whenever he was with one of them, the other got very angry. Faced with such a dilemma, he decided one night to lie flat on the back between the two. It happened that it was raining so heavily that their house began to have a leak. Water and mud fell into his eyes, but he dared not get up and run away, due to the decision he had taken before.

Finally he became completely blind.

This is also held to be true with the common people of the world.

By keeping bad company and doing unlawful deeds, people create Karmas and fall into the Three Evil Paths of Transmigration. Not only will they remain in the round of existences forever, but also lose their eyes of wisdom, just like the stupid man who turned blind.

(Trích dẫn trong “SAKYAMUNI’S ONE HUNDRED FABLES”

do TETCHENG LIAO dịch)

Truyện cực ngắn

STEVEN N.

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT



KẾ CHÂU GIẢI THÂM

Ngài người họ Nguyễn, sinh ra và lớn lên ở đất Đờ Bàn xưa. Năm 14 tuổi xuất gia với lão quốc sư Phước Huệ ở chùa Thập tháp Di Đà. Ngài vốn thông minh và lanh lẹ nên từ nhỏ đã học võ thuật, y thuật, kinh sách Nho gia như Tứ thư, ngũ kinh đều tinh thông. Đặc biệt nhất là ngón nghề thư pháp vi diệu, ngài có thể viết các kiểu chữ: Chân, triện, thảo, lệ đẹp không thua gì các cao thủ thư pháp Trung Hoa xưa.

Suốt cuộc đời hành hoạt, ngoài việc tự độ còn ra sức độ tha. Xây dựng chùa Bảo Châu, Bảo Hoa, Bảo Lâm, Bảo Quang, Bảo Giác, Thừa Ân, Viên Thông... trùng tu chùa Thập Tháp, trùng tu khu tháp mộ tổ. Ngài làm đàn đầu hòa thượng trong các đại

giới đàn, luôn luôn quan tâm đến giáo dục và đào tạo tăng sinh kế thừa. Không chỉ là một vị tăng xuất chúng mà ngài còn là một nhà văn, nhà thơ, nhà thư pháp, giám đốc Phật học viện... Những tác phẩm tiêu biểu như: Long Bích thi tập, Bách Thành Yên Thủy (dịch và trước tác), Kim Cang Trực Sở (dịch), Di Đà Giảng Thoại (dịch)... Trải qua nhiều thời kỳ lịch sử nhiều nhương, ở vào những vị trí khác nhau nhưng ngài giữ vững được khí tiết và phẩm chất của một trưởng tử Như Lai. Trước khi tịch ngài đã để lại bài kệ:
*"Pháp tánh bốn lai tịch
Điều dụng thi kiến công
Ngã kim phú pháp nhữ
Pháp pháp tự tánh trung."*

HT. THÍCH KẾ CHÂU
(1922-1996)

Hậu sinh có kẻ vốn ngu tử tử phương xa đem lòng cạm phục và tôn kính mà viết:

KẾ CHÂU BÍNH ĐỊNH TÍNH ĐIỀU THỦ THƯ PHÁP NGOẠI ĐIỂN XUẤT CHỨNG TRÙNG TU TỔ THÁP

GIẢI THÂM LÂM TẾ TÔNG CHỢN KHẨU KỆ KINH NỘI ĐIỂN TINH THÔNG TÁI THIẾT TÔNG LÂM.

MẠNG XÃ HỘI

Sân chùa ngày tết đông vui, mọi người tí tí nói cười chúc xuân. Ai ai cũng hớn hờ và hoan hỷ. Một nhóm bạn ngồi nơi hội trường trò chuyện rôm rả. Có người than phiền:

- Thời buổi này không còn ai đọc sách báo, mọi người dán mắt vào điện thoại thông minh mà quên quên lướt mạng xã hội.

Một người khác cả cười chua chát:

- Ngay cả kinh kệ cũng chẳng xem qua, mọi người chỉ thích hòa theo làn sóng thị phi trên mạng xã hội mà khen chê và nói xàm!

Thầy nghe được cười:

- Thời thế thế thế thời phải thế! Vô thường là thế, thay đổi trong từng phút giây. Giờ cũng có thể dùng mạng xã hội để truyền bá Phật pháp, đành rằng có đại nhiều nhưng cứ tận lực gieo hạt giống thiện lành. Người ta không đọc sách báo hay kinh kệ bằng giấy nhưng cũng có thể đọc chút chút trên mạng ảo cũng tốt. Mình "lập chùa" trên mạng cũng có thể hoằng dương Phật pháp được kia mà!

Nói xong thầy còn chốt lại:

**MẠNG XÃ HỘI TOÀN THỊ PHİ NHİỀU NHẢM NHỊ
TỊNH ĐẠO TRẢNG TRỌN CHÂN LÝ LẮM HAY HO.**

TÂM XUÂN

Trời phương ngoại còn lạnh giá mùa đông, ấy vậy mà nơi cố quận chúa xuân đang la đà khắp mọi miền. Hồng đào, hoàng mai và trăm hoa búng lên như gấm hoa. Sắc xuân rực rỡ, hương xuân ngào ngạt, vị xuân ngon ngọt, thanh xuân rộn ràng... Trẻ, già, trai, gái đều vui vẻ thưởng xuân, chơi xuân, đón xuân, mừng xuân...

Vợ chồng Đậu ở ngoài cũng đã 30 mươi năm mà chưa ăn Tết quê lần nào, chẳng phải vì quốc gia đại sự mà chỉ vì hai vợ chồng tâm khẩu bất đồng, chẳng có sự đồng thuận. Đậu thì vốn xiu xiu ẻnh ẻnh, vợ Đậu lại là kẻ nắm tay hòm chìa khóa và có máu ghen. Bởi vậy mà ngày tháng cứ lần lữa trôi qua mà chẳng biết khi nào mới dzia ăn Tết Dziel Nam. Đậu nhiều lần thuyết phục:

- Dzia bên ăn Tết nha em.

Vợ Đậu luôn bác:

- Bày đặt nhiều chuyện, ở đây có thiếu món gì? dzia bên tốn kém!

Trong ngày xuân, Đậu buồn tình ngâm lục bát mà âm Hán Dziel mới ghé:

*"Phong xuân xuy quá sỡn hà
Hương xuân mãn địa kiến tòa Như Lai
Tinh xuân vô khả khiết mài
Tâm xuân hoan hỷ khinh tài trọng nhân."*

CHA NÀO CON NẤY

Mồ và đám bạn làm chung bấy lâu nay, tâm tánh, sở thích, thói quen đều biết rõ nhau, ngày ngày đùa giỡn, chơi khăm, chọc ghẹo dần trời. Có lần thằng Mauricio hỏi:

- Mày từ đâu đến?

Mồ hiểu nó ngã mạn, ý nó ám chỉ quốc tịch Mẻo chỉ là trên giấy tờ, nó ngầm nói mình không phải là Mẻo. Mồ đồng dục:

- Tao người Mẻo gốc Mít.

Nghe vậy thằng Mauricio khịa:

- Tao thấy truyền thông bảo tụi dân Mít của mày cường lão già dụ côn gian trá kia cao nhất so với các sắc dân châu Á khác. Tại sao tụi bay lại phò kẻ kỳ thị tụi bay?

Mồ nghẹn, hiểu được chết liền! Mồ bèn dùng câu ngạn ngữ: "Ngư tầm ngư mã tầm mã" để giải thích cho nó. Thằng Mauricio tỏ vẻ hiểu, nó lại dùng câu ngạn ngữ tiếng Anh kết luận:

- Like father like son.

LƯƠNG

Sau Tết, hai thằng bạn thân gặp nhau, lại bày cuộc chơi mới. Thằng Tèo ngôn:

- Tháng giêng là tháng ăn chơi/tháng hai cờ bạc tháng ba rượu chè. Ông bà ta nói vậy nên ta cứ chơi thả giàn.

Hai đứa tha hồ sáng cà phê, chiều nhậu, chập tối karaoke, đêm khuya quẩy vũ trường... Một bữa nọ thằng Tí khịa:

- Năm rồi mày làm ăn ra sao?

- Ăn không chứ làm được gì đâu mày!

- Tiền đâu mà ăn?

- Hội móc họng há mày? Mày không biết thật hả? Chỗ thân tình tao nói thiệt hén, nhờ ký tá nhì nhằng mà tiền ăn không hết.

- Trời, nước non quốc sự mà mày ký bậy bạ ăn tiền, lương tâm mày để đâu?

- Lương tâm sao bằng lương tháng há mày? Nói thì nói vậy chứ lương tháng ba đồng ba cọc có mà húp cám heo, chủ yếu sống bằng lương lậu thôi mày ơi!

- Thảo nào thời buổi này lương thực, lương khô không thiếu. Viên chức ai cũng lươn leo hết ráo nên tư lương người nào cũng đầy ắp bạc tiền.

CÒN TÙY

Đại sảnh rất lộng lẫy sang trọng, mọi người ăn mặc trang phục diêm dúa mắc tiền, cử chỉ và ngôn hành đầy khách sáo và màu mè. Chợt có người khách lạ ăn mặc bèo nhèo đi vào, mùi thức ăn dầu mỡ chiên xào và hành tỏi tỏa ra nồng nặc. Khách ở sảnh đường nhăn mặt khó chịu, nhiều ánh mắt khinh khi, trề môi dè bỉu. Một người xem chừng có vai vế bước ra chặn kẻ ấy lại:

- Này anh kia, đến nơi tiếp tân sang trọng mà mang theo cái mùi thô lậu ấy không thấy xấu hổ à?

Người khách lạ đáp:

- Đây là thô lậu? Thế nào là sang? Mùi thô lậu ấy ai cũng tranh bỏ vào mồm, thiếu mùi thô lậu ấy mới chết chứ thiếu cái sang như chỗ này chẳng sao cả!

- Đành rằng là vậy nhưng phải tùy nơi.

- Ông thử nghĩ xem những vị khách sang trọng kia bộ cánh bên ngoài là vậy nhưng trong bụng



ĐẤT TRỜI NGOẠI PHƯƠNG

*Dấu giày in tuyết đêm qua
Dặm dài em đến vườn ta tự tình
Nào nùng nhan sắc đẹp xinh
Chấp vào tương
những vô minh
thế này!*

*Phải rằng tri kỷ xưa nay
Không cùng cảnh giới vẫn say đắm lòng
Vô hình đầu dựng mà mong
Dáng gầy vóc cũ còn trong tim hoài*

*Trên nền tuyết trắng trắng trôi
Em bàng bạc
giữa đất trời ngoại phương
Tôi mê
mơ giữa đêm trường
Nửa đời đã quá
vô thường
để sao.*

*Một mùa tuyết mới nao nao
Cùng trong quốc độ khởi trào niệm tâm
Khác loài dị loại khôn làm
Chút tình lưu luyến vẫn thắm thế thôi!*

thơ

THANH NGUYỄN

Át Lăng thành, 0125

chứa toàn thô lậu, thậm chí mùi còn kinh khủng hơn cái mùi thô lậu mà tôi mang theo đây!

- Vậy thì tùy anh, người ta xem trọng hay xem khinh tùy thuộc ở anh chứ không phải ở bọn họ.

Mồ nghe vậy bèn bỏ đi nơi khác, không biết hai người kia còn khịa đến bao giờ mới hết lý.

Steven N
Georgia, 0225

CHIA SẺ PHẬT PHÁP: TẠO PHƯỚC BẰNG TÂM LÒNG và HỌC ĐỨC KHIÊM TỐN

Tâm Lương – Đào Mạnh Xuân

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Bài # 1: Tùy Hỷ Công Đức:

Xin mời quý vị đọc những đoạn thơ bên dưới và cùng chúng tôi cố gắng thực tập:

(1): Đã từ lâu, tôi cố tìm học Phật Pháp.
Nay muốn đem ít điều hiểu biết lan truyền.
Mong quý vị khi đọc TÂM thật an yên.
Tin LỜI PHẬT, thực hiện, PHƯỚC
điền tăng thêm.

(2): Ai chưa từng nghe bài về Phật pháp.
Hãy cố nghe để thu thập điều hay.
Đem ứng dụng vào cuộc sống hàng ngày.
Nếu thấy lợi ích, từ nay thực hành.

(3): Tùy Hỷ Công Đức: pháp TU cần nhớ đời.
Trong Phổ Hiền Hạnh Nguyện cố không ngại hành trì.
Chữ tăng không muốn mọi người nói thị phi.
Giảng giải hạnh ấy để thực thi phước nhiều.

(4): Hạnh Tùy Hỷ Công Đức là gì?
Thấy kẻ làm lành chẳng thị phi.
Cùng góp một tay, lòng phấn khởi.
Hai đàng Phước báo hưởng bằng y.

(5): Thấy ai làm lành, lòng mừng vui tán thán.
Được hưởng công đức bằng người bạn đang làm.
Người đời thường Ganh tỵ, Bài bác, Can ngăn...
Nên kẻ LÒNG RỘNG hưởng Phước bằng người kia.

(6): Tạo Phước nhanh, học hạnh Tùy Hỷ Công Đức.
Ai hành Thiện, hăng hái góp sức cùng làm.
Lan tỏa Phật Pháp, đặc biệt càng quan tâm.
Nếu phổ biến, Phước tạo vô vàn, đời vui.

(7): Nếu tin Phước ảnh hưởng lớn trong cuộc đời.
Tự nhiên gặp điều Thiện tức thời làm ngay.
Lại tin hành Tùy Hỷ Công Đức tuyệt hay.
Rất nhiều Phước báo tạo hàng ngày chẳng sai.



(8): Nếu bài Chia Sẻ Phật Pháp lợi cho ta.
Hãy chuyển đến những bạn gần xa thực hành.
Họ được lợi, mình thêm Phước rõ rành rành.
Hạnh Tùy Hỷ Công Đức, chớ đành bỏ qua.

(9): Kẻ hay GANH TỶ thường nói lời Tà Kiến.
Người làm TỐT, cố tình ngụ biện bảo sai.
Dùng lời nặng đìm họ xuống, đáng buồn thay!
Tùy Hỷ Công Đức nhớ làm ngay: Phước nhiều!

(10): Có người thường gặp xui xẻo trong cuộc đời.
Bởi thiếu Phước, chớ kêu trách trời làm chi,
Phật dạy: Phước quyết định mọi việc, nhớ ghi.
Thường Tùy hỷ Công đức, xấu biến đi mây khói.

(11): Phật dạy: kém Phước làm gì cũng không thành.
Dù học cao, tài giỏi, thông minh mức nào.
Phước dẫn dắt mọi hành động: phải khắc sâu.
Nếu tin, cố tạo Phước hàng đầu, tốt ngay!

(12): Đừng nghĩ mình giàu rồi không cần tạo Phước.
Việc Chia Sẻ Phật pháp từ khước không làm.
Hưởng giàu, ruộng Phước cạn dần, nhớ trong Tâm.
Luôn làm thiện, cuộc sống muôn phần an yên.

Để đạt được những điều trên, mong quý vị hãy cùng chúng tôi cố thực tập 4 câu thơ sau:
Ai hơn ta hẳn, chớ so bì,
Vì kém Phước người, ráng tạo đi,
Tích đức, tu nhân thường thực tập.
Ngày kia nghiệp đổi, có lo gì!

Và cuối cùng là lời kết của bài viết:
*Bổ thí Pháp đem lại rất nhiều lợi lạc.
Giúp người nghe thấy được tật xấu, sửa sai.*

*Người đủ duyên tìm hiểu Phật pháp hằng ngày.
Cố tu bớt khổ, tâm tràn đầy niềm vui.*

Rất mong quý vị hãy cùng chúng tôi mở rộng lòng thực tập để tạo Phước.
Nếu được vậy, chúng tôi xin đem công đức có được này hồi hướng tất cả pháp giới chúng sanh tương lai đồng sinh về Tịnh độ.

Xin kính mời quý vị đọc bài viết trích từ website của Đại Bảo Tháp Mandala Tây Thiên dưới đây:

10 PHÚC BÁU DÀNH CHO NGƯỜI HAY CHIA SẺ PHẬT PHÁP

Mỗi ngày chúng ta hãy tập chia sẻ Phật Pháp. Hãy tập chia sẻ đúng chính Pháp. Vì bố thí Pháp là thù thắng nhất, là cho người chiếc phao, là vạch con đường để hướng chung sinh đến với sự giải thoát, ngộ đạo. Nên công đức của người truyền trao thật chẳng thể nào nghĩ bàn!

Có 10 phúc báu cho một người mà thường hay chia sẻ Phật Pháp cho nhiều người biết là:

1. Khả năng về Phật Pháp của người ấy sẽ ngày càng giỏi, xuất sắc và uyên thâm hơn, trí tuệ, tâm linh sẽ ngày càng khai mở, tăng trưởng.

2. Đạo đức, lòng Thánh thiện, tâm từ bi của người ấy càng ngày càng rộng lớn.

3. Nếu tu chưa đắc giải thoát thì sinh ra kiếp nào cũng đều có duyên gặp được Phật Pháp khi còn rất trẻ để tiếp tục tu hành.

4. Đi đâu, làm gì, ở đâu, lúc nào cũng có các Vị Thiện Thần, Chư Thiên theo bảo vệ, giúp đỡ.

5. Đi nơi đâu, sống trong môi trường nào cũng đều gặp người tốt giúp đỡ, thương yêu quý mến, thường gặp được Thiện Tri Thức hướng dẫn.

6. Nếu giáo Pháp Phật chia sẻ mà đúng chính pháp, đúng nhân quả, đúng đạo lý thì người này được cái phúc là khó gặp tà đạo, tà Sư. Mà luôn gặp chính pháp Phật để tu tập, tiến đạo.

7. Trong vị lai, người ấy sẽ có đủ phúc duyên để trở thành một Vị giảng Sư giỏi, thuyết pháp hay và được nhiều người mến mộ, kính trọng.

8. Tài sản, vật chất, cái ăn, đồ mặc luôn được đầy đủ mà không bị thiếu thốn.

9. Tâm hồn luôn được an lạc, bình yên, hạnh phúc nhẹ nhàng, khuôn mặt từ ái, phúc hậu, điềm nhiên.

10. Vào một kiếp nào đó, chắc chắn sẽ tu đắc đạo, an trụ niết bàn.

GIÀN THIÊN LÝ HIÊN XUÂN

*Hình như trong nắng sớm
Mùa xuân đang hoan ca
Nụ tâm xuân thức giấc
Giàn thiên lý hiên nhà*

*Trời xanh và mây trắng
Bát ngát tình bao la
Dòng sông trôi xa tấp
Reo vui những chuyến phà*

*Dịu dàng hương cỏ mật
Giếng Hai tình long lanh
Tay người không hái lộc
Thương cây nổi xa cành*

*Bầy chim câu rộn rã
Trò chuyện dưới vòm xuân
Bài thơ bên ô cửa
Thăm nhớ đến người dừng...*



HƯƠNG LÚA GIÈNG HAI

*Cánh đồng trải nắng hong phơi
Phất phơ gió mỏng hát lời thanh tân
Rụng giêng xuân vẫn còn xuân
Hội đình ngập ghé bước gần bước xa*

*Trăng xuân nửa mảnh dáng ngà
Chưa thu chủ cuội cây đa nhọc lòng
Quên lời hò hẹn vàm sông
Bướm vàng chấp chới buồn không hời người*

*Phù sa bồi lở đầy vơi
Dòng sông quê mẹ đời đời bao dung
Ngâng nhìn mưa nắng lao lung
Trăng sao mây gió chung cùng trời quê*

*Ra đi chỉ để trở về
Bước chân rộn rã triền đê hoa cài
Gió chiều vờn tóc ai bay
Chợt nghe hương lúa giêng hai dậy thì...*

thơ **TỊNH BÌNH**

Hải Ấn Ni Tự Đất Đào Bang

TIỂU LỤC THẦN PHONG

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Không biết vô tình hay hữu duyên mà tôi đến với ngôi ni tự này. Chuyện cách đây đã mười mấy năm về trước, trong một lần lái xe lang thang vì buồn bực tôi ghé vào ngôi nhà nhỏ nhỏ có treo cờ Phật giáo và biển hiệu Hải Ấn. Tôi đi loang quanh rồi vào lễ Phật mà không hề có chủ ý, từ đó trong tôi bao nhiêu ký ức cũ tuôn trào và cảm xúc trôi dạt như sóng trùng dương.

Thuở nhỏ tôi vốn là Phật tử, thường theo ba đi chùa, tụng kinh, lễ Phật, ở nhà công khóa cũng đầy đủ. Ấy vậy mà giai đoạn từ lớp mười hai và đại học thì niềm thuyết vô thần nên sanh ra bài bác Phật giáo, chống đối Phật giáo, nói và làm nhiều điều sai trái, việc này khiến cho ba tôi đau lòng không ít. Tôi quay về lại ngôi nhà Phật giáo kể từ khi viếng thăm ngôi ni tự này.

Chùa Hải Ấn được thành lập bởi ni sư Huệ Nghiêm, ni sư vốn là đệ tử của sư bà Huyền Huệ. Ni sư xuất gia năm 22 tuổi, tại chùa Hải Ấn (Tân Bình - Sài Gòn), có thể nói đây là tổ đình, còn chùa Hải Ấn - Atlanta là nối pháp, truyền thừa.

Lúc ban đầu chùa chỉ là một ngôi nhà nhỏ, cũ kỹ. Ni sư đã bỏ công khai phá từ hai bàn tay không, khiêng từng viên đá, dỡ từng viên gạch, gánh từng thùng nước để tạo dựng nên hình dáng như hôm nay. Khoảng năm 2004 - 2005, ni sư mua thêm ngôi nhà kế bên nhờ thế mà diện tích lên đến 4.06 arce. Tính đến nay thì Hải Ấn cũng đã hơn hai mươi năm, công sức khai sơn phá thạch của ni sư thật khó mà nói hết trong một bài báo. Hải Ấn - Atlanta cũng như Hải Ấn tổ đình đều trải qua cả một quá trình gian khó để xây dựng nên. Dự tính xây dựng chánh điện kéo dài suốt nhiều năm, thăng trầm qua những thử thách bởi thời cuộc, kinh phí, nhân tâm... Tôi nhớ lần đầu tiên gây quỹ để xây dựng thì biển cơn bão Katrina ập đến. Ni sư quyết định hiến toàn bộ số tiền đã quyên góp ấy để ủng hộ những nạn nhân của cơn bão. Sau đó cũng có nhiều lần gây quỹ nữa nhưng số tiền cũng không đáp ứng nổi sự leo thang của vật giá, một phần cũng vì đồng hương Phật tử đa phần nghèo... Công việc cứ trì trệ, cứ giạt gấu vá vai. Mãi đến năm 2019 mới bắt đầu tiến hành xây dựng. Cũng trong năm này, ni sư đã cho bồi hơn 1000 xe đất để làm móng, riêng phần móng đã tốn đến 600,000 Mỹ kim. Từ đó đến nay công việc vẫn tiếp tục, tất cả vẫn phụ thuộc vào kinh phí, có đến đâu làm đến đấy. Hiện nay công trình xây dựng chánh điện chùa Hải Ấn - Atlanta đã hoàn tất phần xây dựng cơ bản và trang trí nội thất... Công việc vẫn còn nặng nề và nhiều ngổn ngang, chùa Hải Ấn - Atlanta cần lắm những nhà hảo tâm, những mạnh thường quân, những đồng hương Phật tử phát tâm hỗ trợ, cúng dường...

Có thể nói Hải Ấn là một trong hai ngôi chùa ni đầu tiên ở đào bang (Atlanta - Georgia). Ni sư

Huệ Nghiêm đã về đây khai sơn lập tự, trong quá trình hoằng pháp vừa xây chùa, dựng tượng, đúc chuông... Ni sư còn bảo lãnh cho nhiều lớp ni cô đến Mỹ. Những sư cô trẻ như: Thanh Thiện, Nguyễn Giác, Trung Khánh, Trung Hỷ... Trong số sư cô ấy cũng đã có người theo nhân duyên lại tiếp tục đi đến những tiểu bang khác.

Chùa Hải Ấn thuộc địa phận Lake City, một thị trấn khá đông đồng hương Việt Nam. Chùa Hải Ấn cũng như người Việt ở đây nhận được sự ủng hộ tích cực của các vị thị trưởng Lake City, Morow... Ngôi chùa hiện tại vốn là ngôi nhà nhỏ, cũ kỹ nhưng có vị thế khá đẹp, nằm trên con dốc cao ráo, trước mặt và một bên là trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông... vào mùa xuân hoa đào nở hồng cả một khoảng trời, trong khuôn viên đầy hoa. Hương hoa như thể dâng cúng dường những pho tượng lộ thiên: Tượng Bồ Tát, Tượng Quán Thế Âm, tượng Phật Di Lặc... Hải Ấn không chỉ hoằng pháp mà còn giúp duy trì văn hóa, ngôn ngữ Việt ở xứ người. Lớp Việt ngữ chùa Hải Ấn tồn tại mười mấy năm nay, nhiều lớp trẻ theo học tiếng Việt nay đã trưởng thành, nhiều em đã tốt nghiệp đại học và đã đi vào đời. Ni sư luôn quan tâm và tạo điều kiện tốt để cho lớp Việt ngữ hoạt động suốt thời gian qua. Những lớp giáo viên ban đầu như: Thầy Thanh, thầy Vương, cô Thảo, cô Loan, thầy Đạt, thầy Minh, thầy Phúc... lần lượt đến rồi đi. Duy chỉ có cô Mai Dương thì trụ vững từ ngày đầu tiên cho đến tận hôm nay.

Chùa Hải Ấn còn có một nhóm Phật tử đứng ra thành lập nhóm từ thiện Trái Tim Việt (Vietheart), ban đầu vốn mang tên Tình Thương Hải Ấn nhưng vì vài lý do chi đó mới đổi sang tên Trái Tim Việt.





Năm 2024, chính quyền tiểu bang Georgia đã chính thức công nhận và cấp giấy phép nonprofit cho nhóm Trái Tim Việt. Nhóm Trái Tim Việt tồn tại và phát triển được như hôm nay là nhờ công sức của Phật tử Mai Dương. Mai Dương là trưởng nhóm, là thủ quỹ, là nhà bảo trợ, nhà vận động... Mai Dương là linh hồn của nhóm Trái Tim Việt, không có Mai Dương thì nhóm cũng không thể tồn tại. Ban đầu quỹ chỉ là tiền góp hàng tháng của nhóm Phật tử ở chùa, số tiền này không bao nhiêu. Sau đó Mai Dương đã kêu gọi bạn bè của Mai là những bạn trẻ ăn nên làm ra, những thương gia nghiệp chủ, những người thành đạt trong xã hội... Nhờ thế mà quỹ càng ngày càng phát triển và Trái Tim Việt có chỗ đứng như hôm nay. Năm 2024 nhóm đã gửi về Việt Nam hơn 100,000 Mỹ kim để giúp đỡ đồng bào: hỗ trợ đói nghèo, giúp học bổng cho học sinh, xây dựng nhà tình thương, đào giếng, cung cấp thức ăn ở bệnh viện, giúp trẻ em bị ung thư...

Hơn hai mươi năm qua, Hải Ấn ni tự đắm thắm trong nắng sớm chiều sương, lá cờ và những dây cờ năm màu luôn phất phới bay trong gió, tiếng chuông chùa vang vọng cả một vùng. Những hoạt



động mừng Phật đản, Vu Lan, Tết Nguyên Đán, Tết Trung Thu... đã quy tụ mọi người về đây, dường như giờ đã trở thành nếp sinh hoạt không thể thiếu của đồng hương Phật tử quanh vùng. Hơn hai mươi năm đã trôi qua, ngôi ni tự đang dần hình thành và phát triển, mặc dù phía trước còn lắm khó khăn phải vượt qua. Nhất định một ngày không xa ngôi chánh điện sẽ rạng rỡ trên vùng đất mệnh danh là xứ hoa đào, trái đào (peach state). Hải Ấn ni tự sẽ là niềm vinh dự và tự hào của Phật tử Việt, đồng hương Việt ở Atlanta.

**HẢI LƯỢNG QUANG BIỂN CHIẾU NGOẠI
PHƯƠNG TÂN NI VIỆN
ÂN QUANG TUỆ HÀNH THÂM VIỄN XỨ TIỂU
HỌC ĐƯỜNG .**

Tiểu Lục Thần Phong
Át Lăng thành, 0225

Mọi cúng dường, ủng hộ xin gửi về địa chỉ:

HẢI ẤN
5375 Sanders Road
Lake City, Georgia 30260
Cell: (404) 366 0042
(Ni sư thế danh: Phạm Thị Thanh Loan)



Con về thăm Thầy, Thầy đã ra biển

KIỀU MỸ DUYÊN

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT



Kiều Mỹ Duyên trước bàn thờ của thầy Tuệ Sỹ ngày 8/12/2024, tại Thư Quán Hương Tích, địa chỉ 2/5 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận

- Thầy ơi, con về thăm thầy. Thầy ơi, con về thăm thầy!

Nơi tôi đến là một ngõ hẻm nhỏ, xe hơi không vào được, người tài xế phải đậu xe bên ngoài, tôi đi bộ vào ngõ hẻm. Đây là *Thư Quán Hương Tích, địa chỉ 2/5 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận*. Thầy Hạnh Viên mở cửa. Trước khi tôi về Việt Nam, thầy Quảng Ngộ cho tôi địa chỉ bảo tôi nơi đây là nơi thờ thầy Tuệ Sỹ. Tôi tưởng đây là ngôi chùa, không ngờ đây là nơi in sách Phật giáo, trong đó đa số là sách của thầy Tuệ Sỹ. Thầy Hạnh Viên yên lặng, thầy ít nói, tôi hỏi về thầy Tuệ Sỹ. Thầy Hạnh Viên lặng lẽ, không nói một lời, thầy tiếp chúng tôi một cách yên lặng. Thầy Hạnh Viên gầy giống thầy



Thầy Hạnh Viên luôn ở bên cạnh thầy Thích Tuệ Sỹ lúc thầy Tuệ Sỹ còn sinh thời

Tuệ Sỹ, nhìn 2 thầy như hai anh em ruột. Thầy Hạnh Viên gầy nhưng không sợ bạo quyền. Trong đám ma của thầy Quảng Độ, nhà cầm quyền không cho đề chữ Phật Giáo Thống Nhất trong biểu ngữ, thầy trả lời: "Đám ma xong, các ông bỏ tù tôi cũng được, bây giờ tôi để Phật Giáo Thống Nhất trên biểu ngữ".

Hình thầy Tuệ Sỹ trên tường, tươi cười như ngày nào chúng tôi cùng với phái đoàn YMCA, phái đoàn từ thiện quốc tế, trụ sở chính ở London, Anh Quốc, về thăm thầy năm 2005 ở chùa Già Lam, Gò Vấp. Thầy cười, im lặng nhiều hơn nói.

Một tuần trước khi thầy Tuệ Sỹ viên tịch, thầy nói với tôi:

- Bác sĩ nói bệnh ung thư của tôi đến gan rồi.

Giọng thầy bình thản, không lo sợ, đứng đưng như kể chuyện đời xưa cho học trò nghe.

Tôi thưa với thầy:

- Thầy ơi, con sẽ về thăm thầy.

Lúc đó, tôi không tin thầy sẽ qua đời. Thường thì bệnh ung thư cả năm mới mất, vậy mà với thầy Tuệ Sỹ, một tuần sau chúng tôi nghe thầy viên tịch.

Sau năm 1975, thầy Tuệ Sỹ và thầy Trí Siêu sau khi đọc bản tuyên ngôn quốc tế nhân quyền trước Quốc Hội thì bị bắt, bị án tử hình, sau được nhiều nguyên thủ quốc tế can thiệp, bản án tử hình thay bằng ở tù 20 năm, sau đó quốc tế can thiệp 15 năm sau được thả về. Thầy Tuệ Sỹ về chùa Già Lam không hộ khẩu, thầy Trí Siêu về thánh thất ở Bình Chánh.

Tôi về Việt Nam, nhất định phải thăm thầy Tuệ Sỹ, thăm thầy Nguyên Giác, ở chùa Già Lam, và thầy Trí Siêu. Tôi thăm nơi thờ phượng thầy Tuệ Sỹ trước, rồi đến thăm thầy Trí Siêu và thầy Nguyên Giác ở chùa Già Lam, Gò Vấp.

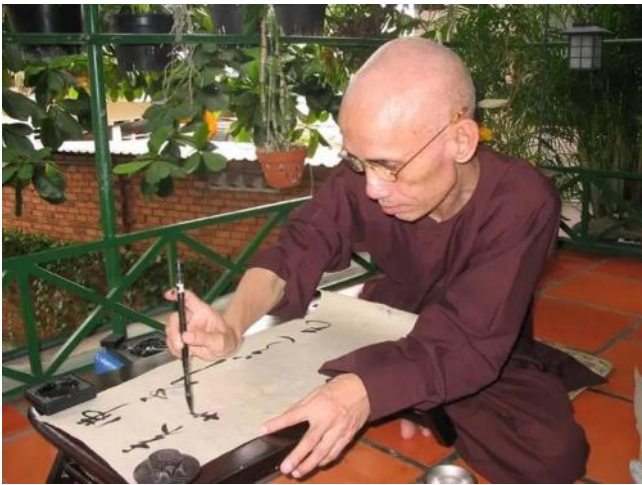


Bàn thờ của thầy Tuệ Sỹ tại Thư Quán Hương Tích, 2/5 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận

Thầy Hạnh Viên tặng nhiều sách cho tôi, đa số là sách của thầy Tuệ Sỹ. Đi đâu tôi cũng thích được tặng sách. Đến Quy Nhơn, các sơ tặng sách, lên Gia Lai, linh mục tặng sách, đến Kontum, Giám Mục Hùng tặng sách, về Kontum, linh mục Quyên, linh mục Phan Tự Cường- người viết sách về linh mục Trần Ngọc Thanh bị chặt cổ trong lúc đang rửa tội ở nhà thờ trong rừng núi Kontum- tặng sách, đến Thái Bình, Giám Mục Nguyễn Văn Đệ, tặng sách, đến Bình Dương, linh mục Phạm Ngọc Vân tặng, đến Vĩnh Long được Đức Ông Nguyễn Văn Phương tặng sách. Đi đâu tôi cũng được tặng sách, sách là tài sản của tôi. Sách của tôi, khi đọc xong, tôi sẽ tặng lại các thư viện Nixon và các thư viện khác của Mỹ.



Thầy Hạnh Viên, tại Thư Quán Hương Tích, quận Phú Nhuận (Hình Kiều Mỹ Duyên)



Thầy Thích Tuệ Sỹ đang viết thư pháp

- Thầy ơi, con về thăm thầy.

Thầy không lên tiếng, viên tịch xong hòa táng, tro rải ra biển. Phòng thầy Tuệ Sỹ rất nhỏ, dưới phòng của thầy Tuệ Sỹ là mồ mã của người vô danh, có lẽ là Phật tử hay tu sĩ trong chùa? Thầy tiếp phái đoàn YMCA một cách vui vẻ. Thầy thông thạo nhiều ngôn ngữ. Trong phái đoàn của chúng tôi có người nói tiếng Đức, tiếng Pháp, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Anh, ... Thầy đãi phái đoàn xôi và trái

cây tươi. Tôi lặng lẽ lắng nghe cuộc đàm thoại của thành viên trong phái đoàn với thầy Tuệ Sỹ một cách thích thú.

Mắt thầy sáng như sao trời. Thầy gầy, gầy hơn người bình thường. Thầy vui vẻ, lúc nào cũng tươi cười, thầy và khách đến thăm có sự cảm thông về nhiều vấn đề khác nhau, nhất là vấn đề giáo dục, thầy Tuệ Sỹ là khoa trưởng Phật học ở viện đại học Vạn Hạnh.

Khi chúng tôi đến, năm 2001, trước cổng chùa có một đại đội Công An canh cổng. Cô Hội là em ruột của thầy cùng ông xã ở Pháp thường về thăm thầy và nhiều lần mời thầy sang Pháp nhưng thầy từ chối. Quốc hội Hòa Lan do sự vận động của cộng đồng người Việt ở Hòa Lan mời thầy sang Hòa Lan để thuyết trình về sự vi phạm nhân quyền và không có Tự Do Tôn Giáo ở Việt Nam thì thầy từ chối, vì thầy biết đi rồi không được trở lại. Thầy nói với nhiều Phật tử: sống chết thầy cũng phải ở quê hương Việt Nam.

Lần nào về Việt Nam, tôi cũng để thì giờ đến thăm thầy Tuệ Sỹ. Năm 2001, lúc tôi đang làm đại bồi thẩm đoàn của tòa án Orange County, tôi nói với ông chủ tịch chánh án đoàn rằng tôi sẽ về Việt Nam. Ông chánh án nói:

- Phải liên lạc với tòa đại sứ Mỹ ở Hà Nội hoặc tòa tổng lãnh sự Mỹ ở Sài Gòn nếu có chuyện gì xảy ra.

May mà chuyến đi đầu tiên mọi sự tốt đẹp, rồi chuyến đi thứ nhì năm 2005, mọi sự cũng tốt đẹp. Thầy Tuệ Sỹ lúc nào cũng sống thông dong, tự tại, không lo lắng, không sợ hãi. Thầy đánh đàn dương cầm, làm thơ, thơ của thầy được nhiều nhạc sĩ phổ nhạc như nhạc sĩ Trần Quan Long, Trần Chí Phúc, Nam Hưng... Các bài hát được phổ từ thơ của thầy Tuệ Sỹ được phổ biến khắp nơi trên thế giới, được nhiều người ngưỡng mộ và thưởng thức.

Thầy ơi, con sẽ về thăm thầy, nhưng con chưa về thì thầy đã ra biển. Mới đây mà đã 1 năm, đám giỗ của thầy được tổ chức khắp nơi trên thế giới, không phải chỉ ở Việt Nam mà được tổ chức long trọng ở Hoa Kỳ, Đức, Úc Châu và khắp nơi trên thế giới có người Việt Nam cư ngụ.

**Tập thơ "Giấc Mơ Trường Sơn"-
thầy Tuệ Sỹ tặng Kiều Mỹ Duyên
tháng 7/2023 —>**

Xin trích một vài vần thơ trong tập thơ "Giấc mơ Trường Sơn" (1968 - 1974) của thầy Tuệ Sỹ nói lên nỗi lòng của tôi khi về thăm thầy nhìn cảnh cũ, nhưng người đã ra đi:

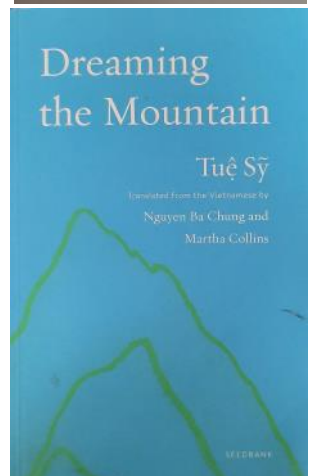
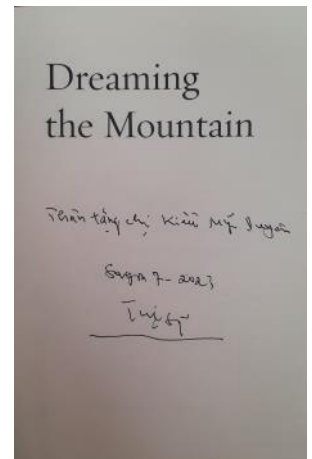
"Ngược xuôi nhớ nửa cung đàn

Ai đem quán trọ mà ngăn nẻo về."

"Mười năm sau anh sẽ về thăm phố cũ

Màu Trường sơn pha nắng rực trưa hè

Anh vẫn nhớ những con



đường bụi đỏ

Và tình yêu trong ánh mắt rã rời."

(Bài thơ "Anh sẽ về thăm phố cũ" - Rừng Vạn
Giã 77)

"Thời gian đi khắp khiêng

Để rụng phần rơi hồng

Tơ nằng dài tâm sự

Bồi hồi mộng vẫn không."

("Bồi hồi"- tập thơ "Giấc mơ Trường Sơn")

Và hình bóng thầy như vẫn đợi:

"Tôi vẫn đợi những đêm dài khắc khoải

Màu xanh xao trong tiếng khóc ven rừng

Trong bóng tối hận thù, tha thiết mãi

Một vị sao bên khóm miêng rưng rưng.

Tôi vẫn đợi những đêm đen lặng gió

Màu đen tuyền ánh mắt tự ngàn xưa

Nhìn hun hút cho dài thêm lịch sử

Dài con sông tràn máu lệ quê cha.

Tôi vẫn đợi suốt đời quên sóng vỗ

Quên những người xuôi ngược Thái Bình Dương

Người ở lại giữa lòng tay bạo chúa

Cong lau gãy trĩu nặng ánh tà dương

Rồi trước mắt ngục tù thân bé bỏng

Ngón tay nào gõ nhịp xuống tường rêu

Rồi nhắm mắt ta đi vào cõi mộng

Như sương mai, như ánh chớp, mây chiều."

(Bài thơ "Tôi vẫn đợi"- Sài Gòn 78)

Giờ đây, thầy như "cánh chim trời xa mãi giữa
lòng sâu":

"Một ước hẹn đã chôn vùi tang tóc

Cánh chim trời xa mãi giữa lòng sâu

Nghe một nỗi hao mòn trong thoáng chốc

Một mùa thu một vạn tiếng kêu gào

Khuya còn lạnh sương mù và gió lốc

Thở hơi dài cát bụi cuốn chiêm bao.

Bên cửa sổ bên kia đời sao mọc

Một lần đi là vĩnh viễn con tàu

Đi để nhớ những chiều pha tóc trắng

Mắt lưng chừng trông giọt máu phiêu lưu."

(Bài thơ "Cánh chim trời")

Cầu xin thầy yên nghỉ trong cõi Vĩnh Hằng,
chúng con nơi đây luôn nhớ đến thầy:

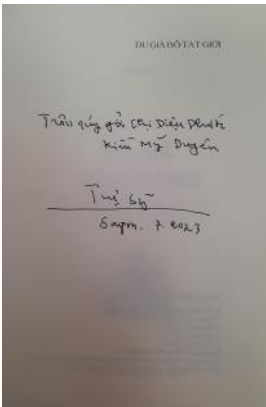
"Khói ơi bay thấp xuống đi

Cho ta nằm lại chút gì thanh xuân

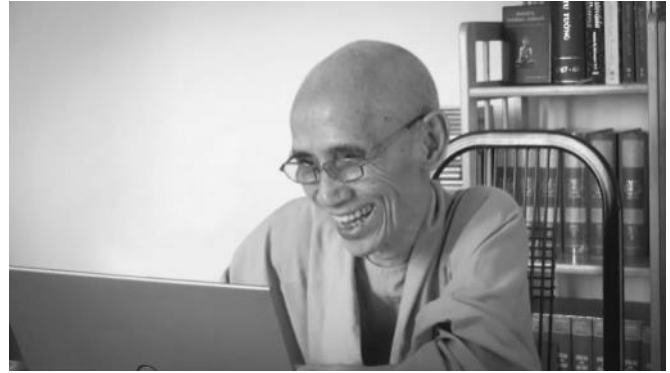
Ta đi trong cõi Vĩnh hằng

Nhớ tàn cây nhỏ mấy lần rụng hoa"

(Bài thơ "Tĩnh thất" 2000- 2001)



Sách "Du-Già Bồ- Tát Giới" - thầy Tuệ Sỹ tặng Kiêu
Mỹ Duyên tháng 7/2023



Thầy Thích Tuệ Sỹ luôn lạc quan

"Ngày và đêm, đày đọa hình hài và tâm trí,
đứng trơ vơ, kinh đảm hãi hùng, trên chiếc cầu độc
mộc, bắc ngang qua ghềnh sinh tử"

"Dưới núi La phù mai hoa thôn
Tuyết ngọc là xương băng là hồn
Phơi phới ngỡ chừng trăng gác ngọn
Trơ vơ như sao Hôm hoàng hôn

Tiên sinh lênh đênh đời sông biển
Rầu như hạc ốm đậu vườn hoang
Hương trời sắc nước không buồn ngó
Biết ta rượu mùi thơ ẩm trong
Trong cung Bồng lai hoa chim làm sứ
Áo xanh treo ngược cây dầu hừng đông
Ôm cây liễu ta đang say nằm đó
Mổ cây gỗ cửa nhẵn đợi sẵn sàng
Tiên bà qua đây hãy lo quét tước
Chim hay ca múa hoa biết nói năng.

Rượu tình người tan non vắng vẻ
Hững hờ nhị rụng đáy ly không."

(Trích "Tô Đông Pha, Những Phương Trời Viễn
Mộng" của thầy Tuệ Sỹ)



Kiêu Mỹ Duyên thăm thầy Trí Siêu, tức giáo sư Lê
Mạnh Thất, ở Bình Chánh

Ngày hôm sau, ngày 9/12/2024, chúng tôi đi
thăm thầy Trí Siêu ở Bình Hưng Hòa A, Bình Chánh.
Phòng khách rất rộng, xung quanh là sách, kệ sách
trước mắt, sau lưng, bên phải, bên trái, chỗ nào
cũng đầy sách. Thầy gầy như ngày xưa, thầy đọc
sách rất nhiều. Chúng tôi nhắc về thầy Tuệ Sỹ.
Thầy Trí Siêu rất thương thầy Tuệ Sỹ, ai cũng biết

điều đó. Cả 2 thầy đi tù 15 năm. Ra tù, hai thầy làm việc tích cực, viết sách, in sách, không than, không rên rĩ, làm việc và làm việc. Thầy Trí Siêu có bằng tiến sĩ ở Minisota, Hoa Kỳ. Về nước, dạy học, rồi sau năm 1975, đi tù. Nhân tài ở đất nước Cộng Sản lúc nào nhà tù cũng ở trước mặt. Thầy Trí Siêu nhắc đến thầy Tuệ Sỹ một cách thương tiếc.

Buổi chiều, tôi đến chùa Già Lam ở quận Gò Vấp thăm thầy Nguyên Giác, ngày xưa ở trên lầu, gần phòng của thầy Tuệ Sỹ. Phật tử đến chùa rất đông, tưng kình. Thầy Nguyên Giác thường làm việc thiện ở Quảng Trị. Mỗi lần thầy đi phát quà cho nhiều đồng hương nghèo ở Quảng Trị, bao giờ cũng có Phật tử tháp tùng với thầy đi phát quà. Tỉnh Quảng Trị rất nghèo, nhiều Phật tử ở Mỹ về nước cũng đi làm từ thiện với thầy Nguyên Giác, trong đó có bà Mai Hương, mẹ ông Vĩnh Lộc, chủ nhà hàng Seafood World, hàng năm về Việt Nam, đi tặng quà cho người nghèo ở các tỉnh miền Trung.

Một đời người tài hoa, đạo đức, lãnh đạo Phật giáo nhưng rất khiêm tốn. Thầy Tuệ Sỹ và thầy Trí Siêu không bao giờ tự xưng mình là Hòa Thượng hay giáo sư, vì với hai thầy, tử ngữ xưng hô không có gì quan trọng. Những người giỏi thường khiêm tốn như thế. Thầy Tuệ Sỹ đã đi rồi, bây giờ thầy Trí Siêu vẫn làm việc không ngừng nghỉ.



Thầy Trí Siêu (đứng giữa hàng) và thầy Hạnh Viên (đứng thứ nhất bên trái) đưa tiễn thầy Tuệ Sỹ về nơi an nghỉ cuối cùng.

Thầy Tuệ Sỹ viết và dịch nhiều kinh sách, nói thông thạo 12 ngôn ngữ. Thầy Trí Siêu có bằng tiến sĩ ở Mỹ. Hai thầy là nhân tài hiếm có trong Phật giáo Việt Nam, không ham danh lợi, suốt đời tu hành, phụng sự xã hội.

Cổ Hòa Thượng Mãn Giác thường nói: thầy Tuệ Sỹ và thầy Trí Siêu là 2 viên ngọc kim cương trong Phật giáo Việt Nam. Câu nói này làm cho nhiều người nhớ mãi.

Cầu xin thầy Tuệ Sỹ về Cõi Niết Bàn và phù hộ cho người dân Việt Nam được hưởng Tự Do, Dân Chủ, Nhân Quyền và Tự Do Tôn Giáo như những người dân của các nước văn minh khác trên thế giới.

Orange County, 1/2025
KIỀU MỸ DUYÊN
 (kieumyduyen1@yahoo.com)



MÂY MƯA

*Từ tâm mây đưa mùa Xuân tới
 Độ lượng mưa về tưới Trần gian
 Đất khách dặm trường chân xuôi ngược
 Giao thừa quán trọ gói tay năm*

*Đất khách ở lâu thành cố quận
 Quê hương trong trí nhớ sương mù
 Em trong trí nhớ như đêm tối
 Mai một có về biết về đâu?*

*Cuối đời sớm chiều bên hiên vắng
 Ngóng trời ngó đất đợi ngày về
 Bất chước cửa thiền tâm buông bỏ
 Không sao quên được cố nhân hề*

*Trời đất từ tâm mây trắng bay
 Còn mưa độ lượng xuống đêm ngày
 Đất trời dù rêu phong tuế nguyệt
 Đi cũng như về cõi trần ai.*

thơ **THƯƠNG TỬ TÂM**

(01.2025)



ÁM ẢNH SỢ XÃ HỘI

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức

Y KHOA PHỔ THÔNG

Đây chẳng phải là cái “bến lèn” của người thiếu nữ “*Vô tình để gió hôn lên má*”, rồi sợ tình lang biết được sẽ “*Nghi ngờ tới cái tiết trinh em*” (1).

Cũng chẳng phải cái rụt rè của cậu con trai mới lớn:

*"Thò tay mà ngắt ngọn ngò;
Thương em đứt ruột già dò ngó lơ"*

Hoặc cái

*"Buồn tình chẳng muốn nói ra;
Muốn đi ăn cỗ chẳng ma nào mời"*

của ông già không vai vế trong làng xã...

Mà là sự vụ vợ sợ hãi, cảm thấy bất an đối diện với xã hội. Rồi thu mình, tránh né trước một hoàn cảnh, nhân sự.

Từ năm lên mười tuổi, tính tình Minh đột nhiên thay đổi. Đang là một chú bé lém lỉnh, hoạt bát, thích giao du bạn bè, Minh trở thành tự cô lập, không muốn chơi với ai và rất ngần ngại đi đây đó với cha mẹ. Minh thấy không còn hứng hái đi học như trước. Đến trường, cậu không ra sân nô đùa với chúng bạn mặc dù vẫn cố ý thích, nhưng ngại ngại làm sao ấy. Ngoài ra, mỗi lần thầy cô gọi trả bài là Minh sợ hết hồn, tim đập thình thình, miệng ấp úng dù rằng rất thuộc bài.

Tình trạng kéo dài cho tới khi Minh trưởng thành, đi làm và lập gia đình.

Tuy có công việc tốt, nhưng Minh không thành công lắm vì luôn luôn nghĩ mình thua kém người khác. Mọi sinh hoạt trong gia đình cũng như các giao tế, liên lạc bạn bè, Minh đều trông cậy ở người vợ. Minh cũng muốn làm nhưng cứ sợ là mình vụng về, thiếu sót, không chu đáo và sẽ bị coi thường.

Minh không phải là người duy nhất có tâm trạng này. Mà có cả triệu người khác, nam cũng như nữ ở trong cùng cảnh ngộ như Minh.

Họ có những e ngại pha chút sợ hãi khi phải làm một việc gì trước công chúng.

Khi ca hát ngâm thơ thì cứ sợ bị chê là dở; phát biểu cảm tưởng thì ngại thiên hạ cho là nói lạc đề, vô nghĩa; gặp gỡ người này người khác thì sợ ấp úng vụng về, xúc phạm. Có người không dám ăn uống nơi thị tứ vì sợ người ta bảo mình “ăn quà như mò khoét”. Thậm chí đi vệ sinh nơi công cộng họ cũng không làm được, vì cảm thấy như có người đang nhòm ngó mình. Và họ cụt hứng giữa chừng.

Nhiều người ở tình trạng trầm kha hơn, ảnh hưởng tới tất cả các sinh hoạt thường ngày. Lúc nào cũng e ngại, luôn luôn nghĩ là không ai thích mình. Họ rụt rè phát biểu vì sợ nói vô duyên; không dám đặt câu hỏi vì “rõ ngớ ngẩn, thể mà cũng hỏi” và không biết mở đầu câu chuyện ra làm sao. Ngay cả ngỏ lời với tình yêu cũng dễ dàng đỏ mặt, nhiều lần lỡ cơ hội.

Họ tìm cách tránh các hoàn cảnh có thể gây ra không an toàn, giới hạn sinh hoạt. Học vấn khó khăn hơn, việc làm trở ngại và rơi vào cô đơn.

Nói chung là họ cứ “sợ”, một cái sợ kéo dài, vô căn cứ. Có người sợ sống một mình hoặc xuất hiện nơi công cộng, giữa đám đông; có người sợ khi lên cao độ hoặc sợ một vật nào đó. Còn ám ảnh sợ xã hội thì cứ ngại là bị mất nhân phẩm, bối rối trước công chúng. Rồi vì sợ nên họ tìm đủ mọi cách để tránh cái làm họ sợ, đôi khi biết rằng không đúng sự thực và quá lố.

Nhiều nhà tâm lý học gọi họ là những người “tự giam mình trong ngục tù tâm lý” vì sợ hãi dân chúng. Một thí sĩ thì cho đây là một nỗi đau khổ có sẵn, giống như là ta có hai lớp da mà lớp dưới bướng bỉnh co lại, xa lánh ánh sáng, không khi.

Rối loạn thường bắt đầu ở lứa tuổi 12-13, rất hiếm sau tuổi 25. Nó không phân biệt nam, nữ, giai tầng xã hội và có thể kéo dài suốt đời người.

Hiệp Hội Tâm Thần Hoa kỳ đã đưa ra một số tiêu chuẩn để xác định Ám Ảnh Sợ Xã Hội này như một bệnh:

- a- Sợ bị soi mói tỉ mỉ trong mọi hành động, đưa tới xấu hổ vì bị hạ phẩm cách;
- b- Sợ hãi quá đáng, không hợp lý, đưa tới lo lắng, khiếm đảm;
- c- Những khó khăn do sợ hãi thường gây xáo trộn cho đời sống hàng ngày cũng như việc làm, giao tế xã hội;
- d- Sợ hãi này không là hậu quả, tác dụng của được phẩm hoặc vấn đề sức khỏe.

Người bệnh thường có một số phản ứng khi đối diện với sự việc:

- Họ nghĩ là nếu làm việc đó thì sẽ gây trò cười cho người khác;
- rồi cảm thấy bồn chồn, lo ngại;
- có dấu hiệu thể chất với tim đập nhanh, mặt đỏ bừng, hơi thở dồn dập, đổ mồ hôi lạnh, cồn cào ruột gan, đôi khi ngắt xiú;



- cuối cùng là có hành vi tránh né sự việc hoặc cá nhân.

Sự e sợ người khác kèm theo ý nghĩ bị từ bỏ có thể đưa tới thu mình, không tham gia mọi sinh hoạt, trở nên cô đơn. Không có tình người nóng ấm sẽ đưa tới trầm cảm, thờ ơ, suy loạn tâm thần, đôi khi ngay cả tự kết liễu đời mình.

Do đó, không nên coi tâm trạng này như một khủng hoảng thoáng qua. Vì ảnh hưởng này cũng hay đi kèm với một số khó khăn tâm thần khác như trầm cảm, hoang loạn, lo sợ mọi thứ. Có người dùng các chất kích thích để lấy lại can đảm rồi thành nghiện ngập mà vẫn chẳng khá hơn.

Cần phân biệt sợ hãi xã hội và nhút nhát.

Cả hai đều có những dấu hiệu giống nhau, ngoại trừ nhút nhát thì ít có thay đổi thể chất như nhịp tim nhanh, hụt hơi thở, đổ mồ hôi hột.

Trước một đối tượng, người nhút nhát thường hơi thụ động, lựa phương thức an toàn. Như là "Gặp mặt em anh chẳng dám chào; Sợ ba má hỏi: thẳng nào biết con?" chứ không liều mạng.

Nhút nhát cũng có thể do thiếu tự tin, cứ sợ là mình thua kém người khác nên không dám hành động, tranh đua.

Nhút nhát thường thấy nhiều ở các xã hội khuyến khích sự tự trọng, sự kiêu hãnh cá nhân, coi thất bại là điều đáng xấu.

Nhút nhát có thể vượt qua và hậu quả của nó cũng không trầm kha lắm.

Có người cho anh chàng kia nhút nhát là dễ thương nhưng anh ta không thấy vậy, vì anh thấy mình như không còn tự do để hành động, để nói.

Nhút nhát cũng làm ta hay quên và ước muốn tình dục cũng giảm.

Nhút nhát có thể qua khỏi nhờ những kích lệ, chăm sóc, chia sẻ, ít chỉ trích, ít cạnh tranh và dễ dàng chấp nhận. Một lá thư tình âu yếm của nàng thì mười chuông nhà Hồ, trăm phá Tam Giang anh cũng vô như không.

Am ảnh ngại ngùng giao tế xã hội thì phức tạp hơn. Đây là một tâm bệnh. Tuy nhiên, cũng như các bệnh khác của cơ thể, có nhiều phương pháp giúp giải quyết.

Để có thể vượt qua, người có vấn đề cần được sự giúp đỡ của nhiều chuyên gia tâm lý, tâm thần. Một vài hướng dẫn thực tế:

a- Ý thức được là mình có vấn đề chứ không do tưởng tượng, "hâm" hoặc "mát dây".

b- Đặt lại vấn đề kém tự tin, thiếu khả năng.

c- Làm quen dần dần với các hoàn cảnh đưa tới nỗi sợ.

d- Thay đổi dần dần những ý nghĩ không đúng, tiêu cực.

e- Gạt bỏ cái vòng e ngại, trốn tránh để tập mạnh dạn hành động.

Ngoài ra, dược phẩm cũng có nhiều hiệu lực và việc điều trị cần nhiều thời gian và kiên nhẫn từ người bệnh cũng như chuyên viên y tế và thân nhân.

Và nhớ rằng, như Friedrich Von Hardenberg Novalis đã phát biểu: "Sợ hãi là một trạng thái do dự, nghi ngờ thường thuộc về cơ thể. Người khỏe mạnh thì luôn luôn bình tĩnh, dù đang ở trong những hoàn cảnh khó khăn nhất".

(1) Hàn Mặc Tử (bài thơ Bến Lển)

MÙA XUÂN GIỮA CÔI VÔ THƯỜNG

*Xuân xanh biếc lá trên ngàn
Mình vui phố chợ rộn ràng biết bao
Em xinh mắt biếc má đào
Rằng*

thanh vận

tự thuở nào

còn nguyên

*Trăm nghìn cũng bởi nhân duyên
Thương em như thế*

tình riêng thế này

*Hết hao qua những tháng ngày
Tám lòng son sắt đắm say hãy còn*

*Dáng xuân tha thướt gót son
Thanh xuân thánh thót mũi non vọng về
Hương xuân bát ngát bốn bề
Vị xuân ngon ngọt để mê cõi đời*

*Khí xuân lồng lộng đất trời
Tình xuân chan chứa với người yêu
thương*

Mùa xuân giữa cõi vô thường

...

thơ DU TÂM LÃNG TỬ





Cởi trời

(Tập 2, tức **Phương Trời Cao Rộng 5**)

Truyện dài của **VĨNH HẢO**

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

CHƯƠNG MƯỜI BỐN

(tiếp theo)

Nằm một lúc, tôi lại nhớ đến đêm băng rừng với Mộng Huyền. Tôi vẫn chưa hoàn toàn quên được dấu ấn kỷ niệm của đêm ấy. Mộng Huyền vô tư, dễ thương chỉ lạ. Tôi không dám tưởng tượng rằng nàng đã chết như thế nào trong những đêm bão mịt mù ngoài khơi Thái Bình. Tim tôi đau và có vẻ như tươi máu ra ngoài lồng ngực. Tôi niệm Phật để trấn áp mọi cảm xúc lao xao trong lòng. Một lúc, tôi khoèo Thiện Chí, hỏi nhỏ:

"Lúc chạy trốn, anh có lạc vào một căn nhà ngói đỏ quét vôi trắng, nằm một mình giữa đồng ruộng không?"

"Không."

"Anh có chạy chung với một người con gái nào không?"

"Không."

"Anh có nằm dưới gốc mít, quạt muỗi cho ai không?"

"Không, hỏi gì lạ vậy?"

"Anh có thấy một ông già đầu quấn khăn rằn, vác rựa đi qua đi lại không?"

"Không, đừng giỡn nghe, không có chuyện đó đâu."

"Anh có nằm chung với người con gái nào trên chiếc xe bò có phủ rơm lên trên không?"

"Không, làm gì có chuyện kỳ cục đó!"

"Vậy là anh may mắn lắm rồi."

"Nãy giờ Khang hỏi lung tung, chẳng hiểu gì hết."

Tôi không nói, im lặng ngược nhìn ra cửa sổ. Qua lớp vải mùng thưa, chỉ thấy đêm mù mịt bên ngoài, không một vì sao nào cả. Mộng Huyền là tên của một dòng sông đêm, một giấc mộng huyền ảo, trôi từ trí nhớ ngược vào tim tôi, cuộn xoáy tận bạo như những cơn bão loạn. Ừ, đã có những cơn bão vô tình, man rợ trên biển Thái Bình vào những ngày Mộng Huyền ra khơi. Bao ước vọng tự do cũng bị đánh vỡ thành bọt sóng lăn tăn trên cái mệnh mỏng vô cùng của lòng biển rộng ấy...

Cán bộ chấp pháp chỉ gọi Thiện Chí ra làm việc trong một buổi sáng, rồi từ đó chẳng thấy gọi ra nữa. Thiện Chí cho biết rõ ràng là tội anh được ghi vào biên bản khai cung: "Tình nghi vượt biên." Tình nghi thì đâu phải là tội, vậy mà cứ bị giam một tháng, hai tháng, ba tháng, bốn tháng... chẳng nghe nói là hồ sơ điều tra cứu xét đến đâu, cũng chẳng cho người nhà biết để thăm nuôi. Đến tháng thứ năm thì anh bị đưa đi biệt giam một tuần lễ. Biệt giam là chỗ dành cho những tù nhân vi phạm kỷ luật và cũng là chỗ để hành hạ tra tấn những người không chịu khai sự thực. Sau một tuần biệt giam, Thiện Chí được đưa trở về phòng tập thể, ra gặp cán bộ chấp pháp một hai lần nữa, rồi im luôn, không thấy gọi tên nữa, cũng chẳng thấy được tha về. Nhưng anh cứ tin tưởng:

"Tôi sẽ được về sớm mà. Họ không nắm được chứng cứ gì để

kết tội. Vẫn còn ghi là tình nghi vượt biên.”

Và tiếp tục “sống chung” với tôi. Ở phòng giam, khi người ta ăn uống, chia sẻ thức ăn thăm nuôi với nhau hàng ngày thì gọi là “sống chung.” Từ ngày bị bắt, Thiện Chí chưa được thăm nuôi lần nào nên anh “sống chung” với tôi. Hai anh em có gì ăn nấy. Người nhà thăm nuôi tôi qua nhiều tháng đã kinh nghiệm, biết gói thức ăn nào có thể để lâu được. Dù vậy, đã có nhiều ngày chúng tôi chỉ ăn cơm với muối đậu, muối mè và đôi lúc cũng cảm thấy cần chất ngọt, cần rau tươi—vì lượng thức ăn không đủ cung cấp cho hai thanh niên đói, dù rằng hai thanh niên này từng được huấn luyện trong môi trường chạy tị nạn đạp bạc. Cũng may là Nhiều, Danh, Quái, Dưỡng... nhóm anh em Nghĩa quân Phục quốc ở Tân Phú, thỉnh thoảng lại đem món này món nọ biếu xén tôi.

Vào một sáng, để tử nhân nhớ ơn ông Hồ Chí Minh nhân dịp sinh nhật của ông, đứng vào ngày thứ Hai 19-5-1986, cán bộ vào gọi tên trả tự do cho một số người. Vẫn chưa có tên Thiện Chí. Nhưng có tên ông Bảy tài xế. Ông này là một Phật tử ăn chay trường, bị bắt trước tôi hai năm vì tội chở người vượt biên. Ông chưa bao giờ ngồi nói chuyện đàng hoàng với tôi. Ông có vẻ tránh né tôi, và đứng nhìn tôi từ xa với đôi mắt khó chịu. Trong mắt ông ấy, dường như tôi là một thầy tu hư hỏng. Có lẽ vì ngày đầu tiên tôi vào phòng giam, ông thấy tôi đã chào phòng bằng ba bài tình ca của Trịnh Công Sơn và sau đó, ông lại biết tôi bị kết tội “phản cách mạng.” Một người Phật-tử ở nhà quê, coi chuyện ăn chay và pháp môn tu của mình là trên hết, cục bộ bảo thủ như ông, dĩ nhiên không thể nào chấp nhận và không thể nào hiểu được một thầy tu kiểu như tôi. Cho nên, đã nhiều lần ông nói mĩa mai, châm chọc tôi. Bạn tù càng xúm xít bao quanh tôi thì ông càng có vẻ ghét tôi thêm—có lẽ ông sợ rằng con người dễ dãi tiếp giao với mọi thành phần như tôi sẽ làm mất thể diện lây cho cả ông. Người tu, theo ông thì phải ngồi lim dim một chỗ, lo niệm Phật hay ngồi thiền thôi, chứ không có “tiếp khách” suốt ngày như tôi; người tu khi ăn cơm phải tay chấp tay xá một cái rồi ngồi niệm Phật hay đọc thầm một bài kinh ngắn gì đó rồi mới được ăn chứ không phải

chỉ cầm ca cơm lên, xúc ba muỗng cơm đưa vào miệng (đọc thầm 3 đại nguyện) rồi ăn tự nhiên như tôi thường làm; người tu cũng không được chơi các trò giải trí (cờ tướng và domino), không được hút thuốc, không được dính dáng đến chính trị...

Có lần, không kèm được tức tối khi thấy tôi ngồi uống trà hút thuốc với đám tù chính trị, ông đến gần tôi, bụm tay kê miệng vào tai tôi, nói đay nghiến:

“Ông thầy mất tư cách quá!”

Tôi cười nói:

“Thực vậy hả chú Bảy, cảm ơn chú nghe.”

Ông trợn mắt đứng trân một lúc. Mấy anh bạn tù hỏi tôi:

“Có chuyện gì vậy thầy Khang?”

Tôi nói:

“Đầu có gì, chú Bảy... niệm Phật vào tai tôi đó mà.”

Tôi nói vậy, ông càng thương mà càng giận tôi thêm. Thiện Chí vào “sống chung” với tôi, dĩ nhiên là ông ghét lây cả Thiện Chí—dù rằng con người khép nép ngồi đầu ngồi yên một chỗ, vô tư không hề dính dáng đến chính trị và không chơi một trò chơi nào trong phòng giam như Thiện Chí đúng là mẫu thầy tu đàng hoàng tư cách trong mắt ông.

Hôm nay cán bộ gọi tên ông về, ông hí hửng xách giỏ đồ chạy ra ngoài lồng khung. Bạn tù xúm xít xin đồ ông chẳng cho, ông muốn xách về hết—ông quên rằng những món đồ linh tinh của trại tù thực chẳng có giá trị gì ngoài xã hội cả. Ông đang đứng mặc áo quần ngoài cửa sắt thì một anh tù hỏi:

“Ông Bảy, vậy chứ vườn rau của ông để lại cho ai? Cho tui nghe.”

Ông nghe hỏi đến vườn rau thì giật mình quay ngó cái khoảnh đất nhỏ xíu ở góc sân chơi. Khoảnh đất nằm sát mương nước, có bề ngang một thước, bề dài một thước rưỡi, trồng rau muống và ba thứ rau thơm linh linh tinh. “Vườn rau” của ông Bảy được coi là tươi tốt, phì nhiêu nhất trong những luống rau nhỏ của đám tù phòng 7. Ông đứng suy nghĩ một lúc. Đám tù la eo éo, ai cũng xin được thừa kế làm chủ

cái vườn rau nhỏ xíu ấy. Nghĩ một lúc, bất chợt ông bật ra tiếng:

“Thầy Khang, tôi để lại cho thầy Khang. Thầy Khang ông ăn chay mà, ông cần rau. Thầy Khang đâu, tối muốn gặp thầy Khang!”

Đám tù nghe ông để sự sản lại cho tôi thì im lặng, chẳng còn ai muốn tranh giành nữa. Họ thúc tôi đến bên cạnh cửa sắt để gặp ông Bảy lần cuối. Tôi bước đến, cúi chào ông. Ông cũng bước đến gần tôi, nói nhỏ:

“Đám rau của tôi, tôi để lại thầy Khang dùng... Xin lỗi thầy Khang nghe.”

“Có gì đâu mà xin lỗi, chú Bảy. Chú về bình an, vui về nghe. Siêng niệm Phật há. Mai này gặp nhau ở nước Cực Lạc.”

Ông nghe tôi nói vậy thì rơm rớm nước mắt, đứng như trời trồng một lúc. Sau đó, đưa tay lên vẫy, rồi bước đi. Ra đến cửa sân, ông xách giỏ chạy lui, nói:

“Giỏ đồ này tôi để cho thầy Khang luôn.”

“Chia cho mấy người thiếu thốn không có thăm nuôi thì nhiều công đức hơn, chú Bảy ạ.”

Ông nói vội vã:

“Đạ, dạ, thì thầy Khang chia giùm, cảm ơn thầy, tôi về nghe. Chúc thầy cũng được về sớm...”

Rồi ông đi luôn. Giỏ đồ của ông tôi đưa anh trưởng phòng chia cho mấy anh em “mồ côi” không có thăm nuôi. Vườn rau thì tôi nhận, giao cho Thiện Chí chăm sóc. Từ đó, mỗi tuần tôi và Thiện Chí đều có rau tươi để dặm thêm vào những bữa ăn khô khan với tương và muối trong những ngày cạn thức ăn—vì quà thăm nuôi tôi, một tháng mới có một lần, nên thức ăn tươi cho hai người chỉ cầm cự được mười ngày đầu, hai mươi ngày còn lại thì dùng cơm với thức ăn khô như muối đậu, muối mè... Thỉnh thoảng tôi cũng dùng tiền để gởi mua dưa leo hay chao có bán ở căn-tin của trại. Nhưng lỡ mà đồ ăn hết, tiền cũng hết thì có chút rau xanh của vườn rau ông Bảy vào thời gian cạn lương thực kể ra cũng đỡ “túi.”

Cùng thời gian Thiện Chí vào phòng giam này, có một anh kỹ sư họa học ngang tuổi tôi, tên Nguyễn Trai, cũng bị bắt vì tội vượt biên. Trai là một người bạn khá thú vị của tôi trong phòng. Anh gốc người Đà Nẵng, sinh sống ở Đà Lạt. Cha anh theo đạo Chúa,



mẹ anh theo đạo Phật. Gia đình có mấy anh chị em đều lấy đạo của cha làm chính, nhưng thỉnh thoảng cũng theo mẹ đi chùa. Trong phòng, anh không chơi thân được với ai ngoài tôi. Mỗi lần muốn nói chuyện sách, nhạc, thơ, anh tìm tôi, hoặc tôi tìm anh. Tôi nhớ gì thì kể anh nghe, anh nhớ gì thì kể tôi nghe. Chúng tôi trao đổi với nhau như vậy thì cũng biết được thêm kha khá những điều mình chưa biết. Một hôm, nhân đề cập đến ngành hóa học của anh, tôi bỗng nảy ý dùng ất-xít phá song cửa sắt để vượt trại, bèn hỏi nhỏ:

"Loại acid nào có thể... làm chảy sắt?"

"Loại nào cũng có thể ăn mòn sắt được cả. Nhưng ăn mòn cực mạnh thì có sulfuric và hydrochloric acids; nhạy nổ thì có carbonic và nitric acids. Còn nếu pha trộn cả 3, 4 thứ lại rồi phết lên mấy cái song sắt kia thì trong vòng nửa tiếng đồng hồ, mình có thể kéo sắt ra, dẻo như kẹo kéo. Mấy loại acid này đều không màu sắc mà lại có thể hòa tan được với nước nên mình bỏ chút phẩm đỏ vào, đựng trong chai thuốc đỏ trị ghê... thì ai mà biết. Còn nếu muốn nổ cái vách tường này đó

hả, lấy silver nitrate trộn với sulfuric và carbonic acids, đựng trong một cái lọ nhỏ cỡ ngón tay cái này cũng đủ rồi. Đây nắp thật kín, khui một cái lỗ nhỏ để đưa vào một cái tim dẫn hóa. Khoét vách tường sâu vào, nhét cái lọ vô, đốt lửa. Đùng! Vách sẽ bung."

"Đơn giản vậy sao?"

"Chỉ vậy thôi. Nhưng mà... anh Khang đừng cho ai biết tôi bày anh cách chế biến đó nghe."

"Đừng có lo. Nếu vách này mà bung thì anh cũng chạy theo tôi chứ, phải không?"

"Hi hi, không dám đâu, chẳng già đồ ngủ cho yên chuyện."

Tôi vốn dốt về hóa học nên nghe Trai nói thế nào thì nghe thế đấy, tin tưởng hoàn toàn vào ông kỹ sư hóa chất. Vậy là tôi bắt đầu phác họa một cuộc vượt trại. Trước tiên, tôi bàn với Quái và Dưỡng, hai chàng Nghĩa quân Phục quốc gan lì. Cả hai đều phần khởi, đồng ý cùng nghiên cứu kế hoạch kỹ lưỡng. Họ dặn tôi đừng cho anh Nhiều trưởng phòng biết, dù rằng cả nhóm tù chính trị đều thân với Nhiều-có lẽ vì họ sợ

Nhiều có tính cẩn thận và nghiêm chỉnh chấp hành nội qui sẽ ngăn cản; hơn nữa, trước kia Nhiều cũng từng là dân cách mạng. Tôi thì tin tưởng Nhiều chứ không ngờ vực gì, nhưng họ yêu cầu vậy thì cứ theo ý họ. Tôi nói, nếu đến lúc hành động mà Nhiều muốn đi theo thì cứ để anh ta theo. Họ đồng ý. Họ yêu cầu tôi hết sức giới hạn số người tham gia trong nhóm tổ chức thảo luận kế hoạch, chỉ đến phút chót mới chọn cho theo những người nào muốn theo và đáng tin cậy. Trong nhóm tổ chức, Quái và Dưỡng đề nghị rủ thêm Sang. Vậy là chúng tôi, bốn người, mỗi ngày bàn bạc một chút, nghiên cứu thăm dò sân trước, sân sau, trong rào, ngoài rào, trên nóc trại giam, giờ trực trên bót gác... Quái còn tính rủ thêm Tân, một anh tù hình sự bị án nặng, vốn là dân địa phương Biên Hòa, để nhờ anh dẫn đường khi thoát ra khỏi trại giam. Nhưng Sang đề nghị đến phút chót mới gọi Tân đi theo. Sang còn cho biết là hàng rào kẽm gai phía sau lưng phòng giam không có cầu điện. Có lần anh được phân công dọn cỏ phía sau, đã đưa lưỡi cuốc chạm thử vào dây kẽm rồi. Để vượt qua hàng rào kẽm gai, Quái bày là đem theo hai cái quần jean của Quái và Dưỡng, vắt lên hàng rào mà leo qua. Đối với bạn tù trong phòng thì Dưỡng nói có thể để họ ăn chè hoặc nước chanh có pha thuốc ngủ, người nào không ngủ thì hoặc là rủ họ đi theo, hoặc là khống chế họ bằng cách cột trói, nhét nùi giẻ vào họng v.v... Mà để để chờ hay nước chanh cho thật tự nhiên, hợp lý thì phải lựa ngày thăm nuôi. Thăm nuôi mỗi tháng hai lần thì phải lựa lần nào nhằm lúc không trăng. Nếu gặp đêm mưa thì càng tốt, vì các anh lính bảo vệ trên bót gác và nóc trại giam sẽ chạy xuống chứ không ở trên đó được. Từ cửa sổ phòng giam ngay chỗ tôi ngủ leo ra ngoài, rất dễ bị phát hiện. Phòng giam có hai cửa sổ mà tôi hiện là người đang nằm ngủ ngay ở một cửa sổ phía đội 1. Từ trong cái mùng vải trắng tôi có thể quai đầu ra, sử dụng ất-xít để quét vào chân mấy chấn song sắt... Đại khái chúng tôi bàn tới bàn lui kế hoạch vượt trại như vậy trong nhiều ngày. Nhưng trước mắt là phải có trong tay cái lọ ất-xít cái đã. Tôi chưa biết nhân ai, nhờ ai.

Xoay tới xoay lui, chỉ còn có Trai và Thiên Chí là hai người bạn tin cậy nhất mà tôi có thể nhờ vả

được. Cả hai người đều biết tôi có ý định vượt trại. Dĩ nhiên tôi không rủ họ tham gia vì biết họ là tù vượt biên, cao lắm là 3 năm cũng sẽ được thả (riêng Thiện Chí bị tình nghi thì có thể chỉ vài tháng là được tự do), không cần phải liều lĩnh vượt trại nguy hiểm như thế. Trai còn hy vọng sẽ được gia đình lo đút lót thể nào đó để anh được thả sớm chứ không tới 3 năm như những tù vượt biên khác. Do hai người này đều hy vọng sẽ được về sớm, nên tôi đã nhờ họ, nếu ra được thì giúp tôi bằng cách gởi vào một lọ ất-xít nguy trang như là lọ thuốc xức ghẻ, cùng với thuốc ngủ, gởi vào nhiều đợt, đựng trong bịch ni-lông nhỏ, nhét vào thức ăn...

Dần dần nhờ vả lâu rồi, vậy mà hai thư sinh này chẳng chàng nào được về sớm như dự đoán. Mãi đến trưa thứ hai ngày 9 tháng 6, tôi đang ngủ ngon giấc thì Thiện Chí đánh thức tôi dậy, nói:

"Khang ơi, tôi vừa nằm mộng thấy tôi được về."

"Xi, mộng thì ăn thua gì chứ."

"Ừ, mộng, nhưng mà rõ ràng lắm, tôi nói thiệt đó, không tin thì thôi."

"Thì thôi chứ sao."

"Không, Khang à, nghe tôi đi, tôi ít khi nào nằm mộng kiểu này lắm. Tôi tin là chuyện này sẽ xảy ra mà. Tôi từng có kinh nghiệm về những giấc mộng hay điềm báo của tôi. Này nhé, tôi kể Khang nghe: tôi thấy Hoà Thượng Trí Thủ bước đến chỗ song sắt kia, để thăm hai anh em mình. Tôi mừng quá chạy đến lay Hoà Thượng, xin Hoà Thượng giúp cho hai đứa được ra. Hoà Thượng nói: con thì được. Tôi hỏi, vậy Khang thì sao? Hoà thượng chỉ lắc đầu, mặt rất buồn."

"Ồ, vậy thì tốt rồi, mừng cho anh," tôi nói cho có chuyện rồi ngồi dậy thu dọn mùng chiếu, xếp lại cho vào giỏ.

Thiện Chí ngồi im một lúc, nói tiếp:

"Nếu tôi về nay mai, điều Khang cần nhất là gì Khang cứ nói đi, biết đâu giấc mộng đó lại chẳng thành sự thực."

"Thì tôi hẳn gởi anh biết bao nhiêu lần rồi đó mà anh cứ nằm ì ở đây, đã về đâu."

"Bây giờ về thiệt đó, Khang hẳn lại cái gì thì hẳn đi," Thiện Chí cố gắng thuyết phục.

Chẳng cần suy nghĩ lâu, tôi nói:

"Gặp bất cứ người bạn nào có

quen biết hay chơi thân với tôi trước đây, anh cũng dặn họ tránh xa hai người này: Hân và ông thầy Tư. Hiện giờ thì Hân bị bắt, nhưng biết đâu một ngày nào đó công an lại thả anh ta ra cho làm việc tiếp. Còn ông thầy Tư là một ông già khoảng sáu mươi tuổi, xưng là thầy Tư của đạo Thiên Chúa, người Quảng Nam, da ngăm đen, có một vết nám lớn ở gần gò má bên trái. Ông Tư gặp các thầy mình sẽ khoe là quen biết, thân cận Thượng Toạ Đức Nhân và tôi nghĩ có thể Thượng Toạ bị bắt là vì ông ấy hoặc Hân chứ chẳng do ai khác."

"Cần hẳn gia đình hay bạn bè điều gì không?"

"Nói tôi bình an. À, nhờ anh lo chuyện lọ ất-xít và thuốc ngủ, rồi đưa cho gia đình tôi, nói bằng mọi cách cũng phải tìm cách gởi vào."

Thiện Chí nghe rồi, gật gù, mặt có vẻ buồn buồn. Một lúc anh nói:

"Khang à, đó chỉ là những chuyện nhỏ. Tôi biết Khang còn bao nhiêu giấc mộng to lớn hơn, sao Khang không nói tôi nghe, xem tôi giúp gì được không. Nói thiệt Khang nghe, từ những ngày đầu sống chung với Khang trong phòng giam này, tôi đã tự dẫn lòng rằng chuyện này ra được tôi sẽ hết sức làm bất cứ điều gì Khang gởi gắm. Khang đã vì đại nghĩa mà sa vào vòng tù tội, sống ở đâu cũng hết mình với bạn bè anh em... không lý tôi đây cũng xuất thân từ cửa chùa, biết cái đau của dân tộc, biết cái khổ của chúng sinh, lại chẳng góp được chút gì để đáp tạ tấm lòng của Khang hay sao?"

Thấy Thiện Chí rưng rưng muốn khóc, tôi cảm động, ngó lảng ra khoảng sân vàng cháy. Một lúc, tôi hỏi:

"Anh về chuyện này sẽ ở đâu?"

"Có thể tôi về Long An, tạm sống với gia đình một thời gian... nhưng nếu Khang muốn tôi đến đâu, đi đâu, sống ở đâu, làm việc gì... tôi sẽ làm theo yêu cầu của Khang, thiệt đó. Rồi khi Khang ra được, Khang sẽ gặp tôi ở chỗ mà Khang muốn tôi đến."

Tôi nhìn thẳng vào mắt Thiện Chí, ngạc nhiên, không ngờ anh ta sốt sắng với tôi như vậy. Tôi nói:

"Nếu thực anh muốn giúp tôi, xin đến số nhà... đường Bà Lê Chân, Phú Nhuận, tìm gặp

ông Nguyễn Đức Trọng xem thử ông đã được tự do chưa. Nếu gặp ông, anh cho biết tình hình của tôi. Hẹn ông là khi tôi ra tù được tôi sẽ tìm đến ông ngay để cùng xuống Long Xuyên vào chiến khu Bảy Núi của Bảo An Đoàn, Hòa Hảo. Nếu ông ấy phải đi trước thì xin cho biết cách nào rõ ràng và dễ dàng để tôi tìm vào. Còn trường hợp ông ấy chưa được trả tự do..."

Thiện Chí nói ngay:

"Tôi sẽ đi xuống Châu Đốc, Long Xuyên, dò đường trước để tìm vào chiến khu Bảy Núi, bắt liên lạc với lực lượng Hòa Hảo để chờ Khang ra, tôi đưa Khang vào."

Tôi cảm động chẳng nói nên lời, chỉ biết gật đầu nhẹ. Thiện Chí nói:

"Tôi hứa sẽ làm điều đó. Khang ra được thì nói Túu hay Thiện Lạc đưa đường xuống Long An, tìm nhà tôi ngay nhé. Tôi có đi Châu Đốc hay Long Xuyên thì cũng giữ liên lạc với gia đình," ngưng một lúc, Thiện Chí tiếp. "Khang nghĩ là có thể về sớm được không... với cái án, cái tội như vậy?"

"Tôi sẽ về. Ở tù tôi có thể tu tập được cho cá nhân tôi, tôi có thể làm lợi được cho một số bạn tù nào đó chung quanh, nhưng không thể nào an lòng được với nỗi đau chung quá to lớn, quá nặng nề bên ngoài. Cho nên, dù gì đi nữa, tôi cũng phải về. Tôi muốn tự do."

Kềng báo thức hai giờ trưa đã đổ. Ba mươi phút sau, có cán bộ cầm giấy tờ tiến đến phòng giam, gọi tên Thiện Chí, bảo lấy đồ đạc cá nhân ra về. Chúng tôi không còn lời nào để nói với nhau nữa. Chỉ siết chặt tay nhau một lần cuối qua song sắt.

(Còn tiếp -
Mời xem tiếp Chương 15)



CON BÒ TÓT RỪNG AMAZON

Con bò tốt rừng Amazon đau xót điều gì
Rống vang cả núi rừng Nam Mỹ
Xua giông bão về tận rừng trầm
Nơi đàn bà con gái thọ thại bên bờ kinh nước mặn
Dưới vòm mây để ra vô số thơ
Thơ phù sa tràn bờ sông tiền sông hậu
Cửu Long hệ! dậy sóng Thái Bình Dương.
Thổ dân Úc châu nổi loạn trên ngọn núi đỏ Uluru
Tàn sát vô số những con đom đóm nào không phát
ra ánh sáng sáng
Treo cổ những con cá sấu già nua nào còn đằm
mê trang điểm
Mỗi thổ dân là một thi sĩ làm thơ uống rượu cần
Đả phá mọi trai đàn chẵn tế
Đả phá mọi chế độ
Đền đài lăng tẩm bị hỏa táng không thương tiếc.
Từ ngọn núi thiêng Lapchi Tây Tạng
Mạch nguồn róc rách tam bảo
Mạch nguồn thiên định
Máu tim đêm qua mở trống cõi ta bà.
Vượt biên qua hàng sa dải ngân hà
Gã chỉ mang theo
Bồ đề tâm và nụ hôn đêm trỉ tịch
Xóm chày hạt bụi nào cũng thơm
(Người con gái nào cũng thơm)
Ôi đất mẹ ruộng đồng cơm gạo mới.
Hỏi bông cúc hay bông huệ
Về sự chứng đắc bậc thánh tăng
Hỏi tảng đá lạnh căm
Được sưởi ấm bằng thiên định.
Không thể nào làm lẩn trên làn da bò cạp
Hóa chất và hương thơm
Sự thực và giả trá
Thế giới hóa chất chỉ là sự điên rồ
Hãy cầu nguyện cho cái chết không ung thư.
Thành phố và những căn nhà
Bông dung động lạnh bông thành sỏi đá
Con lạc đà cắm đầu xuống hố thẳm
Mang theo cả trùng dương sám hối.
Cả mập bông tái sinh bông chiếm ngôi lãnh chúa
Nơi bia rừng đàn sỏi mọc sừng ngang trán
Cửa ghé tóng giam anh em họ hàng
Trên bàn tiệc nhả đạn ngay giữa trán chủ tịch.
Những tinh cầu thai nghén để con vô tội vạ
Trôi dạt khắp bốn phương trời
Bụi tàn cuồng loạn hỗn mang
Chẳng nơi trú ẩn ngoài căn nhà hư không của mẹ.
Những vì sao đang cháy lung linh
Tâm hồn tôi đang chờ hiển tợng
Mỗi chúng sinh một tầng trời xanh. Càn thất bà

thành
Nơi đàn ông bị vợ bỏ
Bọ cạp rần rít quấy đuôi ăn đồ cứng
Cào cào châu chấu mặc áo thầy tu.
Ngoài một Nguyễn Du
Ngoài một Phạm Công Thiến
Chẳng còn ai xứng danh thi sĩ
Chớ mạo muội hỏi những vấn nghệ via hề.
Chỉ còn những con bệnh nằm chờ chết
Thầy thuốc bị treo cổ đêm qua
Màu da vàng rần rụa gió rần rụa máu
Muối trường sơn chực chờ gieo nọc độc.
Những khuôn mặt sa mạc héo khô
Mẹ hỏi làm sao gieo giống
Nơi mảnh đất chỉ còn 3 phần sống 7 phần
chết
Nơi loài cá bơi quanh đảo hoàng sa
Đòi chủ quyền nợ máu.
Hộp ngậm trùng dương nghe chùng hoa cúc
nở
Dắt trâu về làng giữa ngàn ngàn năm trước
Gió vẫn vi vu
Giàn bông giấy vẫn thổi bông về phía biển
Cây mận già vẫn trở bông
Ngàn năm sau cụm mây trôi ngang đó
Nhỏ lệ nhớ mẹ buổi giao thừa.
Vừa cầu kinh vừa lặn biển
Đàn cá voi tìm về rừng trầm
Nơi mẹ thổi bữa cơm đầu tiên
Nơi đoàn dạ lý hương còn gởi gắm chút tình
Đêm phương nam chờ bắt nhíp bài dạ cổ hoài
lang.
Trôi theo dòng sông tóc bạc
Trôi theo từng dấu chân xưa
Vườn dưa xanh thảng chạp
Chưa từng rời xa mặt đất
Lòng bồ đề chưa từng thất lạc
Mặt trời ban sơ vinh danh nhánh mai vàng
Đã sinh thành trời đất lênh đênh.
Mẹ ngồi đây mẹ
Trong đêm dài phong lan vì vút thổi
Cho con tạc bức tượng mẹ ngàn thu
Bức tượng cha mịt mù
Chờ lũ con du thủ trở về
Kịp bước lên bờ giác ngộ
Trước lúc mặt trời kia tắt thở.

thơ LÝ THỪA NGHIỆP

MỠI KỲ MỘT MÓN CHAY

SÚP NGÔ MỊN THUẦN CHAY

3 trái ngô (bắp). Dùng dao bào lấy hạt, sau đó cho vào máy sinh tố và xay nhuyễn. Nấu với khoảng 1 chén rượu sữa đậu nành hữu cơ. Khuấy đều, lửa vừa. Pha 1 muỗng canh bột (bột gì cũng được) và khoảng 4 muỗng canh nước lọc. Cho vào nồi để súp hơi đặc một tí. Nêm xíu muối. Ngô ngọt tự nhiên, nên không cần thêm đường.

Tắt bếp. Dùng nóng. Để trong 1 cái tách, nhìn cho vui và lạ. Món súp này dùng trong tách hay trong tô đều ngon cả.

Chúc bạn thực hiện những món chay thật ngon, và cần nhất là vui.

Hồng Hương (VN Ăn Chay)



The Story of Thera Sariputta

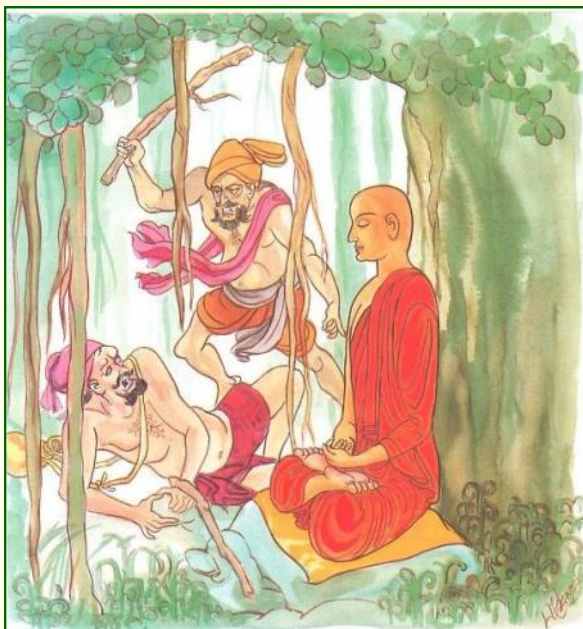
Dhammapada, Verse 389 & 390

While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verses (389) and (390) of this book, with reference to the Venerable Sariputta.

The Venerable Sariputta was often praised by many people for his patience and forbearance. His pupils usually said of him thus: "Our teacher is a man of great patience and extreme endurance. If he is abused or even beaten by others, he does not lose his temper but remains calm and composed." As this was often said of the Venerable Sariputta, a brahmin holding wrong views declared to the admirers of Sariputta that he would provoke the Venerable Sariputta into anger. At that moment, the Venerable Sariputta, who was on his alms-round, appeared on the scene; the brahmin went after him and hit him hard on his back with his hand. The therā did not even look round to see who was the person that attacked him, but proceeded on his way as if nothing had happened. Seeing the magnanimity and great fortitude of the noble therā, the brahmin was very much shaken. He got down on his knees at the feet of the Venerable Sariputta, admitted that he had wrongfully hit the therā, and asked for pardon. The brahmin then continued, "Venerable Sir, should you forgive me, kindly come to my house for alms-food."

In the evening, other bhikkhus reported to the Buddha that the Venerable Sariputta had gone for alms-food to the house of a brahmin who had beaten him. Further, they observed that the brahmin was sure to get bolder and he would soon be assaulting other bhikkhus also. To those bhikkhus, the Buddha replied, "Bhikkhus, a true brahmana does not beat another true brahmana; only an ordinary man or an ordinary brahmin would beat an arahat in anger and ill will. This ill will should be eradicated by Anagami Magga."

Then the Buddha spoke in verse as follows:



Strike not a brahmin, nor latter violently react. Shame on the former, the latter much worse.

389. *Na brāhmaṇassa pahareyya
nā'ssa muñcētha brāhmaṇo
dhi brāhmaṇassa haṅtāraṃ
tatō dhi yassa muñcātī.* (26:7)

One should not a Brahmin beat
nor for that would He react.
Shame! Who would a Brahmin beat,
more shame for any should they react.

Verse 389: One should not strike a brahmana; a brahmana should not get angry with his assailant; it is shameful to strike a brahmana; it is more shameful to get angry with one's assailant.

Verse 390: For a brahmana there is no benefit at all if he does not restrain from anger to which his mind is prone. Inasmuch as one desists from the intention to harm, to that extent dukkha/suffering ceases.

Translated by

DAW MYA TIN, M.A.,

Burma Pitaka Association,
Rangoon, Burma.

Niệm Phật

Soạn giả: THÍCH MINH CHIẾU (Truyện Cổ Phật Giáo)

TRUYỆN TÍCH PHẬT GIÁO

Ngày xưa, có một phú ông rất sùng mộ đạo Phật. Phú ông xuất tiền xây cất một ngôi chùa cực kỳ nguy nga tráng lệ. Ông già hào tâm ấy lại có tính hiếu kỳ. Sau khi hoàn thành ngôi bảo điện, ông già muốn có một điểm gì đặc biệt khác thường nên ông chạm trở một bức hoành phi thật đẹp và khắc sáu chữ vàng "Nam mô A Di Đà Phật" bằng chữ Phạn rồi treo trước chánh điện. Những học giả và bô lão trong làng đều chịu không biết là chữ gì. Họ rất thánh phục phú ông, cho phú ông là một học giả uyên bác, thông hiểu cả Phạn ngữ. Kỳ thật thì phú ông đã nhờ một pháp sư người Ấn Độ viết cho sáu chữ đó.

Được thiên hạ trầm trồ khen ngợi bao nhiêu thì tính hiếu kỳ tự đắc của phú ông càng bị kích thích bấy nhiêu. Một hôm, ông cho viết sáu chữ ấy lên các tấm bảng gỗ kèm theo mấy hàng chữ bàn xú ở dưới: "Nếu ai đọc được mấy chữ này tôi sẽ gả con gái cho làm vợ và chia một nửa gia tài". Đoạn phú ông cho dựng những tấm bảng đó khắp nơi trong vùng và mỗi nơi cắt một người đứng gác.

Sau khi những tấm yết thị được dựng lên các học giả, văn gia, thi sĩ và nho sinh nô nức đến xem, nhưng không một ai đọc được cả.

Một ngày nọ có chàng thanh niên bán chiếu tên Hoàng Kim Ẩn, đi qua một nơi có dựng bảng, thấy rất nhiều người đang chen lấn nhau vào xem chữ, dĩ nhiên là ai cũng ôm một bầu hy vọng to tướng trong lòng. Tò mò, chàng bán chiếu cũng cố len lỏi để vào cho được. Nhưng khi đến nơi, nhìn lên tấm bảng chàng chẳng hiểu cái quái gì, chỉ thấy mấy dòng chữ ngoằn ngoèo như giun bò, chàng thất vọng quay ra. Song, lúc chàng vừa quay ra thì không may đầu đòn gánh của chàng đụng ngay vào trán của một văn sĩ đang đứng bên cạnh. Hoàng Kim Ẩn hoảng hồn la lên "Nam Mô A Di Đà Phật". Lập tức

người đứng gác báng tóm lấy cổ chàng và nói: "Đứng người này rồi". Hoàng Kim Ẩn chẳng hiểu đầu đuôi ra sao, cứ van lạy để xin lỗi vì trượt vô ý để đòn gánh đụng vào trán nhà văn. Nhưng người gác nhất định không buông tha chàng, và vội vàng đưa chàng về trình với phú ông. Chàng bán chiếu vẫn kêu van lạy lục xin tha, nhưng người gác lại nói:

- Anh này thật đại dột, sắp được vợ đẹp và giàu sang đến nơi rồi mà không biết, còn cứ xin tha mãi! Bộ anh sợ vợ hay sao?



Hoàng Kim Ẩn càng hoang mang ngơ ngác thêm không hiểu chi hết và cứ bước theo người gác về nhà phú ông.

Chả là Hoàng Kim Ẩn là một Phật tử rất kiên thành. Mặc dầu nhà nghèo, học ít, không được đọc kinh sách, nhưng chàng rất tin Phật, nên chỉ trì sáu chữ Nam mô A Di Đà Phật và lúc nào cũng nhớ Phật, niệm Phật, dù đi đứng, nằm, ngồi không bao giờ quên cả. Niệm Phật đối với chàng đã thành một thói quen. Mỗi khi gặp nguy hiểm, hay việc gì ngoài ý muốn của chàng, chàng lại niệm Phật to hơn. Do đó, lúc vô ý để đòn gánh của mình đụng vào trán nhà văn sĩ, chàng cất tiếng niệm danh hiệu Phật, mục đích để cầu cho việc đó được vô sự. Nhưng không ngờ sáu chữ chàng niệm lại đứng với sáu chữ viết bằng chữ Phạn ở trên bảng, nên người đứng gác tưởng chàng biết những chữ ấy, nên liền tóm lấy

cổ chàng rồi lôi cổ chàng về để phú ông gả con gái cho. Khốn nỗi chàng bán chiếu không hiểu cứ tưởng là người ta bắt đi để mang "gông" vào cổ, vì đã làm sứt trán của nhà văn lúc nãy nên cứ kêu xin tha tội hoài!

Khi về tới nhà phú ông, chàng bán chiếu mới vỡ lẽ là chàng được tôn lên hàng "học giả" để cùng sánh vai với tiểu thư, con gái Phú ông để cùng ca khúc "Phượng cầu Kỳ Hoàng". Chàng bán chiếu thấy bàn tay của định mệnh xếp đặt làm việc kỳ diệu quá. Bất giác chàng khẽ ngâm hai câu đối để ghi lại một biến chuyển trong quãng đời chàng mà chàng cho là vô cùng huyền bí:

"Phúc chủ, lộc thầy, bát tất con hiền, con thân,

Thơm tay, may miệng, hà tu phụng thỉnh, phụng chú".

Từ đó, Hoàng Kim Ẩn sống cuộc đời trường giả, nhưng hàng ngày chàng vẫn không quên công việc niệm Phật của quãng đời bán chiếu hồi xưa.

Một hôm, vì trái nắng trở trời, vợ chàng cảm gió. Cũng tưởng chỉ qua loa, nào ngờ mỗi ngày bệnh tình mỗi trầm trọng, cứ sốt li bì, không thuốc nào khỏi. Hoàng Kim Ẩn đâm lo và lúc nào cũng ngồi bên giường bệnh nhân để niệm Phật. Vừa niệm, chàng vừa đưa tay thoa từ đầu đến chân của tiểu thư, và huyền diệu thay! Hễ chàng đưa tay đến đâu là nàng cảm thấy nhẹ nhõm đến đó. Chẳng bao lâu, vợ chàng bình phục hẳn. Thật là đã "may miệng" lại "thơm tay".

Từ đó, Hoàng Kim Ẩn nổi tiếng là một "Đại y sư" thành danh lừng lẫy, đồn đến tai Vua.

Thật là một sự trùng hợp kỳ kỳ. Cũng trong thời gian trái nắng, trái gió ấy. Công chúa cũng lâm bệnh, và bao nhiêu danh y đã được triệu vào để trị liệu cho Công chúa, nhưng đều vô hiệu. Khi tiếng tăm của Hoàng Kim Ẩn được đồn đến Hoàng cung, lập tức nhà vua hạ chiếu chỉ với chàng vào để chữa cho Công

chúa. Nhận được chiếu chỉ, Hoàng Kim Ân cảm thấy bối rối, lo sợ, sợ vì không biết miệng chàng còn may không nữa? Câu niệm Phật biết có còn hiệu nghiệm để chữa bệnh cho Công chúa nữa không? Mặc dầu lo sợ, song không cách nào để khước từ mệnh lệnh của nhà Vua, bởi vậy chàng đành “nhắm mắt đưa chân” và chỉ tin tưởng vào sức vạn năng của một câu niệm Phật chí thành, đã đến chỗ nhất tâm bất loạn.

Khi tới Hoàng cung, Hoàng Kim Ân được đưa ngay vào phòng bệnh của Công chúa. Chàng đuổi hết người hầu cận ra ngoài. Trong phòng chỉ còn có chàng và Công chúa. Bây giờ chàng bắt đầu chữa cho Công chúa bằng phương thần dược: Miệng chàng niệm Phật, tay chàng thoa vào đầu và mình mẩy Công chúa. Công chúa ngạc nhiên và không thấy y sư cho uống thuốc gì cả, mà trong người thì cứ thấy nhẹ nhàng dần, rồi cuối cùng như một chiếc đĩa thần hể tay Hoàng Kim Ân đưa đến đâu là bệnh hết đến đấy. Mừng và lạ quá, Công chúa chạy vào tâu với Hoàng hậu và Đức Vua. Nhà Vua thấy con mình bình phục mau quá cũng hết sức ngạc nhiên và trong bụng nghĩ

thăm Hoàng Kim Ân đúng là “Thánh sư”.

Nhà Vua hạ lệnh mở yến ăn mừng và khoản đãi “Thánh sư”. Trong bữa tiệc không thiếu một thứ gì, đủ cả sơn hào hải vị. Trong lúc rượu đã ngà ngà, nhà Vua nhìn ra sân, nơi có đắp một con rồng thật lớn nói với Hoàng Kim Ân:

- Trẫm đỡ khanh biết trong miệng con rồng kia có cái gì? Nếu khanh nói đúng, Trẫm sẽ cho làm phò mã và gả Công chúa cho, bằng không trẫm bắt tội!

Nguy to rồi, nếu lần này mà cái miệng của chàng hết “may” thì đến “du địa phủ”. Đầu óc Hoàng Kim Ân lúc này thật là rối tung xoe, như một túi bong bóng vậy. Chàng tự nghĩ: “Nếu không nói đúng, chắc mình phải chết, còn nếu nói đúng thì cái nghĩa ‘tào khang chi thể’ mới làm sao đây?”. Thật là tiến thoái lưỡng nan. Đúng cũng khổ mà không đúng thì chết. Chàng cứ bần khoăn lo lắng, tự nghĩ đời tàn, bất giác chàng than một câu để thương cho số phận: Hoàng Kim Ân! Nhưng chàng vừa dứt lời thì bỗng nhà Vua vỗ

tay reo và truyền gọi Công chúa ra dâng cho chàng một ly rượu. Hoàng Kim Ân ngỡ ngác, không hiểu ra sao. Chàng còn đang ngỡ ngác thì nhà Vua nói:

- Khanh nói đúng, thật là Thánh sư! Trẫm có cất chiếc “Hoàng Kim Ân” trong miệng rồng đó!

Kỳ diệu biết bao! Tưởng mình chết đến nơi, kêu tên mình lên để than thở cho số phận, không ngờ tên mình lại trùng với tên có giấu bằng vàng rồng của nhà Vua, chết thì thoát rồi, còn việc phò mã và lấy Công chúa thì sao? Hoàng Kim Ân đập đầu xin nhà Vua tha cho tội đó, viện lẽ mình đã có vợ và phải giữ trọn đạo thủy chung. Nhà Vua cảm kích vì người có tiết nghĩa, không nỡ ép buộc, liền ban thưởng thật trọng hậu rồi sai cận vệ đưa tiễn về nhà...

Huyền diệu và linh nghiệm thay sáu chữ Nam mô A Di Đà Phật khi được phát ra với niềm chí thiết, chí thành và nhất tâm bất loạn!

NGŨ ÔNG

